



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CTCP

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN I - THÔNG TIN CHUNG VỀ PVOIL	5
1. Thông tin tổng quát	5
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	5
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	6
4. Mô hình quản trị công ty	7
5. Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.....	8
6. Ban lãnh đạo Tổng công ty	9
6.1. Hội đồng quản trị	9
6.2. Ban kiểm soát.....	11
6.3. Ban điều hành	12
7. Định hướng phát triển.....	14
7.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh	14
7.2. Tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp	15
7.3. Nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn nhân lực	15
8. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của PVOIL.....	15
PHẦN II - QUẢN TRỊ CÔNG TY	17
1. Hội đồng quản trị	17
2. Ban Kiểm soát.....	21
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát năm 2024	22
3.1. Lương, phụ cấp đặc thù công việc/kiêm nhiệm, thù lao của HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát.....	22
3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ.....	23
3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ.....	23
3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.....	23
PHẦN III - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024	24
1. Bối cảnh chung.....	24
2. Kết quả sản xuất kinh doanh	25
2.1. Các chỉ tiêu sản lượng.....	25
2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	26
3. Tổ chức và nhân sự.....	27
3.1. Ban điều hành Tổng công ty.....	27
3.2. Những thay đổi trong năm của Ban điều hành	27
3.3. Báo cáo về lao động và chính sách đối với người lao động	28
4. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án.....	30
5. Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp	31
6. Tình hình tài chính	31

7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	32
PHẦN IV - BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	34
1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Tổng công ty	34
2. Những tiến bộ đạt được trong năm	34
2.1. Nắm bắt thời cơ, đẩy mạnh phát triển CHXD dưới nhiều hình thức	34
2.2. Công tác phát triển sản phẩm mới và thích ứng với xu thế chuyển dịch năng lượng 35	
2.3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0, chuyển đổi số và nghiên cứu phát triển	36
2.4. Nâng tầm uy tín thương hiệu PVOIL.....	37
3. Tình hình tài chính	38
3.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn.....	38
3.2. Tình hình Nợ phải trả.....	39
4. Kế hoạch SXKD năm 2025	39
4.1. Dự báo tình hình.....	39
4.2. Nhiệm vụ trọng tâm	40
4.3. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu	41
5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	42
PHẦN V - ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	44
1. Đánh giá chung về các mặt hoạt động của Tổng công ty	44
2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc	46
3. Các kế hoạch và định hướng hoạt động năm 2025	47
PHẦN IV - BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	49
1. Thông điệp phát triển bền vững	49
2. Nguyên tắc hoạt động của PVOIL đối với các bên liên quan	50
3. Báo cáo về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường (ATSKMT)	51
3.1. Duy trì hiệu quả Hệ thống ATSKMT	51
3.3. Chăm sóc sức khỏe người lao động.....	53
3.4. Công tác bảo vệ môi trường và kiểm soát chất thải.....	54
3.5. Xây dựng văn hóa an toàn sức khỏe, môi trường	54
3.6. Các chỉ số an toàn sức khỏe và nghề nghiệp	55
3.7. Nhiệm vụ chính công tác ATSKMT 2025	55
4. Tuân thủ về môi trường	56
5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường	56
5.1. Tác động lên môi trường	56
5.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu	57
5.3. Tiêu thụ năng lượng	57
5.4. Tiêu thụ nước	58
5.5. Thích ứng với biến đổi khí hậu và chuyển dịch năng lượng	58
5.6. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.....	58

6. Chính sách Lao động	58
6.1. Thực hiện Luật lao động.....	58
6.2. Tình hình thực hiện Thỏa ước lao động tập thể và quy chế, quy định nội bộ	59
6.3. Lao động nữ	59
7. Báo cáo các vấn đề về xã hội	59
7.1. Việc làm và thu nhập	59
7.2. Trách nhiệm với sản phẩm, dịch vụ	60
7.3. Trách nhiệm đối với cộng đồng	60
PHẦN VII - BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2024	62
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	63
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	65
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	67
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	70
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	71
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	73

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG VỀ PVOIL

1. Thông tin tổng quát

- ♦ Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP
- ♦ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305795054
- ♦ Vốn điều lệ: 10.342.295.000.000 đồng
- ♦ Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 10.342.295.000.000 đồng
- ♦ Địa chỉ: Tầng 14-18, Tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- ♦ Số điện thoại: (84-28) 3910 6990
- ♦ Số fax: (84-28) 3910 6980
- ♦ Website: www.pvoil.com.vn
- ♦ Mã cổ phiếu: OIL, giao dịch trên Upcom từ ngày 07/3/2018

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) là đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06/06/2008 của Tập đoàn trên cơ sở hợp nhất Tổng Công ty Thương mại Dầu khí (Petechem - thành lập tháng 04/1994) và Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm dầu (PDC - thành lập tháng 04/1996).

PVOIL là đơn vị duy nhất của Tập đoàn tham gia phát triển hoàn chỉnh khâu hạ nguồn của ngành Dầu khí trong các lĩnh vực xuất nhập khẩu, kinh doanh dầu thô và chế biến, tồn trữ, phân phối các sản phẩm dầu.

Trong gần 17 năm hoạt động dưới thương hiệu PVOIL, Tổng Công ty đã liên tục phát triển mở rộng hệ thống mạng lưới kinh doanh xăng dầu (KDXD) trong và ngoài nước thông qua mua bán sáp nhập doanh nghiệp. PVOIL cũng đã không ngừng tái cấu trúc, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp theo định hướng tối ưu bộ máy, tập trung vào các hoạt động cốt lõi nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động. Đến cuối năm 2024, PVOIL có 27 công ty con, trong đó có 04 nước ngoài, 10 đơn vị trực thuộc và 10 công ty liên doanh, liên kết.

Những dấu mốc quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển PVOIL:

		06/6/2008 Thành lập PVOIL	01/8/2018 Công ty mẹ PVOIL chuyển thành CTCP	31/12/2024
Sản lượng	m3/tấn	2.000.000	3.000.000	5.600.000
Lao động	Người	1.202	5.829	6.987
Dung tích kho	m3	484.000	962.000	965.000
CHXD trực thuộc	CH	82	530	838

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Lĩnh vực kinh doanh chính



Xuất nhập khẩu dầu thô và kinh doanh dầu quốc tế



Kinh doanh phân phối các sản phẩm dầu



Sản xuất, chế biến xăng dầu, dầu mỡ nhờn, nhiên liệu sinh học

+ Lĩnh vực ủy thác xuất/ bán dầu thô và kinh doanh dầu quốc tế

PVOIL là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam tổ chức tiếp thị và thực hiện dịch vụ ủy thác xuất/ bán dầu thô Việt Nam và dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khai thác tại các mỏ nước ngoài. Với bề dày 40 năm kinh nghiệm thực hiện dịch vụ, PVOIL đã trực tiếp xuất bán an toàn và hiệu quả gần 400 triệu tấn dầu thô các loại khai thác từ 16 mỏ dầu trong và ngoài nước.

PVOIL cũng đảm nhiệm việc cung cấp dầu thô nguyên liệu cho Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn (Nhà máy lọc dầu Dung Quất) với sản lượng bình quân 7 triệu tấn/năm từ nguồn trong nước và nhập khẩu theo yêu cầu.

+ Lĩnh vực sản xuất xăng dầu, dầu mỡ nhờn, nhiên liệu sinh học

Sản xuất xăng dầu: PVOIL thực hiện sản xuất, pha chế xăng dầu với sản lượng khoảng 600.000 m³/năm từ nguồn condensate khai thác trong nước của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Toàn bộ lượng xăng sản xuất tiếp tục được đưa vào pha chế xăng sinh học E5 RON 92.

Sản xuất Nhiên liệu sinh học (NLSH): PVOIL có hệ thống pha chế xăng E5 trên cả nước với tổng công suất đạt trên 1,5 triệu m³ E5/năm. PVOIL hiện cung ứng ra thị trường gần 600.000 m³ xăng E5 thương phẩm/năm.

Sản xuất dầu mỡ nhờn: PVOIL LUBE, công ty con của PVOIL, với giá trị thương hiệu kế thừa từ VIDAMO - một trong những doanh nghiệp đầu tiên ở Việt Nam sản xuất và kinh doanh dầu mỡ nhờn. Sản phẩm của PVOIL LUBE với hơn 140 loại dầu mỡ bôi trơn được sản xuất từ nguồn nguyên liệu chất lượng cao, chủ yếu cung cấp cho các khách hàng công nghiệp và các nhà thầu dầu khí và đang dần mở rộng đến đối tượng khách hàng lẻ thông qua mạng lưới phân phối xăng dầu của PVOIL. Sản phẩm dầu mỡ nhờn của PVOIL được sản xuất tại nhà máy Bình Chiểu (Tp. Hồ Chí Minh) công suất 20.000 tấn/năm.

Kinh doanh sản phẩm dầu Trong lĩnh vực kinh doanh phân phối xăng dầu tại thị trường nội địa, PVOIL xếp vị trí thứ 2 về sản lượng tiêu thụ, chiếm 23% thị phần. Tại Lào, PVOIL đứng đầu về sản lượng nhập khẩu, chiếm 18% thị phần và trong top 3 doanh nghiệp kinh doanh phân phối xăng dầu lớn nhất.

Trong suốt gần 17 năm hoạt động, thông qua hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A), PVOIL đã phát triển mạnh mẽ hệ thống phân phối KDXD rộng khắp cả nước và tại nước bạn Lào.

3.2. Địa bàn kinh doanh và hệ thống phân phối

Trong nước:

Tính đến cuối năm 2024, PVOIL có hệ thống phân phối xăng dầu tại 63/63 tỉnh thành trên cả nước với hơn 2.600 cửa hàng xăng dầu (CHXD), trong đó có 838 CHXD trực thuộc và 1.800 CHXD đại lý/nhượng quyền thương mại.

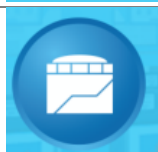
Nước ngoài:

- **Tại Lào**, PVOIL có 02 công ty con là PVOIL Laos kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu và PVOIL Laos Trading kinh doanh phân phối xăng dầu tại 16/18 tỉnh/thành của Lào với hệ thống phân phối là 136 CHXD.
- **Tại Singapore**, PVOIL có công ty con là PVOIL Singapore chuyên kinh doanh dầu thô và sản phẩm dầu trên thị trường quốc tế.
- **Tại Campuchia**, PVOIL thành lập công ty con là PVOIL Campuchia để nghiên cứu đầu tư xây dựng nhà máy chế biến condensate tại đây.

3.3. Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh



- 838 cửa hàng xăng dầu tại 56 tỉnh/thành trên cả nước.
- 11 cửa hàng xăng dầu tại Lào



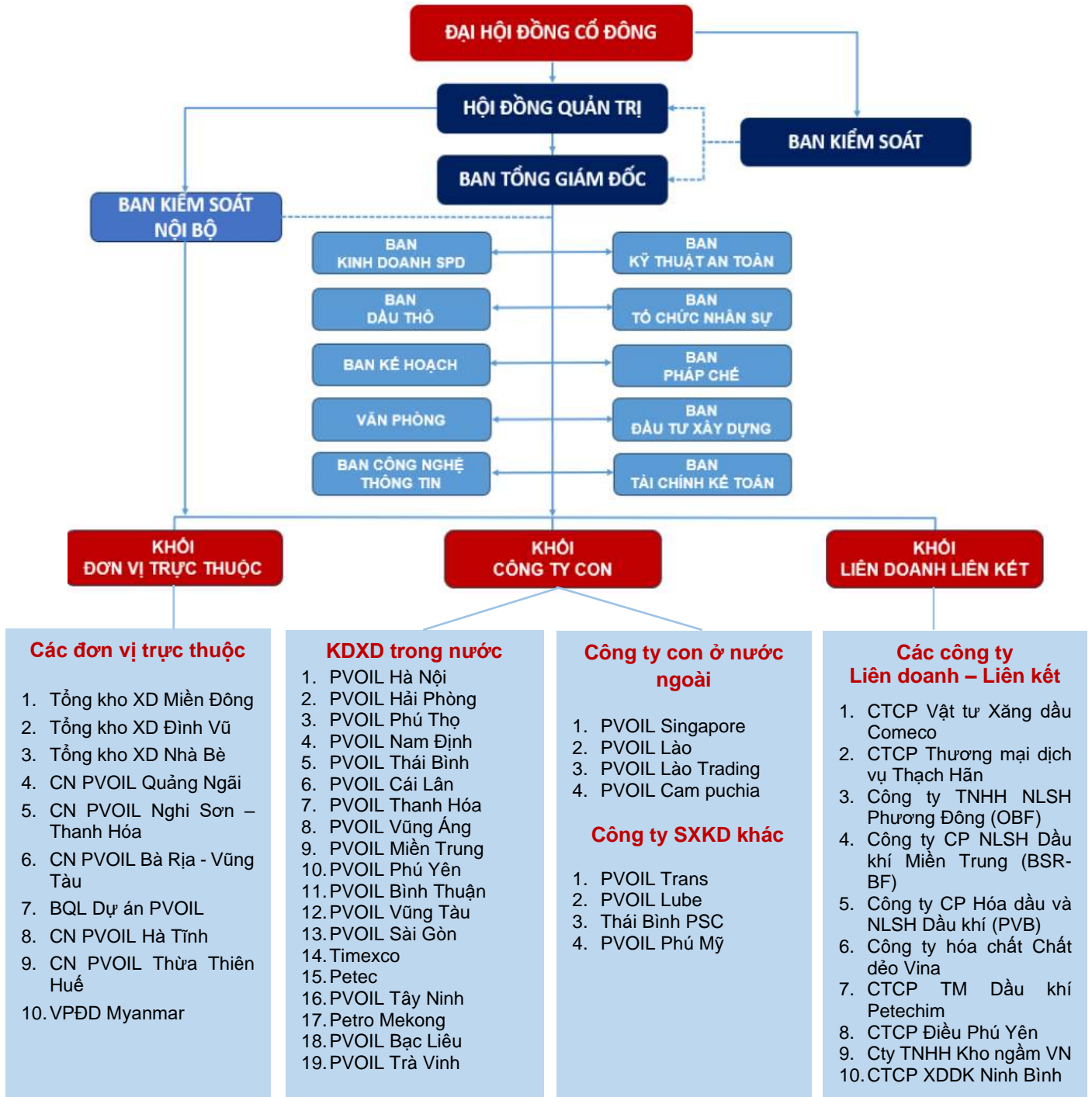
- 30 kho xăng dầu trên cả nước, tổng sức chứa 965 ngàn m³
- 09 kho xăng dầu tại Lào với tổng sức chứa 10.830 m³



- Hơn 250 xe bồn tổng dung tích gần 5.000 m³
- 07 sà lan tổng dung tích 10.780 m³

4. Mô hình quản trị công ty

Kể từ ngày 01/8/2018, Công ty mẹ Tổng Công ty Dầu Việt Nam chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với mô hình tổ chức bộ máy như sơ đồ sau:



5. Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

- Các công ty con: Chi tiết xin xem tại thuyết minh BCTC kiểm toán (trang 74-75 báo cáo này)
- Các công ty liên doanh, liên kết: Chi tiết xin xem tại thuyết minh BCTC kiểm toán (trang 76 và 77 báo cáo này)

6. Ban lãnh đạo Tổng công ty

6.1. Hội đồng quản trị

Cơ cấu Hội đồng quản trị PVOIL được ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua gồm 7 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập.

Thành viên HĐQT được ĐHĐCĐ bầu chọn và tham gia HĐQT PVOIL trong năm 2024 gồm:

Ông Cao Hoài Dương, Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh: 30/01/1972

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Hóa học; Thạc sĩ Hóa Công nghệ

Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông có hơn 30 năm đóng góp cho ngành dầu khí. Trải qua các vị trí từ chuyên viên, lãnh đạo cấp trung đến tham gia quản lý điều hành các doanh nghiệp trong ngành Dầu khí như: Phó Tổng giám đốc Liên doanh Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Tổng giám đốc Tổng công ty Đạm và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo). Với tư duy chiến lược sắc bén và kiến thức sâu rộng trong nhiều lĩnh vực, ông khẳng định uy tín, vai trò qua từng vị trí công tác với nhiều đóng góp quan trọng. Tháng 01/2016, ông được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam điều động về Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV giữ cương vị Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty. Khi PVOIL chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần - từ 01/8/2018, ông tiếp tục đảm nhận vị trí Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc PVOIL. Đến ngày 23/9/2020 ông được HĐQT tín nhiệm bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT. Tại ĐHĐCĐ thường niên 2023, ông tiếp tục được tín nhiệm bầu tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 và HĐQT bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT.

Ông Cao Hoài Dương đang nắm giữ 284.639.404 cổ phần (tương đương 27,52% vốn điều lệ) tại PVOIL. Trong đó, 284.634.304 cổ phần là đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và 5.100 cổ phần là sở hữu của cá nhân.

Ông Nguyễn Đăng Trình, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc PVOIL

Ngày sinh: 20/07/1982

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có gần 20 năm làm việc trong ngành Dầu khí và đã kinh qua vị trí kế toán trưởng Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam và, Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL); Tháng 6/2019 ông được HĐQT PVOIL bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc PVOIL. Từ 27/4/2023 ông được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 đồng thời tiếp tục nắm giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc PVOIL. Đến tháng 12/2024, ông được bổ nhiệm vào vị trí Tổng Giám đốc PVOIL.

Ông là người đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVOIL với 103.428.162 cổ phần (tương đương 10% vốn điều lệ của PVOIL) và hiện không có cổ phần sở hữu cá nhân tại PVOIL.

Ông Đoàn Văn Nhuộm, Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 07/11/1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Trắc địa công trình

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có gần 38 năm đóng góp cho ngành Dầu khí, đã tham gia

quản lý điều hành nhiều đơn vị lớn trong ngành như Giám đốc Công ty kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam, Tổng Giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo), Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Vận tải dầu khí (PV Trans). Ông đã có nhiều năm gắn bó với PVOIL, nguyên là Phó Giám đốc Công ty Kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ (PDC) – tiền thân của PVOIL và là Tổng Giám đốc PVOIL từ tháng 10/2014-12/2015. Với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, tháng 9/2020, ông được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam điều động về PVOIL giữ cương vị Tổng Giám đốc Tổng công ty. Ông đồng thời được ĐHĐCĐ bầu làm thành viên HĐQT của Tổng công ty từ tháng 01/2021 đến nay. Ngày 01/12/2024, ông thôi chức vụ Tổng Giám đốc Tổng công ty để nghỉ hưu theo chế độ.

Ông Đoàn Văn Nhuộm hiện không sở hữu cổ phần tại PVOIL.

Ông Trần Hoài Nam, Thành viên HĐQT PVOIL

Phó Tổng Giám đốc HD Bank

Ngày sinh: 14/08/1965

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý công nghiệp

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Với kinh nghiệm quản lý và điều hành tại các công ty quy mô lớn (như Viện Đo lường Việt Nam, Ngân hàng Citibank Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM, Công ty CP Thương mại Dầu khí - PETECHIM, Công ty Cổ phần Hàng không VietJet...), ông Nam được ĐHĐCĐ Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP tin tưởng và bầu làm thành viên HĐQT kể từ ngày 01/8/2018 đến nay.

Ông hiện không sở hữu cổ phần tại PVOIL.

Ông Lê Văn Nghĩa, Thành viên HĐQT PVOIL

Chủ tịch HĐQT PetroMekong, PVOIL Cái Lân, Comeco (kiêm nhiệm)

Ngày sinh: 05/07/1966

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có nhiều năm kinh nghiệm quản lý và giám sát hoạt động tài chính doanh nghiệp, quản trị rủi ro trước khi về đầu quân cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Gia nhập Tổng công ty Dầu Việt Nam từ 02/2011, ông lần lượt nắm giữ các chức vụ như Phó, Trưởng ban Kiểm soát nội bộ, thành viên HĐTV Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV. Ông tiếp tục cương vị thành viên HĐQT PVOIL sau khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần từ ngày 01/8/2018 đến nay.

Ông Lê Văn Nghĩa đang nắm giữ 103.428.762 cổ phần tại PVOIL (tương đương 10% vốn điều lệ của PVOIL). Trong đó, 103.428.162 cổ phần là đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và 600 cổ phần là sở hữu của cá nhân ông.

Ông Nguyễn Mậu Dũng, Thành viên HĐQT PVOIL

Chủ tịch HĐQT PVOIL Phú Yên, PVOIL Nam Định, PVOIL Vũng Áng (kiêm nhiệm)

Ngày sinh: 02/01/1968

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Gia nhập ngành Dầu khí từ hơn 30 năm trước, ông Nguyễn Mậu Dũng đã nắm giữ nhiều vị trí quản lý quan trọng tại các đơn vị lớn và công ty mẹ Tập đoàn dầu khí Việt Nam như: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty xây dựng Dầu Khí (PVC), Phó tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam (PVGAS), Trưởng ban Thương mại thị trường Tập đoàn

Dầu khí Việt Nam (PVN). Ông Dũng được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giới thiệu và ĐHCĐ bất thường năm 2021 của PVOIL bầu làm thành viên HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP vào tháng 01/2021.

Ông là người đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVOIL với 103.428.162 cổ phần (tương đương 10% vốn điều lệ của PVOIL) và hiện không sở hữu cổ phần tại PVOIL

Ông Nguyễn Xuân Quyền, Thành viên độc lập HĐQT PVOIL

Ngày sinh: 06/8/1956

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy tàu biển.

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Hơn 20 năm làm việc trong ngành Dầu khí trong đó có 10 năm làm việc tại PVOIL và đơn vị tiền thân, trước khi nghỉ hưu (ngày 01/9/2016), ông Quyền từng giữ chức thành viên Hội đồng thành viên PVOIL. Từ 27/4/2023 ông được bầu làm thành viên độc lập HĐQT PVOIL nhiệm kỳ 2023-2028.

Ông hiện không sở hữu cổ phần tại PVOIL

6.2. Ban kiểm soát

Trưởng ban kiểm soát Nguyễn Đức Kện

Ngày sinh: 25/9/1964

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có gần 30 năm làm việc trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trong đó có 17 năm ở lĩnh vực tài chính kế toán và quản lý tài chính các dự án dầu khí tại Công ty Mẹ Tập đoàn và tại các đơn vị thành viên. Ông là Trưởng ban Kiểm soát PVOIL nhiệm kỳ 2018-2022, nhiệm kỳ 2023-2028 ông tiếp tục được Tập đoàn Dầu khí tin nhiệm giới thiệu và được bầu chọn làm Trưởng ban Kiểm soát.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

Thành viên Ban Kiểm soát Phạm Thanh Sơn

Ngày sinh: 01/8/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có gần 27 năm làm việc tại PVOIL và đơn vị tiền thân Petechim. Ông là kiểm soát viên của PVOIL từ ngày đầu thành lập – 06/6/2008 và tiếp tục được bầu làm thành viên ban kiểm soát khi PVOIL chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần từ 01/8/2018 đến nay.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

Thành viên Ban Kiểm soát Lê Vinh Văn

Ngày sinh: 16/12/1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán, Cử nhân Ngữ văn Anh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có hơn 20 năm làm việc trong ngành Dầu khí ở lĩnh vực Thương mại, Kế toán tài chính và Kiểm soát. Với kinh nghiệm hơn 15 năm làm công tác kiểm soát tại Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí (PVFCCo), ông được Tập đoàn dầu khí

Việt Nam giới thiệu và ĐHCĐ thường niên 2023 của PVOIL bầu làm thành viên Ban Kiểm soát PVOIL nhiệm kỳ 2023-2028 kể từ ngày 27/4/2023.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

6.3. Ban điều hành

Tổng Giám đốc Nguyễn Đăng Trình

Ngày sinh: 20/07/1982

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có gần 20 năm làm việc trong ngành Dầu khí và đã kinh qua vị trí kế toán trưởng Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam và Tổng công ty Dầu Việt Nam ; Tháng 6/2019 ông được HĐQT PVOIL bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc PVOIL. Từ 27/4/2023 ông được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 đồng thời tiếp tục nắm giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc PVOIL. Ngày 01/12/2024, ông được bổ nhiệm vào vị trí Tổng Giám đốc PVOIL.

Ông là người đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVOIL với 103.428.162 cổ phần (tương đương 10% vốn điều lệ của PVOIL) và hiện không có cổ phần sở hữu cá nhân tại PVOIL.

Phó Tổng Giám đốc Võ Khánh Hưng

Giám đốc PVOIL Cambodia, Chủ tịch HĐQT Petechim (kiêm nhiệm)

Chủ tịch HĐQT PVOIL Lào & PVOIL Lào Trading (kiêm nhiệm từ ngày 01/7/2023).

Ngày sinh: 28/9/1965

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật Hóa dầu; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: PTGD Võ Khánh Hưng gắn bó với Petechim – đơn vị tiền thân của PVOIL ngay từ những ngày đầu thành lập (tháng 8/1992), ông Hưng là một trong những gương mặt tiêu biểu về sự cống hiến trong từng bước tiến của Tổng công ty. Trong suốt hơn 30 năm công tác, ông đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao phó. Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV từ tháng 6/2008 và tiếp tục nắm giữ cương vị này sau khi Tổng Công ty chuyển sang hoạt động dưới mô hình CTCP đến nay.

Ông hiện đang sở hữu 2.200 cổ phần tại PVOIL.

Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Tuấn Tú

Chủ tịch HĐQT Petec, Thành viên HĐQT PVB, BSR-BF, OBF (kiêm nhiệm đến 21/8/2024)

Ngày sinh: 30/3/1972

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán; Cử nhân Anh văn; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông Tú đã có hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Dầu khí, nắm giữ nhiều vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính kế toán. Gia nhập Tổng Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) - tiền thân của PVOIL từ tháng 05/2006 với cương vị Kế toán trưởng. Đến tháng 06/2011 ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV và tiếp tục nắm giữ cương vị này khi Tổng Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần từ ngày 01/8/2018, đến 21/8/2024 ông được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam điều động nhận nhiệm vụ mới.

Tại thời điểm chuyển công tác, ông đang sở hữu 1.000 cổ phần tại PVOIL.

Phó Tổng Giám đốc Hoàng Đình Tùng

Thành viên HĐQT PVOIL Singapore (kiêm nhiệm)

Ngày sinh: 03/12/1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Kiểm toán

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu tại PVOIL và đơn vị tiền thân Petechim, đảm nhiệm qua các vị trí từ Chuyên viên Kinh doanh, Phó phòng Kinh doanh, Phó ban XNK Dầu thô và Sản phẩm dầu/Phó ban Kinh doanh Sản phẩm dầu, Giám đốc PVOIL Vũng Tàu và Trưởng ban Kinh doanh Sản phẩm dầu. Ông được HĐQT tín nhiệm bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty từ ngày 15/8/2023 đến nay.

Ông hiện đang sở hữu 1.000 cổ phần tại PVOIL.

Phó Tổng Giám đốc Lê Thị Thu Hương

Ngày sinh: 09/10/1975

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh; Cử nhân Anh văn, Cử nhân Pháp văn

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Bà đã đảm nhiệm qua các vị trí Phó phòng quản lý Văn phòng đại diện ở nước ngoài - Sở Thương mại Hà Nội; Chuyên viên Vụ thương mại & Dịch vụ - Bộ KHĐT; Trưởng ban Luật và Hợp tác quốc tế PV Power; Phó trưởng ban Đầu tư phát triển PVN và Phó Tổng Giám đốc PVFCCo (từ 3/2013 – 8/2023). Bà được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giới thiệu và HĐQT PVOIL bổ nhiệm giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc PVOIL từ ngày 15/8/2023.

Hiện bà không sở hữu cổ phần tại PVOIL.

Phó Tổng Giám đốc Trương Đại Hoàng

Chủ tịch HĐQT Petec, PVOIL Phú Thọ, PVOIL Trans (kiêm nhiệm)

Ngày sinh: 02/10/1974

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và Công nghiệp

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, kinh qua các vị trí giám sát thi công, chỉ huy trưởng công trình, quản lý công tác xây dựng cơ bản tại một số dự án trọng điểm của ngành dầu khí. Ông đã gắn bó với PVOIL từ những ngày đầu mới thành lập, giữ vị trí Trưởng ban Đầu tư xây dựng. Đến tháng 10/2024, ông được HĐQT PVOIL bổ nhiệm giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc PVOIL.

Hiện ông không sở hữu cổ phần tại PVOIL.

Kế toán trưởng: Ông Nguyễn Ngọc Ninh

Ngày sinh: 07/10/1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Tín dụng

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Dầu khí ở lĩnh vực tài chính kế toán. Gắn bó với PVOIL từ tháng 11/2011, qua các vị trí Phó ban TCKT, Trưởng ban Kiểm soát nội bộ Tổng công ty, với năng lực và kinh nghiệm trong công tác quản

lý tài chính, kế toán, kiểm toán, từ ngày 09/9/2019 đến nay ông được bổ nhiệm và giữ chức Kế toán trưởng Tổng công ty.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

7. Định hướng phát triển

PVOIL kiên định với định hướng phát triển Tổng công ty dựa trên các quan điểm sau:

- ☞ Phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Tập trung vào 02 lĩnh vực hoạt động chính là XNK kinh doanh dầu thô và sản xuất, kinh doanh sản phẩm dầu.
- ☞ Tiếp tục kiên định với định hướng phát triển hệ thống phân phối, đảm bảo tập trung nguồn lực, nâng cao hiệu quả sử dụng và phát huy tối đa cơ sở hạ tầng đã đầu tư.
- ☞ Phát triển ổn định, bền vững, an toàn và hiệu quả; gắn hoạt động SXKD với bảo vệ môi trường và hướng tới lợi ích chung của toàn xã hội.
- ☞ Không ngừng hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý, ứng dụng CNTT, tự động hóa và mô hình quản trị tiên tiến nhằm đạt hiệu quả cao hơn.

Mục tiêu phát triển giai đoạn 2021-2025

❖ Mục tiêu tổng quát

- ✔ PVOIL là đơn vị duy nhất thực hiện nhiệm vụ xuất khẩu và kinh doanh dầu thô của Tập đoàn, cung cấp dầu thô từ nguồn nội địa và nhập khẩu cho NMLD Dung Quất.
- ✔ Tăng trưởng sản lượng KDXD đạt trên 5%/năm, giữ ổn định thị phần.
- ✔ Tiếp tục hoàn thiện hệ thống phân phối theo hướng gia tăng bán hàng vào các kênh tiêu thụ trực tiếp, phần đầu tỷ trọng bán lẻ và khách hàng công nghiệp đạt tối thiểu 50% vào năm 2025.

❖ Mục tiêu cụ thể

- ✔ Sản lượng KDXD đến 2025 đạt 3,8-4,0 triệu m³/tấn; Tỷ trọng bán lẻ đạt tối thiểu 30% vào năm 2025.
- ✔ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ bình quân 6%.

7.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh



Lĩnh vực ủy thác dầu thô và kinh doanh dầu quốc tế: Xuất/bán an toàn và hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô Việt Nam và dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khai thác ở nước ngoài; cung cấp đầy đủ dầu thô nguyên liệu cho NMLD Dung Quất theo yêu cầu. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dầu quốc tế, khẳng định thương hiệu PVOIL trong lĩnh vực này.



Lĩnh vực sản xuất, pha chế: Triển khai sản xuất pha chế xăng sinh học đáp ứng nhu cầu thị trường và theo lộ trình của Chính phủ; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm DMN thương hiệu PVOIL LUBE.



Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu: Giữ ổn định thị phần và hệ thống phân phối; tập trung gia tăng tỷ trọng bán hàng vào các kênh tiêu thụ trực tiếp, bền vững (bán lẻ và bán khách hàng công nghiệp) và xúc tiến phát triển các dịch vụ phi xăng dầu tại CHXD.

7.2. Tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp

Trong giai đoạn 2020-2025, PVOIL tập trung rà soát, sắp xếp, tổ chức lại hệ thống các đơn vị thành viên kinh doanh xăng dầu (KDXD) theo hướng thu gọn đầu mối nhằm tiết giảm chi phí, triệt tiêu cạnh tranh nội bộ và cải thiện hiệu quả hoạt động.

7.3. Nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn nhân lực

Công tác nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn nhân lực được chú trọng, thông qua các giải pháp:

- ✓ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản trị điều hành hướng tới mô hình quản trị hiện đại, minh bạch, chuyên nghiệp theo các chuẩn mực quốc tế và áp dụng khoa học công nghệ, số hóa, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ khách hàng.
- ✓ Chú trọng chất lượng tuyển dụng mới; bố trí đúng người đúng việc; Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực và phát triển nguồn nhân lực....

8. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của PVOIL

Rủi ro lãi suất: Lãi suất là một chỉ số tài chính quan trọng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của PVOIL do một phần vốn lưu động và đầu tư là vốn vay. Tuy nhiên, nhờ có dòng tiền tốt và tín nhiệm cao với các ngân hàng nên PVOIL luôn thu xếp được các khoản vay với lãi suất ưu đãi, giúp giảm thiểu chi phí kinh doanh.

Rủi ro tỷ giá: Là doanh nghiệp nhập khẩu, kinh doanh xăng dầu nên PVOIL chịu ảnh hưởng về biến động tỷ giá. PVOIL đã áp dụng hình thức giao dịch kỳ hạn để hạn chế rủi ro. Tuy nhiên, từ cuối năm 2018, nguồn cung từ 2 NMLD trong nước đã đáp ứng hơn 70% nhu cầu nội địa và PVOIL ưu tiên tiêu thụ nguồn hàng này, chỉ nhập khi thiếu hụt nên đã giảm thiểu được rủi ro về tỷ giá.

Rủi ro về giá dầu: Giá dầu thô và xăng dầu trên thế giới biến động liên tục, rất khó lường, phức tạp và phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tình hình địa chính trị, tình hình kinh tế tại các nước như Mỹ, Trung Quốc, châu Âu; diễn biến nhu cầu và nguồn cung trên toàn thế giới cũng như các yếu tố tài chính, tâm lý thị trường. Để ứng phó, PVOIL đặc biệt chú trọng công tác phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến thị trường và có chính sách điều hành linh hoạt.

Rủi ro về điều hành kinh doanh xăng dầu (KDXD) của Chính phủ: Hoạt động kinh doanh của Công ty có liên quan mật thiết với giá dầu thô và xăng dầu trên thị trường thế giới và điều hành giá của Chính phủ. Điều hành KDXD của Chính phủ trong những năm gần đây đã thể hiện sự minh bạch và tiếp cận thị trường, tuy nhiên vẫn tiềm ẩn rủi ro cho doanh nghiệp (công thức giá, biên độ điều chỉnh giá; sử dụng các công cụ điều tiết khác như quỹ bình ổn và thuế; bắt buộc về tồn kho lưu thông 20 ngày; ấn định mức chi phí và lợi nhuận định mức trong KDXD).

Rủi ro cháy nổ, ô nhiễm môi trường: Kinh doanh xăng dầu là ngành nghề có rủi ro cao về cháy, nổ, hỏa hoạn, ô nhiễm môi trường... Khi có sự cố xảy ra sẽ để lại hệ lụy nặng nề đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Để hạn chế và kiểm soát rủi ro đặc thù này, PVOIL đã đầu tư, trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định, tổ chức lực lượng

chữa cháy tại chỗ, thuê đơn vị chuyên ngành triển khai các giải pháp phòng, chống tràn dầu và mua đầy đủ các loại bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm cháy nổ...

Rủi ro về pháp luật: Là một công ty cổ phần đại chúng, hoạt động kinh doanh của PVOIL bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Tổng công ty. Để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, PVOIL luôn theo dõi và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan trong hệ thống, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Tổng công ty.

Rủi ro khác: Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của PVOIL có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại tài sản cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

PHẦN II

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Cơ cấu HĐQT PVOIL được ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua gồm 7 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập. Chi tiết xin xem tại Mục 6.1 Phần I của báo cáo này.

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc. Theo cơ cấu tổ chức của Tổng công ty, HĐQT quyết định thành lập Ban Kiểm soát nội bộ (KSNB) là bộ phận tham mưu, giúp việc trực thuộc HĐQT và giao chức năng, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động hệ thống cho Ban KSNB. Thực hiện Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/11/2019 của Chính phủ và Thông tư số 66/2020/TT-BTC ngày 10/7/2020 của Bộ Tài chính về ban hành quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ áp dụng cho doanh nghiệp, HĐQT đã giao bổ sung nhiệm vụ thực hiện công tác kiểm toán nội bộ cho Ban KSNB, đồng thời ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ của Tổng công ty tại Quyết định số 92/QĐ-DVN ngày 26/01/2022 và Quy trình kiểm toán nội bộ của Tổng công ty làm cơ sở triển khai hoạt động này.

1.3. Hoạt động của HĐQT trong năm 2024

- ✓ HĐQT đã xây dựng và ban hành “Chương trình công tác năm 2024 của HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP” theo Quyết định số 1044/QĐ-DVN ngày 29/12/2023 theo đó cụ thể hóa các nội dung công tác, bao gồm các nhiệm vụ có tính chất chiến lược, định hướng phát triển trung, dài hạn đối với Tổng công ty; các nhiệm vụ thường xuyên gắn liền với kế hoạch SXKD hàng năm được ĐHĐCĐ giao và việc thực hiện chức năng lãnh đạo, quản lý các mặt hoạt động của Tổng công ty. Định kỳ 6 tháng/lần, HĐQT tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Chương trình công tác.
- ✓ HĐQT tổ chức phân công nhiệm vụ cho từng Thành viên HĐQT phù hợp với thể mạnh, năng lực chuyên môn và kinh nghiệm công tác của từng thành viên.
- ✓ Mỗi Thành viên HĐQT luôn đề cao tinh thần làm việc trách nhiệm, dân chủ; Xử lý nhanh chóng, kịp thời các vấn đề, đề xuất/kiến nghị của Tổng Giám đốc; Ban hành các nghị quyết, quyết định phù hợp thẩm quyền. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ theo nguyên tắc đa số, dựa trên kết quả biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp hoặc biểu quyết thông qua hình thức phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT; Tuân thủ đầy đủ các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.
- ✓ Trong năm, HĐQT đã tổ chức 12 cuộc họp, ban hành 98 nghị quyết để quản lý/chỉ đạo các hoạt động của PVOIL trên mọi lĩnh vực; Tổ chức giám sát và đánh giá kịp thời kết quả thực hiện nội dung các nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; Tổ chức giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác theo Điều lệ; Tổ chức giám sát trực tiếp toàn diện tình hình SXKD của các đơn vị thành viên trong hệ thống PVOIL và chỉ đạo các đơn vị khắc phục những tồn tại và yếu kém được phát hiện thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát. Thừa ủy quyền của ĐHĐCĐ xem xét việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận năm 2024 của Tổng công ty do tác động từ các nguyên nhân khách quan.
- ✓ Năm 2024, lãnh đạo PVOIL hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ trọng tâm khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2024 trong bối cảnh giá dầu thế giới năm biến động khó lường do chịu tác động bởi các bất ổn địa chính trị, cam kết giảm sản lượng của các nước OPEC+, NMLD Dung Quất dừng hoạt động để bảo dưỡng (từ 15/3 đến 10/5) dẫn đến xăng dầu phải nhập khẩu để bù đắp cho

phần thiếu hụt trong khi tỷ giá USD/VND tăng mạnh và duy trì ở mức cao, từ Quý 3/2024, giá dầu trong nước có chuỗi 10 kỳ giảm liên tiếp (từ 16%-20%), nhu cầu tiêu thụ xăng dầu sụt giảm do ảnh hưởng của mùa mưa bão (đặc biệt cơn bão số 3 Yagi), hiệu quả kinh doanh xăng dầu bị ảnh hưởng.

- ✔ Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2024 và thực hiện đầy đủ chế độ công bố thông tin đối với công ty đại chúng.
- ✔ Cuối năm 2024, HĐQT đã tổ chức họp kiểm điểm, nghiêm túc đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo cũng như kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT; Đánh giá về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024; Kiểm điểm sâu sát về việc khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được cấp có thẩm quyền kết luận hoặc được chỉ ra ở các kỳ kiểm điểm trước.

1.4. Các cuộc họp HĐQT trong năm 2024

TT	Thời gian	SL tham dự	Nội dung	Kết quả
1	01/02/2024	7/7	1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh tháng 1 và nhiệm vụ trọng tâm tháng 2 năm 2024 của Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL). 2. Báo cáo cập nhật tình hình triển khai công tác Tái cơ cấu Công ty mẹ và các đơn vị thành viên. 3. Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của PVOIL.	Cuộc họp đạt được sự thống nhất về các nội dung được đưa ra thảo luận. Thống nhất ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Tổng công ty vào ngày 26/4/2024 theo hình thức trực tuyến.
2	29/02/2024	7/7	1. Báo cáo kết quả SXKD tháng 2 và nhiệm vụ trọng tâm tháng 3 năm 2024 của PVOIL. 2. Báo cáo cập nhật tình hình triển khai công tác Tái cơ cấu Công ty mẹ và các đơn vị thành viên. 3. Rà soát công tác chuẩn bị tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của PVOIL. 4. Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ của Tổng công ty.	Cuộc họp đạt được sự thống nhất về các nội dung được đưa ra thảo luận.
3	20/03/2024	6/7	1. Xem xét nội dung Tờ trình đề xuất bổ sung kế hoạch đầu tư dự án Trạm dừng nghỉ trên cao tốc vào kế hoạch SXKD năm 2024 của Tổng công ty. 2. Rà soát công tác chuẩn bị tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP.	HĐQT thống nhất chủ trương giao Ban Điều hành Tổng công ty tìm kiếm cơ hội đầu tư 02 dự án Trạm dừng nghỉ trên đường cao tốc trong năm 2024.
4	16/04/2024	7/7	1. Rà soát cập nhật công tác chuẩn bị tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của PVOIL. 2. Báo cáo cập nhật tình hình triển khai công tác Tái cơ cấu các đơn vị thành viên. 3. Cập nhật tình hình khắc phục tình trạng giám sát tài chính đặc biệt tại các đơn vị thành viên.	HĐQT thảo luận và chỉ đạo các bộ phận liên quan tập trung, khẩn trương đẩy nhanh tiến độ liên quan đến công tác tái cấu trúc các đơn vị thành viên. Giao Tổng giám đốc triển khai các giải pháp nhằm khắc phục tình trạng giám sát tài chính đặc biệt tại các đơn vị thành viên.

TT	Thời gian	SL tham dự	Nội dung	Kết quả
5	06/05/2024	5/7	<ol style="list-style-type: none"> Báo cáo kết quả SXKD tháng Tư, 4 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm tháng 5 năm 2024 của PVOIL. Cập nhật tình hình triển khai công tác tái cơ cấu các đơn vị thành viên. Cập nhật tình hình triển khai công tác quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - PVOIL. Cập nhật tình hình xử lý các dự án Nhiên liệu sinh học (NLSH) có vốn góp của Tổng công ty. Cập nhật tình hình triển khai công tác chuẩn bị cho hoạt động kinh doanh JetA1 của Tổng công ty. 	Cuộc họp nghe báo cáo cập nhật tình hình triển khai các nội dung được đưa ra thảo luận và cho ý kiến chỉ đạo để Tổng giám đốc triển khai các công việc tiếp theo.
6	07/06/2024	6/7	<ol style="list-style-type: none"> Báo cáo kết quả SXKD tháng Năm, 5 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm tháng 6 năm 2024 của Tổng công ty. Cập nhật tình hình triển khai công tác tái cơ cấu các đơn vị thành viên. Báo cáo và đề xuất việc giải quyết tranh chấp với Taleveras liên quan đến việc thành lập trái phép Công ty Petrovietnam Oil DMCC. Báo cáo cập nhật tình hình thực hiện các chỉ đạo của HĐQT liên quan đến: i) Hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ; ii) Hồ sơ pháp lý liên quan đến khoản đầu tư của PVOIL Phú Thọ vào Tòa nhà 148 Hoàng Quốc Việt; iii) Quyết toán cổ phần hóa PVOIL; iv) Xử lý các dự án NLSH có vốn góp của PVOIL. 	Cuộc họp đạt được sự thống nhất về các nội dung được đưa ra thảo luận.
7	25/07/2024	7/7	<ol style="list-style-type: none"> Phương án huy động vốn cho dự án Mở rộng sức chứa 40.000 m³ Kho xăng dầu Petec Hải Phòng. Phương án xử lý tiếp theo đối với dự án NLSH Phú Thọ. Thảo luận về phương án bổ sung vốn cho các đơn vị thành viên tại Lào. 	Cuộc họp thảo luận và giao Thư ký lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản liên quan đến các kiến nghị của Tổng giám đốc trình HĐQT.
8	01/10/2024	6/7	<ol style="list-style-type: none"> Báo cáo kết quả SXKD tháng 9, 9 tháng đầu năm 2024 và nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2024. Báo cáo cập nhật tình hình triển khai các giải pháp an ninh mạng tại Tổng công ty. Báo cáo kết quả rà soát, hoàn thiện văn bản nội bộ của Tổng công ty. Báo cáo cập nhật tình hình triển khai đầu tư trạm dừng nghỉ trên cao tốc, trạm dịch vụ xe tải đường dài của PVOIL và các đơn vị thành viên. Báo cáo cập nhật tình hình triển khai công tác Tái cơ cấu các đơn vị thành viên. 	Cuộc họp đạt được sự thống nhất về các nội dung được đưa ra thảo luận; Giao Tổng giám đốc Tổng công ty chỉ đạo các Ban chuyên môn và Người đại diện tại các đơn vị thành viên triển khai các công việc liên quan.

TT	Thời gian	SL tham dự	Nội dung	Kết quả
			6. Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD của Tổng công ty Petec.	
9	11/11/2024	7/7	<ol style="list-style-type: none"> Báo cáo ước thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 và thảo luận về các chỉ tiêu kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2026 – 2030 của Tổng công ty. Báo cáo và thảo luận về kết quả SXKD tháng Mười, 10 tháng đầu năm và tình hình triển khai công tác tái cơ cấu các đơn vị thành viên. Báo cáo cập nhật tình hình triển khai và thảo luận phương án xử lý tiếp theo đối với các dự án NLSH có vốn góp của Tổng công ty. 	<p> HĐQT thảo luận và thống nhất đánh giá cao kết quả hoàn thành sớm các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 của Tổng công ty. Qua đó, tiếp tục tạo đà tăng trưởng cho Tổng công ty nhằm hướng đến các mục tiêu cao hơn cho giai đoạn 2026 – 2030.</p>
10	28/11/2024	7/7	Bổ nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty – Người đại diện pháp luật của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP.	<p>100% các thành viên tham dự họp đồng ý bổ nhiệm ông Nguyễn Đăng Trình giữ chức Tổng giám đốc Tổng công ty – Người đại diện pháp luật của Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP.</p>
11	03/12/2024	7/7	<ol style="list-style-type: none"> Báo cáo và thảo luận về kết quả SXKD tháng Mười một, 11 tháng đầu năm, ước thực hiện kết quả SXKD năm 2024 của Tổng công ty. Thảo luận về định hướng giao kế hoạch năm 2025 cho các đơn vị thành viên. Báo cáo cập nhật tình hình triển khai khắc phục tình trạng cổ phiếu OIL bị đưa vào diện cảnh báo giao dịch. Báo cáo cập nhật tình hình triển khai công tác chuẩn bị kinh doanh Nhiên liệu hàng không JetA1. 	<p>Cuộc họp thảo luận các nội dung được trình bày và thống nhất định hướng giao kế hoạch cho các đơn vị thành viên trong năm 2025 đảm bảo sự tăng trưởng các chỉ tiêu sản lượng, lợi nhuận so với năm 2024.</p>
12	18/12/2024	6/7	<ol style="list-style-type: none"> Giao các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025 cho Công ty mẹ – PVOIL và các đơn vị thành viên. Tổng kết hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty. 	<p>Cuộc họp thảo luận, thống nhất giao các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 cho Công ty mẹ – PVOIL và các đơn vị thành viên; Đánh giá chung hoạt động của HĐQT trong năm 2024 được tổ chức bài bản, tuân thủ đúng các quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định nội bộ của Tổng công ty.</p>

1.5. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Năm 2024, HĐQT của Tổng công ty có 7/7 Thành viên, trong đó có 1/7 Thành viên độc lập HĐQT là ông Nguyễn Xuân Quyền (nhiệm kỳ 2023-2028).

Ông Nguyễn Xuân Quyền - Thành viên độc lập HĐQT được phân công: Phụ trách lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, an toàn, sức khỏe và môi trường, sản xuất trong toàn hệ thống; Theo dõi,

giám sát hoạt động 8 của đơn vị gồm: PVOIL Hải Phòng, PVOIL Đình Vũ, PVOIL Thái Bình, Thái Bình PSC, PVOIL Phú Mỹ, PVOIL Bà Rịa – Vũng Tàu, PVOIL Nhà Bè và Timexco.

Trong năm 2024, Thành viên độc lập HĐQT thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo phân công của HĐQT; Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, có ý kiến và biểu quyết độc lập về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT; Tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành và hoạt động của các ĐVTV theo phân công công việc của HĐQT.

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty; Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia trong năm 2024 cụ thể như sau:

- ☑ Ông Cao Hoài Dương – Chủ tịch HĐQT đã tham gia khóa học “Nhà lãnh đạo dẫn dắt trong thời kỳ biến động”.
- ☑ Trong năm 2024: ông Cao Hoài Dương – Chủ tịch HĐQT, ông Nguyễn Đăng Trình – TGD và ông Võ Khánh Hưng – PTGD đã tham gia chương trình đào tạo Chứng nhận Thành viên HĐQT tích hợp Quản trị môi trường và Xã hội (DCP-iEGS).

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát (BKS)

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP đã bầu 3 thành viên Ban kiểm soát làm việc chuyên trách, thông tin xin xem tại Mục 6.2 Phần I của báo cáo này.

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

- ☑ Thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và tài chính, giám sát việc chấp hành các quy định về kinh doanh xăng dầu, giám sát công tác quản lý vốn, công tác đầu tư tại các đơn vị thành viên đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp, công tác bảo toàn phát triển vốn, giám sát trực tiếp chuyên đề về hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ.
- ☑ Giám sát tình hình chấp hành Điều lệ và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, việc thực hiện các quy định, nghị quyết, quyết định, chỉ thị của các cơ quan quản lý cấp trên, việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản của các đoàn kiểm tra, kiểm toán.
- ☑ Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo tài chính quý/năm của Tổng công ty và các nhiệm vụ, công việc kiểm tra, giám sát khác theo kế hoạch.

2.3. Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát

- ☑ Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các nội dung theo kế hoạch hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt theo nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024, chấp hành các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, toàn bộ các thành viên Ban Kiểm soát đều tham dự, có báo cáo đầy đủ các nội dung theo quy định và luôn có các nhận xét, đánh giá và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông nhằm không ngừng hoàn

thiện công tác quản trị và kiểm tra, giám sát tại Tổng công ty.

- ✔ Ban Kiểm soát đã thường xuyên theo dõi, giám sát, đánh giá, đồng thời đã có một số ý kiến tư vấn, cảnh báo và kiến nghị về những tồn tại trong công tác quản lý và điều hành tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

2.4. Nội dung các cuộc họp của Ban Kiểm soát

- ✔ Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ đột xuất để phân công nhiệm vụ, thông qua kế hoạch kiểm tra giám sát, thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng/năm, thông qua báo cáo giám sát, báo cáo thẩm định tiền lương và báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ của cá nhân, tập thể Ban Kiểm soát.

2.5. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty

- ✔ **Về hoạt động sản xuất kinh doanh:** Giá dầu thế giới biến động khó lường, số lần điều chỉnh giá xăng dầu trong nước giảm nhiều hơn số lần điều chỉnh tăng, tuy nhiên Tổng công ty đã nỗ lực triển khai nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch.
- ✔ **Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp:** được đặc biệt chú trọng, đẩy mạnh phù hợp với định hướng được ĐHCĐ thường niên 2024 thông qua.
- ✔ **Công tác quản trị:** Tổng công ty đã ban hành và cập nhật thường xuyên hệ thống quy chế, quy định phục vụ quản lý điều hành và phù hợp với quy định về quản trị công ty cổ phần đại chúng.
- ✔ **Công tác tài chính kế toán:** Báo cáo tài chính phản ánh hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Lập và nộp báo cáo theo đúng quy định của Nhà nước, thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán theo quy định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát năm 2024

3.1. Lương, phụ cấp đặc thù công việc/kiêm nhiệm, thù lao của HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát

a) Tiền lương :

DVT: triệu đồng

TT	Chức danh	Số người BQ		Tiền lương, phụ cấp		% TH/KH
		KH	TH	KH	TH	
1	HĐQT chuyên trách (gồm 02 TV HĐQT kiêm TGD và PTGD)	5	4,92	5.849,3	6.228,5	106,5%
2	Ban kiểm soát (chuyên trách)	3	3	2.929,88	3.168,8	108,15%
3	Ban điều hành (Gồm các Phó TGD và Kế toán trưởng; chưa bao gồm PTGD kiêm TV HĐQT)		4,85	Không trình bày	5.486,1	
	Tổng cộng		12,76		14.883,3	

b) *Thù lao, phụ cấp kiêm nhiệm của HĐQT, BKS không chuyên trách:*

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chức danh	Số người	Thù lao/Phụ cấp 01 tháng	Quỹ thù lao/Phụ cấp kế hoạch 2024	Quỹ thù lao/Phụ cấp thực hiện 2024
1	Thành viên HĐQT	03	15	540	540
2	Thành viên độc lập HĐQT	01	15	180	180
	Tổng cộng	04	60	720	720

(Chi tiết xin xem Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 của công ty mẹ Tổng công ty)

3.2. *Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ*

Không phát sinh

3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ*

- ✓ Giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm giữa Tổng công ty với Người nội bộ: Không phát sinh
- ✓ Giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm giữa Tổng công ty với Người có liên quan đến người nội bộ: Trong năm PVOIL có phát sinh giao dịch với (i) một số công ty mà Người nội bộ của PVOIL nắm giữ/kiêm nhiệm các chức danh quản lý và (ii) với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và Chi nhánh/đơn vị trực thuộc/các công ty con của PVN – là bên có liên quan của các thành viên HĐQT đại diện vốn của PVN tại PVOIL. Chi tiết xin xem Phụ lục 02 - Báo cáo tình hình quản trị năm 2024 và Thuyết minh số 41 - Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 của PVOIL.
- ✓ Giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm giữa các công ty con, các công ty mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát với Người nội bộ: không phát sinh.
- ✓ Giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm giữa các công ty con, các công ty mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát với những Người có liên quan đến Người nội bộ: Trong năm 2024 một số công ty con của PVOIL có phát sinh giao dịch với các công ty mà Người nội bộ của PVOIL giữ/kiêm nhiệm các chức danh quản lý. Chi tiết xin xem Phụ lục 03 – Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty năm 2024.

3.4. *Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty*

Tổng công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty đại chúng, cụ thể:

- ✓ Tổ chức họp đại hội cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- ✓ Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được đảm bảo về nhân sự, hoạt động đúng chức trách nhiệm vụ quy định.
- ✓ Thực hiện đầy đủ và đúng hạn tất cả các nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ và bất thường đối với công ty đại chúng.
- ✓ HĐQT ban hành đầy đủ và cập nhật thường xuyên các quy chế, quy định phục vụ quản trị Tổng công ty.
- ✓ Thực hiện đầy đủ và đúng hạn Báo cáo thường niên và Báo cáo quản trị áp dụng đối với công ty đại chúng quy mô lớn.

PHẦN III

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

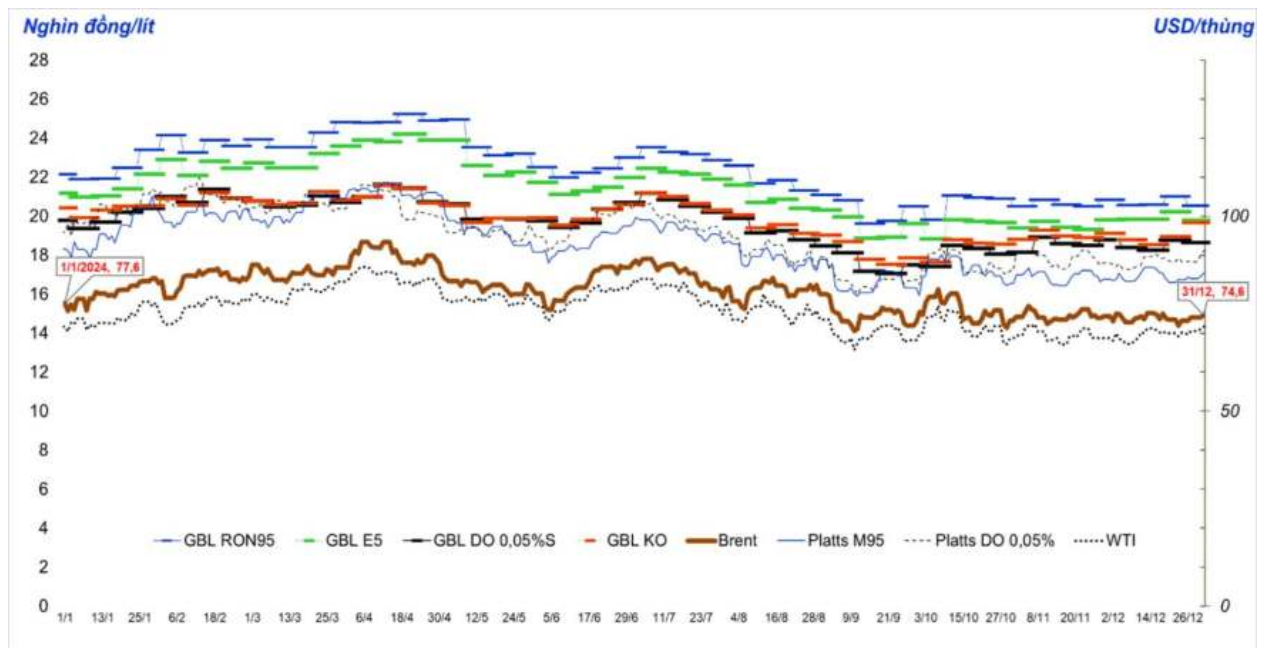
1. Bối cảnh chung

Nền kinh tế toàn cầu năm 2024 chuyển hướng tích cực, lãi suất hạ nhiệt, lạm phát được kiểm soát, tuy nhiên vẫn bấp bênh, đối mặt với nhiều rủi ro, bất định. Bất ổn địa chính trị và xung đột quân sự gây ra biến động về giá xăng dầu, giá nguyên vật liệu, giá cước vận tải, kéo dài thời gian vận chuyển và giao hàng, tạo áp lực lên lạm phát, khiến tăng trưởng toàn cầu chậm lại. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu và hiện tượng thời tiết cực đoan cũng đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến tăng trưởng chung. Tăng trưởng GDP toàn cầu ước đạt 3,2% trong năm 2024.

Kinh tế trong nước dần phục hồi nhưng chưa vững chắc, đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức. Đầu tư nước ngoài khởi sắc, xuất khẩu hàng hóa dịch vụ tăng trưởng hai con số và lập mốc lịch sử mới, Chính phủ chủ động và linh hoạt trong điều hành chính sách tiền tệ, kết hợp hài hòa với chính sách tài khóa, giữ vững ổn định vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng - là những điểm sáng trong bức tranh kinh tế Việt Nam năm 2024. Tăng trưởng GDP cả nước năm 2024 vượt xa kỳ vọng, đạt 7,09%, mức cao nhất kể từ sau đại dịch.

Trong năm 2024, giá dầu thế giới tiếp tục biến động khó lường, tăng/giảm đan xen, đặc biệt giảm sâu trong quý 3 do chịu tác động bởi các bất ổn địa chính trị như: cuộc chiến Nga và Ukraine và xung đột tại dải Gaza, sản lượng cung ứng của các nước OPEC+, áp lực tăng giá của đồng USD, tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu... Kết thúc năm, giá dầu Dated Brent giảm 4% so với đầu năm, về mức 74,6 USD/thùng. Bình quân năm 2024, giá dầu đạt 80,76 USD/thùng, bằng 98% giá bình quân năm 2023. Giá bán lẻ các sản phẩm xăng dầu trong nước diễn biến đồng pha với giá dầu thô thế giới, giảm từ 3 – 8% so với cùng kỳ.

Diễn biến giá dầu thế giới và điều hành giá bán lẻ của Chính phủ trong năm 2024 như sau:



Trong hoạt động KDXD, Chính phủ tiếp tục quản lý, điều hành theo các Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, số 95/2021/NĐ-CP và số 80/2023/NĐ-CP, áp dụng chu kỳ điều hành giá bán lẻ xăng dầu 7 ngày/lần, thuế Bảo vệ môi trường tiếp tục được duy trì ở mức 2.000 đồng/lít đối với xăng (trừ E5) và 1.000 đồng/lít đối với dầu. Nguồn cung xăng dầu ổn định, kể cả trong

thời gian NMLD Dung Quất dừng bảo dưỡng (gần 2 tháng) theo kế hoạch.

Công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong lĩnh vực KDXD tiếp tục được Chính phủ đẩy mạnh. Trong năm 2024, có 5 doanh nghiệp đầu mối KDXD bị thu hồi giấy phép (còn 27 doanh nghiệp), hàng loạt các vụ vi phạm bị đưa ra xét xử, giúp thị trường ngày một lành mạnh hơn.

Bên cạnh những tín hiệu tích cực từ thị trường và công tác quản lý điều hành của Chính phủ, còn nhiều yếu tố gây khó khăn bất lợi cho hoạt động của Tổng công ty, ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD như: giá dầu thế giới giảm liên tục trong quý 3 (kéo theo giá bán lẻ trong nước giảm 10 lần liên tiếp - từ 11/07 tới 19/9 - với mức giảm 16%-20%), tỷ giá biến động tăng mạnh (tỷ giá đồng USD tăng 4,86% so với thời điểm đầu năm), thời tiết bất lợi (cơn bão số 3 Yagi và lũ lụt tại khu vực phía Bắc) gây thiệt hại về tài sản và làm giảm nhu cầu tiêu thụ xăng dầu, biên lợi nhuận lọc dầu giảm sâu dẫn đến hoạt động sản xuất pha chế của Tổng công ty không còn hiệu quả, nhu cầu tiêu thụ E5 tiếp tục sụt giảm ...

Trong bối cảnh thị trường nhiều thách thức, tiếp nối đà tăng trưởng, thể và lực đã đạt được trong năm 2023, với tinh thần quyết tâm cao độ cùng với việc triển khai đồng bộ nhiều giải pháp quản lý điều hành, PVOIL đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức hầu hết các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch được giao năm 2024.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh

2.1. Các chỉ tiêu sản lượng

Kết quả cụ thể từng lĩnh vực như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2023	Năm 2024		So sánh	
				KH	TH	Cùng kỳ	KH
1	Sản lượng xuất khẩu/ bán dầu thô và nhập khẩu dầu thô cho NMLD Dung Quất	1.000 tấn	10.642	9.496	9.538	90%	100%
-	Xuất/bán (gồm bán cho BSR)	„	8.483	7.484	7.905	93%	106%
-	Nhập khẩu dầu thô cho BSR	„	2.159	2.012	1.632	76%	81%
2	Sản xuất xăng dầu, DMN	1.000 m ³ /tấn	676	585	648	96%	111%
-	Trong đó: xăng E5	1.000 m ³	672	582	643	96%	110%
3	Kinh doanh xăng dầu	1.000 m ³ /tấn	5.242	5.000	5.631	107%	113%
	Tỷ trọng bán lẻ (*)	%	24,5%	27,1%	25,8%		

2.1.1 Xuất nhập khẩu dầu thô

PVOIL đã xuất bán an toàn, hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các chủ mỏ khác khai thác trên thềm lục địa Việt Nam với sản lượng đạt 7,9 triệu tấn, hoàn thành 106% kế hoạch năm và giảm 7% so với cùng kỳ.

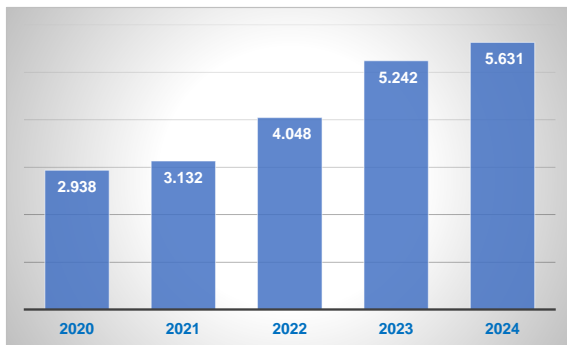
PVOIL cũng đảm bảo cung cấp đầy đủ và kịp thời toàn bộ dầu thô nguyên liệu cho NMLD Dung Quất với tổng sản lượng 6,8 triệu tấn. Trong đó, cung cấp từ nguồn nội địa 5,2 triệu tấn và từ nguồn nhập khẩu 1,6 triệu tấn.

2.1.2 Sản xuất xăng dầu, dầu mỡ nhờn

Trong năm 2024, Tổng công ty tiếp tục đẩy mạnh sản xuất xăng E5 RON92 và dầu DO từ nguồn condensate theo Hợp đồng BCC với PV GAS. Tuy nhiên, biên lợi nhuận lọc dầu giảm sâu, đặc biệt trong 6 tháng cuối năm đã khiến hoạt động sản xuất, pha chế xăng dầu không còn hiệu quả. Cùng với đó, nhu cầu tiêu thụ xăng E5 trên thị trường ngày càng giảm sút. Vì vậy, Tổng công ty phải cân nhắc giữa việc gia tăng sản lượng và hiệu quả sản xuất/pha chế.

Sản lượng sản xuất, pha chế xăng dầu, DMN trong năm 2024 đạt 648 nghìn m³, hoàn thành 111% kế hoạch năm, tương đương 96% cùng kỳ.

2.1.3 Kinh doanh xăng dầu



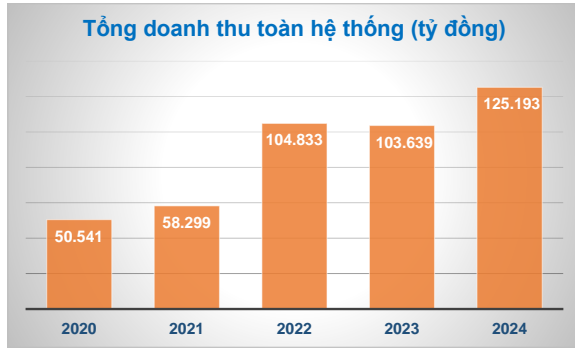
Trong bối cảnh giá dầu biến động không ngừng, nhờ áp dụng đồng bộ các giải pháp kinh doanh, tận dụng tối đa các cơ hội thị trường, phát huy tốt chuỗi liên kết nguyên liệu – sản xuất – tồn chứa – phân phối trong lĩnh vực dầu thô và sản phẩm dầu với các đơn vị trong ngành, sản lượng kinh doanh xăng dầu của PVOIL trong năm 2024 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, xác lập kỷ lục mới.

Sản lượng tiêu thụ toàn hệ thống đạt hơn 5,6 triệu m³/tấn, hoàn thành 113% kế hoạch năm, tăng trưởng 7% so với cùng kỳ, chiếm 23% thị phần kinh doanh nội địa. PVOIL đã về đích sớm so với mục tiêu kế hoạch sản lượng đề ra cho giai đoạn 2021-2025, mục tiêu sản lượng năm 2030 là 3,8-4,0 triệu m³/tấn.

2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

ĐVT: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	TH 2023	Năm 2024		So sánh	
			KH	TH	Cùng kỳ	KH
I	Hợp nhất					
1	Tổng doanh thu	103.639	83.000	125.193	121%	151%
2	Lợi nhuận trước thuế	798	600	633	79%	106%
3	Lợi nhuận sau thuế	621	480	474	76%	99%
4	Nộp NSNN	9.508	7.584	10.310	108%	136%
II	Công ty mẹ					
1	Tổng doanh thu	82.560	56.000	85.462	104%	153%
2	Lợi nhuận trước thuế	611	400	448	73%	112%
3	Lợi nhuận sau thuế	501	320	376	75%	118%



Năm 2024 là năm thứ 3 liên tiếp PVOIL đạt mốc doanh thu hợp nhất trên 100 nghìn tỷ đồng, trở thành một trong những trung tâm doanh thu hàng đầu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tổng công ty đạt 125.193 tỷ đồng, hoàn thành 151% kế hoạch và tăng trưởng 21% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu từ mảng kinh doanh dầu quốc tế của PVOIL Singapore đạt 29,7 nghìn tỷ đồng, đóng góp 23,7% doanh thu.

Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 633 tỷ đồng, đạt 106% kế hoạch giao và bằng 79% so với cùng kỳ; LNTT công ty mẹ đạt 448 tỷ đồng, đạt 112% kế hoạch giao và bằng 73% so với cùng kỳ.

Nộp NSNN hợp nhất cả năm (không bao gồm số liệu nộp ngân sách của các đơn vị tại nước ngoài cho chính phủ nước sở tại) đạt 10.310 tỷ đồng, hoàn thành 136% kế hoạch năm và bằng 108% so với cùng kỳ.

PVOIL đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2024 được ĐHĐCĐ giao, trong đó các chỉ tiêu quan trọng gồm sản lượng kinh doanh xăng dầu, doanh thu vượt ngoài mong đợi và tiếp tục lập kỷ lục mới. Riêng chỉ tiêu lợi nhuận, vì một số lý do bất khả kháng của thị trường (giá dầu giảm, tỷ giá đồng USD tăng mạnh, biên lợi nhuận lọc dầu giảm sâu,...), chưa đạt kỳ vọng. Được sự ủy quyền của ĐHĐCĐ thường niên 2024, trên cơ sở đánh giá khách quan những yếu tố bất lợi ngoài tầm kiểm soát, đồng thời ghi nhận những nỗ lực, cố gắng của tập thể CBCNV Tổng công ty trong năm 2024, ngày 10/01/2025, HĐQT PVOIL đã có nghị quyết điều chỉnh các chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và sau thuế của công ty mẹ và hợp nhất toàn hệ thống. Tổng công ty đã thực hiện công bố thông tin Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đến cổ đông theo đúng quy định.

3. Tổ chức và nhân sự

3.1. Ban điều hành Tổng công ty

Xin xem mục 6.2 phần I của báo cáo này

3.2. Những thay đổi trong năm của Ban điều hành

Trong năm 2024 PVOIL nhân sự Ban điều hành thay đổi như sau:

TT	Họ tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
1	Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm để nghỉ hưu 01/12/2024
2	Ông Nguyễn Đăng Trình	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm mới ngày 01/12/2024
3	Ông Nguyễn Tuấn Tú	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm do chuyển công tác 21/8/2024
4	Ông Nguyễn Đăng Trình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại 03/06/2024 Bổ nhiệm làm TGD từ 01/12/2024
5	Ông Trương Đại Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm mới 16/10/2024

TT	Họ tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
6	Ông Nguyễn Ngọc Ninh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại 09/9/2024

3.3. Báo cáo về lao động và chính sách đối với người lao động

3.3.1. Lao động

Tổng số CBNV toàn Tổng công ty tính đến ngày 31/12/2024 là **6.987** người.

Cơ cấu nguồn nhân lực của PVOIL như sau:



Do đặc thù là đơn vị kinh doanh xăng dầu, phần lớn lực lượng lao động của PVOIL làm việc trực tiếp tại các Kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu nên tỷ lệ lao động nữ thấp, chiếm gần 29% tổng số lao động toàn Tổng Công ty.

3.3.2. Chính sách đối với Người lao động

Chính sách lao động tiền lương

PVOIL thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung các quy chế, quy định nội bộ liên quan đến công tác lao động, tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng... đảm bảo phù hợp các quy định của Nhà nước và đặc thù của PVOIL.

- ✓ Đảm bảo đầy đủ việc làm cho Người lao động, bố trí công việc phù hợp với chuyên môn, khả năng của Người lao động; không có Người lao động phải ngừng việc hoặc mất việc làm.
- ✓ Về cơ bản chính sách tiền lương hiện tại Tổng công ty đảm bảo được trả theo chức danh công việc đảm nhiệm, năng lực và kết quả công việc của mỗi CBNV.
- ✓ Các loại phụ cấp được áp dụng phù hợp với điều kiện, môi trường làm việc và đặc thù công việc của từng vị trí.
- ✓ Hàng năm, Công ty mẹ và một số đơn vị thành viên đã triển khai giao mục tiêu và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (KPIs) cho CBNV để gắn với việc trả lương bổ sung, trả thưởng theo kết quả KPI của từng cá nhân. Điều này góp phần tạo động lực cho CBNV luôn phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- ✔ Tổng công ty luôn nỗ lực triển khai các chính sách về nhân sự, tiền lương tối ưu nhất nhằm đảm bảo ổn định thu nhập, tạo động lực cho người lao động tiếp tục phấn đấu, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển PVOIL, cụ thể:
 - ✔ Chính sách bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe: thực hiện chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Nhà nước; Bảo hiểm sức khỏe, Bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ trả sau...; Khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBNV, và khám chuyên khoa cho lao động nữ.
 - ✔ Tổ chức đối thoại tại nơi làm việc để lắng nghe, giải đáp ý kiến của Người lao động cũng như là một kênh để công khai, thông báo, phổ biến đến Người lao động về tình hình SXKD, các quy chế, quy định, nội quy của Tổng công ty/Đơn vị, tình hình trích lập các quỹ...
 - ✔ Các chính sách phúc lợi khác: tổ chức tham quan, nghỉ mát kết hợp teambuilding và các hoạt động phong trào (văn nghệ, thể thao,..) nhằm gắn kết và nâng cao sức khỏe tinh thần cho đội ngũ CBNV. Bên cạnh đó, PVOIL còn tổ chức các hoạt động cho con em CBNV nhân dịp Tết thiếu nhi, Tết trung thu hoặc các hoạt động hè,... nhằm động viên tinh thần con em CBNV và giao lưu, chia sẻ gắn kết với nhau.



Một số hoạt động phúc lợi của Tổng công ty trong năm 2024

Chính sách đào tạo:

Trong năm 2024 PVOIL đã thực hiện các nội dung đào tạo:

- ✔ Các khóa theo định hướng PVN: Chuyển đổi số, Quản trị danh mục đầu tư, ATTT& AN mạng, Nâng cao năng lực đội ngũ KSNB, TCKT; các khóa đào tạo theo chương trình khung dành cho cán bộ lãnh đạo quản lý và chuyên môn nghiệp vụ do PVN tổ chức.
- ✔ Đào tạo và cập nhật Luật liên quan: Luật đấu thầu, Luật lao động, Luật kế toán/thuế;
- ✔ Đào tạo nâng cao kiến thức cho đội ngũ CBNV làm việc tại Kho XD, CHXD để nâng cao ý thức và hiệu suất làm việc.

- ✓ Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, kỹ năng mềm giúp CBNV nâng cao kiến thức, kỹ năng và tư duy làm việc hiệu quả hơn (quản trị nhân sự Gen Z, kỹ thuật phân tích BCTC chuyên sâu, Ứng cứu sự cố tràn dầu nâng cao, nghiệp vụ xuất nhập khẩu dầu thô,...).
- ✓ Hình thức đào tạo đa dạng: trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức và e-learning. Hình thức E-learning tiếp tục được triển khai sâu rộng, đến cả đội ngũ nhân viên làm việc tại CHXD trong toàn hệ thống PVOIL để tiết kiệm chi phí và tạo điều kiện cho người lao động trực tiếp, làm việc theo ca được tham gia học tập.
- ✓ Kết quả đào tạo năm 2024, PVOIL triển khai đào tạo được 17.658 lượt người với chi phí gần 14,92 tỷ đồng. Dưới đây là hình ảnh một số khóa đào tạo của Tổng công ty trong năm.



Hình ảnh một số khóa đào tạo, hội thảo của Tổng công ty trong năm 2024

4. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Trong chiến lược phát triển của mình, PVOIL luôn kiên định với định hướng phát triển mở rộng hệ thống CHXD bán lẻ, đẩy mạnh sản lượng bán hàng vào các kênh tiêu thụ trực tiếp (bán lẻ, bán khách hàng công nghiệp) nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động và tính ổn định, bền vững của hệ thống phân phối.

Trong năm 2024, PVOIL tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển CHXD theo nhiều hình thức (nhận chuyển nhượng, đầu tư mới, hợp tác đầu tư, thuê dài hạn,...). Toàn hệ thống PVOIL đã phát triển được 95 cửa hàng xăng dầu, hoàn thành 158% kế hoạch năm; nâng tổng số CHXD của PVOIL đến 31/12/2024 là 838 CHXD.

Bên cạnh đó, PVOIL cũng đồng thời triển khai mở rộng, nâng cấp các kho Nghi Sơn, Phú Thọ và đầu tư xây mới kho Ba Ngòi tại Cam Ranh, Khánh Hòa nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh trong giai đoạn mới.

Tổng giá trị thực hiện đầu tư trong năm 2024 của toàn hệ thống PVOIL đạt 558 tỷ đồng, hoàn thành 52% kế hoạch năm. Giá trị giải ngân toàn hệ thống là 455 tỷ đồng, trong đó công ty mẹ là 190 tỷ đồng. Chi tiết như sau:

ĐVT: tỷ đồng

TT	Hạng mục đầu tư	KH 2024	TH 2024	TH/KH (%)
1	Xây dựng mới và cải tạo kho, cảng	459	76	17%
2	Xây dựng mới và cải tạo CHXD	266	195	73%
3	Mua sắm khác	345	286	83%
	TỔNG CỘNG	1.070	558	52%
	<i>Trong đó: - Công ty mẹ</i>	377	244	65%
	<i>- Công ty con</i>	693	314	45%
	<i>Đầu tư từ nguồn vốn CSH</i>	639	431	67%

5. Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp

Trong năm 2024, PVOIL tiếp tục đẩy mạnh triển khai Kế hoạch tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2020 – 2025 với mục tiêu chính là rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị thành viên kinh doanh xăng dầu (KDXD) để đảm bảo hiệu quả hoạt động, tiết giảm chi phí quản lý vận hành, tránh trùng lặp, cạnh tranh nội bộ trên cùng địa bàn, lĩnh vực kinh doanh. Các công việc đã triển khai và hoàn thành trong năm cụ thể như sau:

- ✔ Hoàn tất mua cổ phần của cổ đông cá nhân tại PVOIL Bình Thuận, phục vụ mục tiêu chuyển đổi đơn vị này sang mô hình công ty TNHH MTV;
- ✔ Triển khai phương án sáp nhập PVOIL Tây Ninh vào PVOIL Sài Gòn; Đến đầu tháng 3/2025, công tác sáp nhập hai đơn vị đã hoàn thành. Công ty sau sáp nhập đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 03/03/2025.
- ✔ Tiếp tục phối hợp với các cổ đông của BSR-BF, OBF và PVB triển khai phương án xử lý đối với các dự án nhiên liệu sinh học theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền và tuân thủ trình tự, quy định của pháp luật; phối hợp với các ngân hàng chủ nợ để xử lý tài sản thế chấp tại BSR-BF và OBF; tiến hành thủ tục phá sản PVB.
- ✔ Công tác quyết toán cổ phần hóa: Tiếp tục làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước để xử lý các vướng mắc liên quan đến (i) quyết toán cổ phần hóa PETEC và (ii) sắp xếp, xử lý đất đai theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.

6. Tình hình tài chính

6.1. Tình hình tài chính (hợp nhất)

TT	Chỉ tiêu tài chính	Năm 2023 (tỷ đồng)	Năm 2024 (tỷ đồng)	So sánh (%)
1	Tổng giá trị tài sản	38.839	41.735	107%
2	Doanh thu thuần	102.663	124.460	121%
5	Lợi nhuận trước thuế	797,9	633,1	79%
6	Lợi nhuận sau thuế	621,3	474,4	76%

Chỉ số EBITDA

TT	Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2023 (tỷ đồng)	Năm 2024 (tỷ đồng)	So sánh (%)
1	Lợi nhuận trước thuế	797,9	633,1	79%

TT	Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2023 (tỷ đồng)	Năm 2024 (tỷ đồng)	So sánh (%)
2	Chi phí khấu hao	302,9	307,1	101%
3	Chi phí lãi vay	261,2	188,0	72%
	EBITDA	1.362,0	1.128,2	83%

6.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (hợp nhất)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,21	1,19
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,06	1,07
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,71	0,73
	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,41	2,65
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	27,78	23,45
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,64	2,98
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	0,6%	0,4%
	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	5,5%	4,2%
	Hệ số LNST/Tổng tài sản BQ (ROA)	%	1,8%	1,2%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,7%	0,5%

7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phiếu PVOIL được đăng ký giao dịch tại Sàn Upcom – Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 07/3/2018 với thông tin chi tiết như sau:

- 🔥 Mã chứng khoán: OIL
- 🔥 Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
- 🔥 Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- 🔥 Room tối đa cho khối ngoại: 6,621%
- 🔥 Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.034.229.500 cổ phiếu
- 🔥 Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 201.425.936 cổ phiếu

7.1. Cơ cấu cổ đông của Tổng công ty

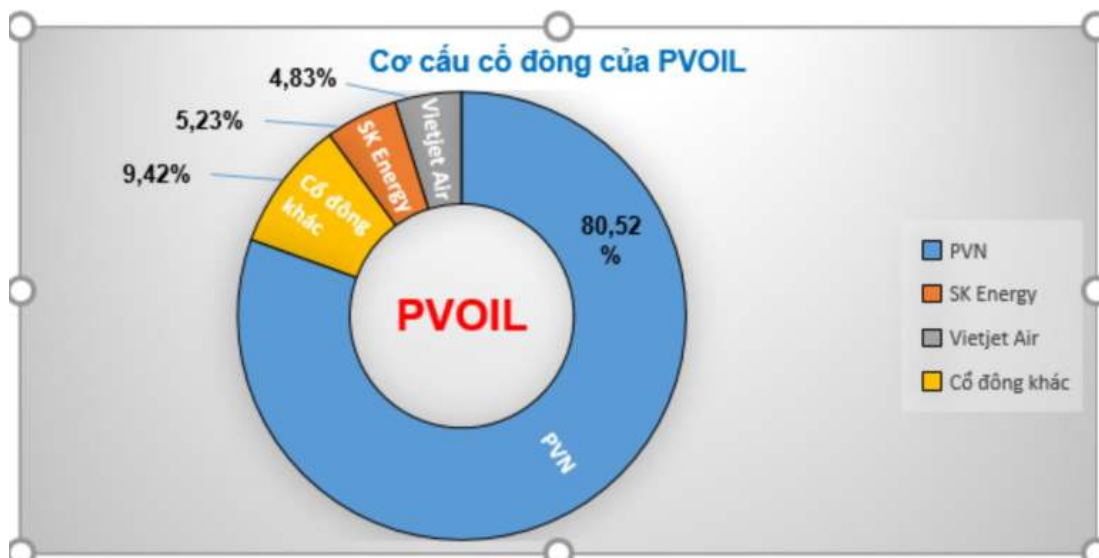
STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ %/VDL
I	Cổ đông trong nước				
	Tổ chức	16	885.010.661	8.850.106.610.000	85,57%

STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ %/VĐL
	Cá nhân	11.622	85.027.058	850.270.580.000	8,22%
II	Cổ đông nước ngoài				
	Tổ chức	12	63.213.384	632.133.840.000	6,11%
	Cá nhân	53	978.397	9.783.970.000	0,1%
III	Cổ phiếu quỹ				
	Tổng cộng	11.703	1.034.229.500	10.342.295.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 06/9/2024

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Tổng công ty đến 31/12/2024

STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	01	832.803.564	8.328.035.640.000	80,52%
2	SK Energy Co.Ltd.	01	54.121.507	541.215.070.000	5,23%



7.2. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

7.3. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

7.4. Các chứng khoán khác: không có

PHẦN IV

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động SKXD của Tổng công ty

Trong bối cảnh thị trường đầy biến động thách thức, PVOIL đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, kế hoạch được ĐHCĐ giao trong mọi lĩnh vực, cụ thể:

- ✔ **Ủy thác XNK dầu thô:** Xuất bán an toàn và hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô và condensate được giao; cung cấp đầy đủ, kịp thời dầu thô cho vận hành NMLD Dung Quất.
- ✔ **Kinh doanh phân phối xăng dầu:** Tiếp tục giữ đà tăng trưởng về sản lượng, lập kỷ lục mới về doanh thu, đồng thời với việc đảm bảo hiệu quả kinh doanh trong bối cảnh thị trường diễn biến bất lợi.
- ✔ **Thực hiện tốt và có hiệu quả các chuỗi liên kết nguyên liệu – sản xuất – tồn chứa – phân phối** trong lĩnh vực dầu thô và sản phẩm dầu với các đơn vị trong ngành. Phối hợp chặt chẽ và hiệu quả với các nhà máy lọc dầu trong nước trong công tác đảm bảo nguồn và cung ứng xăng dầu.
- ✔ **Công tác đầu tư phát triển CHXD:** Nắm bắt thời cơ, đẩy mạnh hoạt động phát triển CHXD dưới nhiều hình thức, phát triển mới 95 cửa hàng, gấp 1,5 lần kế hoạch giao.
- ✔ **Đẩy mạnh triển khai dịch vụ phi xăng dầu tại CHXD** và mang lại hiệu quả tích cực, đóng góp đáng kể vào thu nhập của Tổng công ty.
- ✔ **Công tác nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực quản trị, quảng bá thương hiệu,** ứng dụng CNTT và chuyển đổi số được chú trọng triển khai và đạt hiệu quả, giúp nâng cao vị thế và giá trị thương hiệu PVOIL, tạo nền tảng vững chắc cho các mục tiêu phát triển dài hạn.

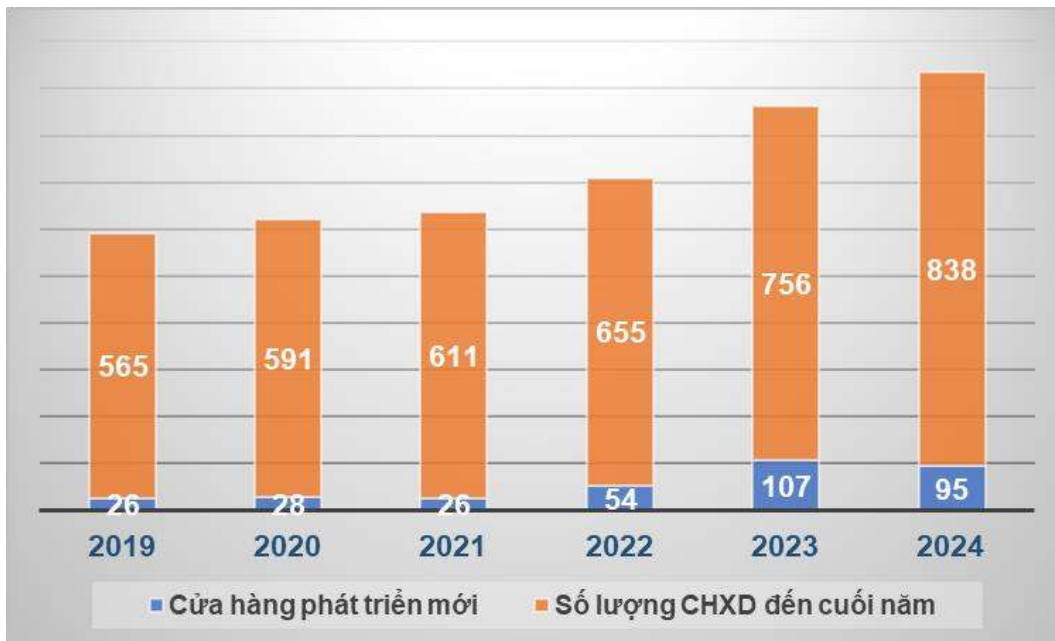
2. Những tiến bộ đạt được trong năm

Để tồn tại và vươn lên phát triển bền vững trong một thị trường cạnh tranh khốc liệt và đầy bất ổn trong bối cảnh nội tại doanh nghiệp còn nhiều khó khăn đòi hỏi Ban lãnh đạo PVOIL phải thực sự linh hoạt trong công tác quản lý điều hành để có các đối sách phù hợp, đồng thời phải không ngừng tìm tòi đổi mới sáng tạo. Dấu ấn của PVOIL trong những năm qua tiếp tục được phát huy hiệu quả trong năm 2024. Đó là những thành tựu trong việc đa dạng hóa, hiện đại hóa hoạt động kinh doanh và liên tục cải thiện vị thế, uy tín thương hiệu trên thị trường.

2.1. Nắm bắt thời cơ, đẩy mạnh phát triển CHXD dưới nhiều hình thức

Trong chiến lược phát triển của mình, PVOIL luôn kiên định với định hướng phát triển mở rộng hệ thống CHXD bán lẻ, đẩy mạnh sản lượng bán hàng vào các kênh tiêu thụ trực tiếp (bán lẻ, bán khách hàng công nghiệp) nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động và tính ổn định, bền vững của hệ thống phân phối.

Trong năm 2024, PVOIL tiếp tục nắm bắt cơ hội và đẩy mạnh công tác phát triển CHXD dưới nhiều hình thức. Toàn hệ thống PVOIL đã phát triển được 95 cửa hàng xăng dầu, gấp 1,5 lần kế hoạch năm; nâng tổng số CHXD của PVOIL đến thời điểm cuối năm 2024 là 838 CHXD, vượt mục tiêu kế hoạch đề ra cho giai đoạn 5 năm 2021-2025 là 790 cửa hàng.



Kết quả phát triển hệ thống bán lẻ của PVOIL trong giai đoạn 2019-2024

2.2. Công tác phát triển sản phẩm mới và thích ứng với xu thế chuyển dịch năng lượng

Để thích ứng với xu hướng chuyển dịch năng lượng, đồng thời bổ sung các động lực mới, Tổng công ty đang đẩy mạnh hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để tranh thủ cơ hội cũng như hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của quá trình chuyển dịch năng lượng trên cơ sở tận dụng tối đa những lợi thế sẵn có về thị phần cũng như hạ tầng phân phối xăng dầu. Trong năm 2024, Tổng công ty đã triển khai các công việc sau:

- ✔ **Hợp tác với Vinfast/V-Green:** Trong năm 2024, Tổng công ty tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với Vinfast/V-Green lắp đặt trạm sạc ô tô điện tại các cửa hàng xăng dầu. Triển khai hợp đồng hợp tác từ giữa năm 2022, đến 31/12/2024 đối tác đã triển khai thi công lắp đặt hơn 370 trạm sạc tại CHXD của PVOIL, trong đó đã vận hành thương mại gần 350 trạm.
- ✔ **Hợp tác với CTCP Việt Thái Quốc tế - VTI (Highlands Coffee - HC):** Với mục tiêu gia tăng tiện ích, nâng cao trải nghiệm cho khách hàng mua xăng dầu, PVOIL đã ký thỏa thuận hợp tác với VTI để triển khai mô hình kiosk café gắn với CHXD truyền thống. Dự án đang trong giai đoạn triển khai thí điểm, với 10 điểm bán tại 6 tỉnh/thành phố.

✔ Chuẩn bị triển khai kinh doanh Jet A1:

Triển khai kinh doanh nhiên liệu bay Jet A1 là mục tiêu đề ra cho PVOIL trong kế hoạch 5 năm 2026-2030 nhằm bổ sung động lực mới trong quá trình phát triển, khai thác tối đa cơ sở vật chất sẵn có của Tổng công ty và lợi thế khâu hạ nguồn của ngành Dầu khí để gia tăng hiệu quả hoạt động.

PVOIL đã được Bộ Công thương cấp giấy phép thương nhân đầu mối nhiên liệu bay vào ngày 10/01/2025 và đang xúc tiến các thủ tục liên quan để triển khai kinh doanh từ quý IV/2025.

- ✔ **Đầu tư trạm dừng nghỉ cho xe tải đường dài:** Mô hình trạm dừng nghỉ dành cho xe tải đường dài kết hợp cây xăng đã được triển khai thành công ở rất nhiều quốc gia trong khu vực. Vào tháng 12/2023, PVOIL đã triển khai đầu tư thí điểm 1 trạm tại Thanh Hóa và thu kết quả khả quan ngay trong năm đầu đưa vào khai thác. Từ những thành công bước đầu và kinh nghiệm chia sẻ từ các đối tác, PVOIL đang phối hợp cùng đơn vị tư vấn tiếp tục đầu tư mở rộng mô hình này tại các CHXD hiện hữu của Tổng công ty trên

phạm vi toàn quốc.

- ✓ **Xây dựng mạng lưới thu gom dầu ăn đã qua sử dụng (UCO) tại Việt Nam để chế biến UCO thành nhiên liệu hàng không bền vững (SAF):** PVOIL cũng đang hợp tác với Lightmax (Singapore) để xây dựng mạng lưới thu gom dầu ăn đã qua sử dụng (UCO) tại Việt Nam làm nguyên liệu chế biến thành nhiên liệu hàng không bền vững (SAF), dự án triển khai từ tháng 7/2024.



Trạm sạc Vinfast và kiosk café Highlands trong CHXD của PVOIL

2.3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0, chuyển đổi số và nghiên cứu phát triển

Tổng công ty đang tiếp tục đẩy mạnh công tác ứng dụng CNTT, tự động hóa và chuyển đổi số một cách toàn diện vào tất cả các lĩnh vực SXKD với mục tiêu chính là gia tăng hiệu quả vận hành, nâng cao trải nghiệm, làm hài lòng khách hàng và tạo được lợi thế cạnh tranh cho PVOIL trên thị trường với các hoạt động tiêu biểu trong năm như sau:

- ✚ Tiếp tục triển khai ứng dụng sâu rộng công nghệ 4.0 trong hoạt động kinh doanh, bán hàng và quản trị. Chú trọng triển khai công tác chuyển đổi số trên cả 3 kênh bán hàng; phát huy nền tảng công nghệ B2B, PVOIL Easy sẵn có, đa dạng hóa các hình thức thanh toán không tiền mặt (mã QR, ví điện tử, thẻ tín dụng...) nhằm nâng cao chất lượng quản trị cũng như tạo sự thuận tiện cho khách hàng, từ đó nâng cao lợi thế cạnh tranh của PVOIL;
- ✚ Triển khai dự án ERP giai đoạn 2023-2025 với 5 module. Trong năm 2024 đã hoàn thành nâng cấp PVOIL Easy, PVOIL B2B và đưa vào vận hành ứng dụng PVOIL 4U phục vụ khách hàng cá nhân từ ngày 10/9/2024;
- ✚ Triển khai dự án giải pháp hiện đại hóa cửa hàng xăng dầu;
- ✚ Hoàn thành xây dựng Chiến lược chuyển đổi số giai đoạn 2024-2030;
- ✚ Song song đó, PVOIL tiếp tục triển khai xây dựng văn hóa số với việc ứng dụng các giải pháp ứng dụng vào hoạt động SXKD với các mục tiêu: (i) Đặt khách hàng làm trung tâm: Nghiên cứu và xây dựng giải pháp công nghệ phù hợp để nâng cao chất lượng dịch vụ

và trải nghiệm của khách hàng; (ii) Đề cao sự đổi mới sáng tạo: Khuyến khích cán bộ, nhân viên sáng tạo ý tưởng mới và đưa ra những giải pháp sáng tạo;

- ✚ Công tác nghiên cứu phát triển tiếp tục được chú trọng với các đề tài cải tiến hệ thống công nghệ, nâng cấp và tối ưu hóa vận hành hệ thống kho cảng.

2.4. Nâng tầm uy tín thương hiệu PVOIL

PVOIL tiếp tục đẩy mạnh quảng bá thương hiệu tại các địa điểm, phương tiện kinh doanh của PVOIL gồm hơn 800 cửa hàng xăng dầu (CHXD), 29 kho xăng dầu và trên 100 xe bồn và xà lan vận tải xăng dầu trên toàn quốc. PVOIL tiếp tục tham gia tài trợ chính cho giải đua xe địa hình VOC PVOIL Cup 2024 và duy trì các chương trình xã hội từ thiện truyền thống.

Bên cạnh đó, PVOIL phối hợp hiệu quả với các cơ quan truyền thông, báo chí để xây dựng mạng lưới đối tác truyền thông về hoạt động sản xuất kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ của PVOIL. Đồng thời, chủ động cung cấp thông tin chính thống, khách quan đến các cơ quan báo chí và theo dõi, xử lý kịp thời các sự cố về thông tin trên thị trường. PVOIL đặc biệt xử lý tốt truyền thông khi xảy ra sự cố tấn công mạng ngày 02/04/2024 giúp tạo được dư luận tốt và sự an tâm, tin tưởng của khách hàng, cổ đông và công chúng quan tâm. PVOIL cũng tận dụng tối đa lợi thế và hiệu quả của mạng xã hội để nhanh chóng chuyển tải thông tin hoạt động của Tổng công ty đến cổ đông, khách hàng và CBCNV PVOIL thông qua Website, Fanpage PVOIL, Fanpage Tuổi trẻ PVOIL.



PVOIL tài trợ cho VOC PVOIL Cup 2024

Sau hơn 15 năm có mặt trên thị trường, thương hiệu PVOIL đã trở nên quen thuộc với người tiêu dùng, từng bước khẳng định uy tín, chất lượng. Với quy mô doanh thu duy trì trong 3 năm liên tục đạt hơn 100 ngàn tỷ đồng, PVOIL lọt vào top 500 doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á do Fortune bình chọn tháng 6/2024, xếp hạng 88. Tháng 12/2024, PVOIL tiếp tục được Forbes Việt Nam vinh danh là một trong 25 thương hiệu dẫn đầu Việt Nam với giá trị định giá thương hiệu được định giá là 105 triệu USD. Trước đó, vào năm 2020, PVOIL cũng được tạp chí này đánh giá là một trong 50 thương hiệu hàng đầu Việt Nam (PVOIL xếp thứ 48 với giá trị thương hiệu là 14,6 triệu USD).



Với việc đảm bảo nguồn cung ứng trong mọi điều kiện thị trường, liên tục cải thiện chất lượng dịch vụ và duy trì hiệu quả các hoạt động quảng bá thương hiệu, hình ảnh PVOIL ngày càng thân thuộc với người tiêu dùng cả nước, thương hiệu PVOIL đã được khẳng định về uy tín và chất lượng trên thị trường.

3. Tình hình tài chính

3.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn

✚ Tình hình tài sản

Cơ cấu tài sản	Năm 2023		Năm 2024	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.377.029.776.926	14%	4.123.668.695.965	10%
Hàng tồn kho	4.171.177.245.517	11%	3.540.185.208.884	8%
Tài sản cố định	3.432.809.427.312	9%	3.529.417.403.320	8%
Đầu tư tài chính dài hạn	709.602.391.419	2%	707.543.604.915	2%
Tài sản khác	25.148.553.726.540	65%	29.833.654.595.820	71%
Cộng tài sản	38.839.172.567.714	100%	41.734.469.508.904	100%

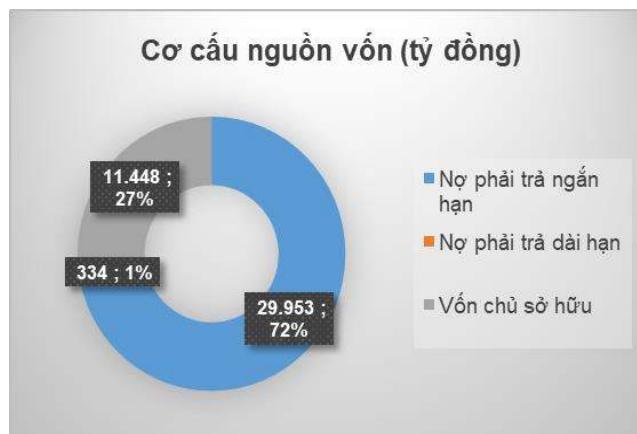
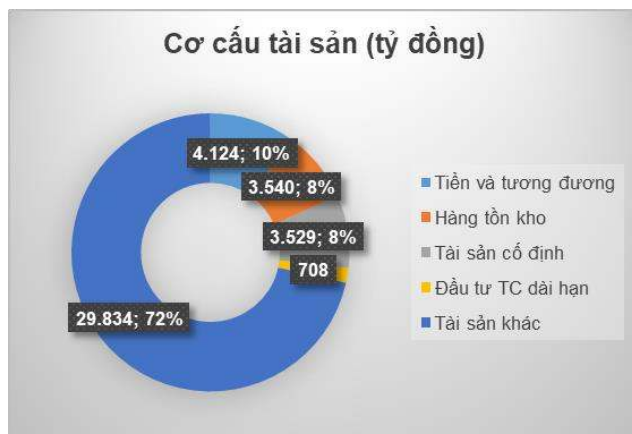
Tổng tài sản hợp nhất của PVOIL tại thời điểm 31/12/2024 là 41.734 tỷ đồng, tăng 2.895 tỷ đồng (10%) so với đầu năm 2024, bao gồm: tài sản ngắn hạn 35.543 tỷ đồng, tài sản dài hạn 6.191 tỷ đồng. Trong đó:

- ✔ Tài sản ngắn hạn tăng 2.567 tỷ đồng, chủ yếu tăng các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh dầu quốc tế là 4.631 tỷ đồng, các chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho giảm 1.884 tỷ, các tài sản khác giảm 180 tỷ đồng.
- ✔ Tài sản dài hạn tăng 329 tỷ đồng, tập trung ở chỉ tiêu tài sản cố định hữu hình, tài sản dài hạn khác, tài sản dở dang dài hạn do đầu tư trong kỳ.

✚ Nguồn vốn

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2024 là 10.433 tỷ đồng (không bao gồm Lợi ích cổ đông không kiểm soát), tăng 69 tỷ đồng so với thời điểm 01/01/2024 do PVOIL đạt sản lượng, lợi nhuận tăng trưởng trong kỳ giúp tăng vốn chủ sở hữu.

Cơ cấu nguồn vốn	Năm 2023		Năm 2024	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng
Nợ phải trả ngắn hạn	27.144.353.193.886	70%	29.952.500.030.911	72%
Nợ phải trả dài hạn	301.759.736.613	1%	333.581.690.362	1%
Vốn chủ sở hữu	11.393.059.637.215	29%	11.448.387.787.631	27%
Cộng nguồn vốn	38.839.172.567.714	100%	41.734.469.508.904	100%



3.2. Tình hình Nợ phải trả

Tổng nợ phải trả hợp nhất thời điểm 31/12/2024 là 30.286 tỷ đồng, tăng 2.840 tỷ đồng (10,35%) so với thời điểm đầu năm, chủ yếu ở chỉ tiêu nợ ngắn hạn. Cụ thể:

- Phải trả người bán ngắn hạn là 13.532 tỷ đồng, trong đó: Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn 2.563 tỷ đồng, Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn – Tập đoàn DKVN 3.189 tỷ đồng, Glencore Singapore Pte. Ltd. 2.117 tỷ đồng, Socar Trading Singapore Pte Ltd. 2.141 tỷ đồng, Soleum Energy Pte Ltd. 569 tỷ đồng, Sahara Energy International Pte Ltd. 300,5 tỷ đồng, PNX Petroleum Singapore Pte. Ltd 1.993 tỷ đồng, các đối tượng khác 660 tỷ đồng.
- Phải trả ngắn hạn khác 7.624 tỷ đồng chủ yếu là các khoản thu hộ, trả hộ tiền dầu thô xuất nhập khẩu ủy thác, thuế xuất khẩu dầu thô thu hộ, trả hộ là 7.362 tỷ đồng.
- Vay và nợ ngắn hạn 7.423 tỷ đồng; Quỹ Bình ổn giá xăng dầu âm 138 tỷ đồng được trích lập, sử dụng theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 103/2021/TT-BTC ngày 18/11/2021 về việc hướng dẫn phương thức trích lập, chi sử dụng, quản lý Quỹ bình ổn giá xăng dầu và các văn bản liên quan.
- Các khoản phải trả khác bao gồm tiền thuế, lương, vay dài hạn và các khoản phải trả khác chưa đến hạn... tổng số 1.844 tỷ đồng.

4. Kế hoạch SXKD năm 2025

4.1. Dự báo tình hình

Tình hình địa chính trị, kinh tế thế giới và khu vực dự báo vẫn phức tạp và khó lường. Kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, không đồng đều, thiếu vững chắc, rủi ro gia tăng; Căng thẳng thương mại, công nghệ, chính sách hướng nội của các nước lớn tiếp tục gia tăng. Thị trường tài chính quốc tế, thị trường ngoại hối luôn biến động do điều hành chính sách tiền tệ trái chiều giữa

các nền kinh tế lớn. Giá dầu thô vẫn sẽ có nhiều biến động, tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của PVOIL.

Trong nước, Chính phủ đặt mục tiêu tăng tốc, bứt phá với mức tăng trưởng GDP tối thiểu 8% trong năm 2025, tạo tiền đề để đất nước tự tin bước vào kỷ nguyên vươn mình phát triển của dân tộc, với mục tiêu tăng trưởng 2 con số trong giai đoạn 5 năm 2026-2030. Chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, năng lượng tái tạo và các ngành công nghiệp mới nổi như sản xuất chip, bán dẫn... là những động lực chủ yếu cho phát triển.







Tuy vậy, nền kinh tế vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: Sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước còn nhiều khó khăn, đầu tư khu vực tư nhân và sức mua phục hồi chậm; Áp lực cạnh tranh kéo theo áp lực về tín dụng, nợ xấu; Các vấn đề thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... có thể gây những tác động lớn đến nền kinh tế.

Trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, Nghị định sửa đổi về quản lý hoạt động KDXD (sắp ban hành) kỳ vọng sẽ góp phần lành mạnh thị trường với việc thu gọn đầu mối, giảm thành phần trung gian. Song song đó, Chính phủ tiếp tục siết chặt quản lý thị trường trong đó có thị trường KDXD, chống gian lận thương mại, để đảm bảo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, phục vụ cho các mục tiêu phát triển dài hạn. Chính sách thuế đối với các mặt hàng xăng dầu dự báo được duy trì ổn định, trong đó thuế bảo vệ môi trường duy trì giảm 50% đến hết năm 2025.

Theo kế hoạch, 02 nhà máy lọc dầu trong nước hoạt động 100% công suất trong năm 2025, đáp ứng khoảng 70% nhu cầu tiêu thụ nội địa;

Năm 2025 cũng là năm cuối cùng của giai đoạn 5 năm 2021-2025 với những bứt phá ấn tượng của PVOIL, và là năm chuẩn bị để bước vào giai đoạn 5 năm tiếp theo (2026 - 2030) với nhiều thách thức và cơ hội ở phía trước.

4.2. **Nhiệm vụ trọng tâm**

-  **Lĩnh vực Dầu thô:** đảm bảo xuất khẩu/bán toàn bộ khối lượng dầu thô/condensate khai thác được trong và ngoài nước an toàn, hiệu quả; cung cấp đầy đủ dầu thô từ nguồn trong nước và nguồn nhập khẩu cho NMLD Dung Quất và cho giai đoạn sau khi hoàn tất nâng cấp và mở rộng. Có giải pháp phù hợp để gia tăng sản lượng kinh doanh dầu quốc tế của PVOIL Singapore, đảm bảo hiệu quả góp phần tăng doanh thu toàn Tổng công ty.
-  **Sản xuất xăng dầu:** Sản xuất xăng E5 RON92, dầu mỡ nhờn thương hiệu PVOIL với mục tiêu gia tăng sản lượng đi đôi với đảm bảo chất lượng và hiệu quả pha chế, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của hệ thống và cung ứng cho các doanh nghiệp đầu mối khác.
-  **Kinh doanh xăng dầu và nhiên liệu bay Jet A1:** Tổ chức kinh doanh xăng dầu tuân thủ các quy định của Nhà nước, chính sách của Tổng công ty; phấn đấu gia tăng sản lượng kinh doanh trên cả 3 kênh phân phối để mở rộng thị phần, song song với đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất và các điều kiện pháp lý để triển khai kinh doanh Jet A1.
-  **Phát triển sản phẩm mới và dịch vụ phi xăng dầu:** chú trọng công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới và tăng cường hợp tác triển khai các dịch vụ phi xăng dầu nhằm thích ứng với xu thế chuyển dịch năng lượng và gia tăng hiệu quả hoạt động.
-  **Công tác đầu tư phát triển:** Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư phát triển CHXD dưới nhiều hình thức; Tìm kiếm cơ hội đầu tư trạm dịch vụ xe tải đường dài, xây dựng trạm dịch vụ xe tải đường dài trở thành biểu tượng của thương hiệu PVOIL; Đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh nhiên liệu bay.
-  **Công tác quản trị hệ thống và chuyển đổi số:** Tăng cường hiệu quả công tác quản lý dòng tiền và công nợ, tiết giảm chi phí; tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ khách

hàng tại các CHXD và kho xăng dầu; đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý điều hành.

4.3. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

Các chỉ tiêu sản lượng và tài chính

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2025	So với TH 2024
I	Các chỉ tiêu sản lượng			
1	Sản lượng XK/bán dầu thô và NK dầu thô cho NMLD Dung Quất	1.000 tấn	8.853	93%
2	SX xăng dầu, dầu mỡ nhờn	1.000 m3/tấn	650	100%
3	Sản lượng kinh doanh xăng dầu	1.000 m3/tấn	5.400	96%
	Tỷ trọng bán lẻ	%	27,0%	
II	Các chỉ tiêu tài chính			
II.1	Hợp nhất			
1	Doanh thu	Tỷ đồng	97.500	78%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	780	123%
3	Lợi nhuận sau thuế		624	132%
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	8.140	79%
II.2	Công ty mẹ			
1	Doanh thu	Tỷ đồng	70.000	82%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	630	140%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	504	134%

Ghi chú: Doanh thu năm 2025 được tính trên giá dầu thô 70 USD/thùng

Kế hoạch đầu tư XD CB

PVOIL tiếp tục tập trung đầu tư phát triển hệ thống CHXD bán lẻ dưới nhiều hình thức và nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh xăng dầu trong năm 2025 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

TT	Hạng mục đầu tư	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	So với TH 2024
1	Xây dựng mới và cải tạo kho, cảng		419	551%
2	Xây dựng mới và cải tạo CHXD (*)	69-72 CHXD	366	188%
3	Đầu tư, mua sắm khác		314	110%
	TỔNG CỘNG		1.099	197%
	Trong đó: - Công ty mẹ		425	174%
	- Công ty con		674	215%
	Đầu tư từ nguồn vốn CSH		719	167%

(*) CHXD được phát triển mới theo các hình thức: xây mới, nhận chuyển nhượng, thuê dài hạn, hợp tác kinh doanh. Giá trị đầu tư kế hoạch được ghi nhận đối với các cửa hàng đầu tư theo hình

thức xây mới và nhận chuyển nhượng, đối với CHXD thuê dài hạn, hợp tác kinh doanh chi phí liên quan được tính vào chi phí SXKD.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của PVOIL do công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán. Theo đó, báo cáo có 01 điểm loại trừ của đơn vị kiểm toán và ý kiến giải trình của Ban Tổng giám đốc như sau:

Ý kiến của kiểm toán:

“Nhu trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí ("PVB"), công ty liên kết của Tổng Công ty, được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 271.593.756.068 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 271.593.756.068 đồng) dựa theo số liệu báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của PVB cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày báo cáo hợp nhất này, dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ do PVB làm chủ đầu tư đã dừng triển khai và Tổng Công ty đang làm việc với các cổ đông của PVB và các bên liên quan về việc triển khai phương án phá sản cho PVB theo quy định của pháp luật. Chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào PVB theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, dẫn đến việc chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về vấn đề này trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Dựa trên các thông tin hiện tại, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào PVB theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không”.

Giải trình của PVOIL:

Khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (PVB) - là chủ đầu tư dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ, đã phát sinh từ trước khi cổ phần hóa PVOIL. Theo Thông báo số 385/TB-VPCP ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Văn phòng Chính Phủ, dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ được đề nghị xem xét phương án giải thể, phá sản theo quy định pháp luật.

PVOIL đã có văn bản trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đề xuất được xác định lại khoản đầu tư này về mức 0 đồng khi thực hiện quyết toán cổ phần hóa (được hiểu là loại khoản đầu tư này ra khỏi công ty cổ phần). Trong quá trình thực hiện thủ tục phá sản dự án, nếu có phát sinh thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ, PVOIL sẽ nộp toàn bộ về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Vấn đề này đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xin ý kiến xử lý của Ủy Ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong công văn số 3540/DKVN-HĐTĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về sắp xếp lại, xử lý nhà đất và khó khăn vướng mắc trong quyết toán cổ phần hóa PVOIL.

Chính phủ đã đồng ý việc đưa dự án NLSH Phú Thọ ra khỏi danh sách theo dõi, xử lý của Ban chỉ đạo xử lý các tồn tại, yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương theo nội dung công văn số 3554/VPCP-KTTH ngày 24/12/2020 của Văn phòng Chính phủ. Đồng thời, giao Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ động quyết định và thực hiện theo thẩm quyền và quy định của pháp luật việc xử lý, cơ cấu lại đối với dự án. Do không thể thực hiện thẩm định giá trị doanh nghiệp làm cơ sở để lập phương án thoái vốn khỏi PVB nên việc triển khai thoái vốn tại PVB không thể thực hiện được.

Trong tháng 4/2024, PVOIL đã thực hiện đăng tải thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng tìm kiếm và mời cổ đông PVB tham dự họp để quyết định phương án phá sản PVB. Tuy nhiên, đến hết thời hạn phản hồi theo yêu cầu, PVB không nhận được phản hồi của cổ đông nào khác ngoài PVOIL. Do đó, PVB/PVOIL không thực hiện được việc lập danh sách cổ đông để triệu tập họp ĐHĐCĐ xem xét, quyết định phương án xử lý tiếp theo đối với PVB.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, PVOIL đã có văn bản báo cáo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về tình hình xử lý các vấn đề liên quan đến khoản đầu tư này và đang tiếp tục xem xét báo cáo các cơ quan có thẩm quyền về việc mở thủ tục phá sản PVB theo quy định của pháp luật.

PHẦN V

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá chung về các mặt hoạt động của Tổng công ty

Năm 2024, do chịu tác động bởi các bất ổn địa chính trị, giá dầu thế giới có những biến động khó lường, tăng/giảm đan xen với biên độ lớn và giảm sâu trong Quý 3. Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước sụt giảm do bị ảnh hưởng mưa bão, đặc biệt là cơn bão số 3 Yagi và lũ lụt tại khu vực phía Bắc. Việc tỷ giá USD/VND tăng mạnh dẫn đến chi phí tài chính tăng do chênh lệch tỷ giá cũng đã gây ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty.

Mặc dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, nhưng tập thể PVOIL đã rất nỗ lực vượt khó, triển khai nhiều nhóm giải pháp hiệu quả, quyết liệt xử lý, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và đạt được kết quả SXKD ấn tượng; Các mặt hoạt động khác của Tổng công ty ổn định; Nguồn lực doanh nghiệp được tích lũy, tạo nền tảng và kỳ vọng cho việc đạt mục tiêu tăng trưởng trong giai đoạn tiếp theo.

- ✔ **Nhiệm vụ chính - sản xuất kinh doanh:** Chủ động và linh hoạt trong khâu tạo nguồn, tích cực làm việc với 2 NMLD trong nước, gia tăng thêm nguồn hàng nội địa và nhập khẩu để đảm bảo nguồn hàng hóa cung ứng cho hệ thống cũng như ổn định thị trường; Phát huy lợi thế cạnh tranh trên cơ sở chuỗi liên kết nguyên liệu - sản xuất - tồn chứa - vận chuyển - phân phối trong lĩnh vực dầu thô và sản phẩm dầu với các đơn vị trong Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam; Triển khai ứng phó với diễn biến thị trường cũng như ảnh hưởng của cơn bão số 3 (Yagi); Nắm bắt và tận dụng các cơ hội phát triển để tiếp tục gia tăng sản lượng kinh doanh, mở rộng thị phần, khai thác hiệu quả hệ thống kho xăng dầu; Hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được ĐHCĐ thường niên năm 2024 giao.
- ✔ **Về lĩnh vực quản lý vốn:** Tình hình tài chính của hệ thống PVOIL lành mạnh và an toàn, huy động và sử dụng vốn đúng mục đích, quản trị dòng tiền hiệu quả, đảm bảo khả năng thanh khoản và góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của cổ đông; Công tác quản lý công nợ được tăng cường, không để phát sinh nợ xấu mới, tập trung thu hồi nợ tồn đọng, khó đòi; Tăng cường quản lý chi phí, tiết kiệm, chống lãng phí; Thường xuyên giám sát kết quả hoạt động các đơn vị thành viên, đánh giá hiệu quả đầu tư ra ngoài doanh nghiệp; Định kỳ rà soát, đánh giá hình hình hoạt động của một số đơn vị thuộc diện giám sát đặc biệt, quyết định bổ sung vào/đưa ra khỏi diện bị kiểm soát đặc biệt.
- ✔ **Về công tác quản trị doanh nghiệp:** Định kỳ tổ chức rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế/quy định nội bộ cho phù hợp với Luật, Nghị định và các văn bản mới có hiệu lực của Nhà nước và tình hình thực tế của Tổng công ty; Thực hành tiết kiệm chống lãng phí từ Tổng công ty tới các đơn vị thành viên, kiểm toán chi phí xăng dầu theo đúng quy định của Nhà nước; Thực hiện chuẩn hóa và nâng cao tính đồng bộ của các phương tiện liên quan đến đo lường và bán hàng đáp ứng yêu cầu xuất hóa đơn từng lần bán hàng, làm sơ sở triển khai dự án hiện đại hóa trụ bơm đối với toàn bộ CHXD thuộc hệ thống PVOIL, nâng cao công tác quản trị trong hoạt động bán lẻ tại các CHXD, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các CHXD và tổng kho xăng dầu; Đẩy mạnh triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.
- ✔ **Về lĩnh vực đầu tư xây dựng:** Tập trung triển khai các dự án đầu tư phát triển hệ thống CHXD, xây dựng và mở rộng kho xăng dầu, nâng cấp và cải tạo một số công trình, lắp đặt hệ thống báo cháy tự động tại các đơn vị; Thực hiện rà soát, sắp xếp quy hoạch hệ thống kho cảng trong toàn hệ thống PVOIL nhằm tiết giảm chi phí hoạt động và nâng cao hiệu quả sử dụng; Nghiên cứu, xây dựng đề án phát triển kinh doanh

nhiên liệu bay Jet A1.

- ✔ **Công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp:** Tiếp tục thực hiện kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu PVOIL giai đoạn 2020 – 2025 bao gồm nhóm công việc tái cấu trúc công ty mẹ, nhóm công việc tổ chức/sắp xếp lại các đơn vị thành viên, thoái vốn tại các doanh nghiệp đầu tư ngoài ngành và nhóm tái cấu trúc các nhà máy nhiên liệu sinh học và công tác quyết toán cổ phần hóa; Triển khai thực hiện các nghị quyết HĐQT liên quan đến công tác sáp nhập PVOIL Tây Ninh vào PVOIL Sài Gòn, đầu tư mua cổ phần của các cổ đông ngoài để chuyển đổi PVOIL Bình Thuận thành Công ty TNHH MTV; Tiếp tục công tác thoái vốn tại PVOIL Campuchia; Tiếp tục thực hiện nghị quyết HĐQT về việc định hướng hoạt động tiếp theo của PVOIL Lào và PVOIL Lào Trading; Thường xuyên bám sát chỉ đạo của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam/Bộ Công Thương/Ủy ban Quản lý vốn để cập nhật tình hình, báo cáo/giải trình bổ sung các thông tin được yêu cầu liên quan đến công tác quyết toán cổ phần hóa.
- ✔ **Công tác tổ chức, lao động và tiền lương:** Tiếp tục thực hiện đổi mới và hoàn thiện cơ cấu tổ chức của các Đơn vị thành viên (thành lập chi nhánh, bổ sung phòng chức năng, cử nhân sự tham gia HĐQT/HĐTV/Ban Kiểm soát tại các đơn vị); Xây dựng định biên, kế hoạch sử dụng lao động và tiền lương năm 2024, quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 của Tổng công ty và các công ty con.
- ✔ **Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số:** Đẩy nhanh công tác ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa và chuyển đổi số một cách toàn diện vào tất cả các lĩnh vực SXKD gồm: Nâng cấp hệ thống các phần mềm quản lý, đa dạng phương thức bán hàng (B2B, PVOIL Easy, PVOIL 4U...); Xây dựng phân hệ mua hàng/bán hàng/vận hành kho; Xây dựng kho dữ liệu tập trung và báo cáo phân tích thông minh; Nâng cấp hệ thống quản lý thông tin kinh doanh dầu thô; Xây dựng hệ thống phần mềm Quản trị nguồn nhân lực; Nâng cấp thiết bị hạ tầng CNTT hỗ trợ hoạt động SXKD; Triển khai dự án hiện đại hóa CHXD PVOIL; Thúc đẩy công tác nghiên cứu và xây dựng chiến lược chuyển đổi số giai đoạn 2024-2030 và ERP.
- ✔ **Công tác An toàn – PCCN:** Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các qui định của Nhà nước về công tác An toàn sức khỏe môi trường; Phối hợp với Cục Cảnh sát PCCC&CNCH về việc Thanh tra chấp hành các quy định pháp luật về PCCC tại Khối văn phòng PVOIL và các Đơn vị trong hệ thống; Đánh giá/kiểm tra tình hình thực hiện Đề án 1114 tại tất cả các CHXD và Đề án 808 tại toàn bộ các Kho/cảng trong hệ thống; Tổ chức đào tạo về kiểm soát an toàn, huấn luyện tâm lý trong hoạt động chữa cháy, cứu nạn cứu hộ, ... trong vận hành tại hệ thống kho cảng xăng dầu và CHXD của PVOIL.
- ✔ **Về các dự án nhiên liệu sinh học:** Tiếp tục phối hợp với các cổ đông của BSR-BF, OBF và PVB triển khai phương án xử lý đối với các dự án nhiên liệu sinh học theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền và tuân thủ trình tự, quy định của pháp luật; liên tục cập nhật thông tin về các dự án và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu.
- ✔ **Công tác kiểm tra, giám sát:** Tổ chức giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên thông qua các báo cáo của Người đại diện tại các công ty con, báo cáo kiểm tra, giám sát định kỳ của Ban KSNB, báo cáo giám sát tài chính hàng quý của Ban Điều hành, báo cáo thẩm định BCTC hàng quý của BKS Tổng công ty; Thực hiện các phương án hỗ trợ, khắc phục đối với các đơn vị gặp khó khăn, có lỗ lũy kế, các đơn vị thuộc diện giám sát đặc biệt; Triển khai các giải pháp khắc phục những tồn tại trong hệ thống đã được các đoàn thanh tra, kiểm tra bên ngoài và nội bộ đã chỉ ra.
- ✔ **Về định hướng phát triển và công tác xây dựng chiến lược:** Tiếp tục bám sát định hướng phát triển ngành xăng dầu và bối cảnh chuyển dịch năng lượng thực tế để xem xét, quyết định việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung kịp thời chiến lược, kế hoạch sản xuất

kinh doanh của PVOIL cho phù hợp; Tiếp tục hợp tác kinh doanh, xây dựng chuỗi liên kết giá trị với các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, nghiên cứu và đề xuất các hình thức hợp tác, chuỗi liên kết mới nhằm tối ưu hóa hiệu quả SXKD của Tổng công ty; Nghiên cứu và triển khai kinh doanh các ngành nghề/sản phẩm mới trên cơ sở mặt bằng hệ thống CHXD/kho rộng khắp toàn quốc (hợp tác với Vinfast/V-Green lắp đặt và vận hành trạm sạc xe điện tại CHXD, mô hình trạm dừng nghỉ xe tải đường dài, hợp tác với các chuỗi kinh doanh nước giải khát/đồ ăn nhẹ, xây dựng đề án mạng lưới thu gom dầu ăn đã qua sử dụng...); Tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để thúc đẩy, phát triển hoạt động SXKD của Tổng công ty.

✔ **Công tác truyền thông và văn hóa Doanh nghiệp:** Thực hiện hiệu quả nhiệm vụ truyền thông nội bộ, truyền thông công chúng và văn hóa doanh nghiệp; Phối hợp hiệu quả với các cơ quan truyền thông, báo chí để xây dựng mạng lưới đối tác truyền thông về hoạt động sản xuất kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ của PVOIL; Chủ động cung cấp thông tin chính thống, khách quan đến các cơ quan báo chí; Thường xuyên theo dõi và xử lý kịp thời các thông tin truyền thông khi có các sự cố xảy ra hoặc có những thông tin sai lệch từ các cơ quan báo chí, phản ánh không đúng hoặc không đầy đủ về PVOIL; Không để xảy ra khủng hoảng truyền thông. Nghiêm túc tuân thủ các quy định về việc quản lý, sử dụng đồng bộ, thống nhất thương hiệu/nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Tiếp tục thực hiện triển khai tái tạo văn hóa Petrovietnam tại PVOIL. Thương hiệu PVOIL ngày càng được mở rộng “độ phủ” và nâng cao về giá trị thương hiệu.

✔ **Ứng phó với sự cố tấn công mạng (Ransomware); Tăng cường công tác an ninh mạng:** Ngày 02/04/2024, sự cố tấn công an ninh mạng đã khiến hệ thống Công nghệ thông tin của Tổng công ty ngừng hoạt động. Ngay lập tức, Tổng công ty đã chủ động xử lý nghiệp vụ để đảm bảo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn được diễn ra liên tục 1 ngày sau sự cố, đồng thời phối hợp với Công ty CP Công nghệ An Ninh mạng Quốc gia Việt Nam (NCS) rà soát, đánh giá, tìm lỗ hổng bảo mật để khắc phục hậu quả. Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng chủ động và khẩn trương truyền thông và báo cáo các cấp thẩm quyền về sự cố. Sự cố được khắc phục hoàn toàn sau 7 ngày, toàn bộ thông tin dữ liệu đã được khôi phục.

Sau sự cố an ninh mạng, Tổng công ty đã triển khai giải pháp an ninh an toàn thông tin mạng theo mô hình 3P (Policy-Product-People). Cụ thể: (i) Policy (Chính sách): Ngừng công khai các ứng dụng nội bộ, chỉ chấp nhận các địa chỉ IP đáng tin cậy, chặn tất cả và sau đó mở dần luồng dữ liệu được phép, định kỳ đổi mật khẩu người dùng, thường xuyên cập nhật bản vá lỗ hổng bảo mật; (ii) Product (kỹ thuật): Tăng cường năng lực sao lưu, kết nối mạng riêng ảo; (iii) People (con người): Đào tạo và truyền thông kiến thức về an toàn thông tin mạng.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Tổng giám đốc đã điều hành các mặt hoạt động của Tổng công ty một cách ổn định; Các chỉ tiêu SXKD tăng trưởng vượt kế hoạch năm, nhiều chỉ tiêu SXKD cơ bản tiếp tục đạt kỷ lục mới.

Trong năm 2024, Ban Tổng Giám đốc đã làm tốt công tác dự báo diễn biến giá dầu thế giới, nhu cầu xăng dầu trong nước, từ đó có các giải pháp ứng phó kịp thời với biến động của thị trường, chủ động trong công tác điều hành kinh doanh, tăng cường công tác sản xuất pha chế, quản trị tồn kho hợp lý, linh hoạt trong các khâu tạo/cấp nguồn xăng dầu cho các ĐVTV; Phối hợp chặt chẽ với BSR, PVNDB xây dựng/Thực hiện các phương án đảm bảo việc tiêu thụ tối đa sản phẩm từ các nhà máy lọc dầu trong nước, điều độ hàng hóa để hỗ trợ cho 2 NMLD hoạt động liên tục và ổn định; Gia tăng sản lượng và hiệu quả kinh doanh thông qua phát huy chuỗi liên kết với ĐVTV thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (BSR, PVNDB, PVGAS) về nguyên liệu, sản xuất, tồn chứa, phân phối trong lĩnh vực dầu thô và sản phẩm dầu; Tập

trung phát triển thị trường, mở rộng quy mô kinh doanh; Điều hành hệ thống PVOIL an toàn, ổn định. Kết quả đạt được như sau:

- ✓ ĐHCĐ năm 2024 của PVOIL đã diễn ra thành công theo đúng kế hoạch; Báo cáo thường niên năm 2023 và công tác công bố thông tin thực hiện minh bạch, đúng thời gian quy định.
- ✓ Về các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2024, Ban Tổng giám đốc đã triển khai đầy đủ, nghiêm túc và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu được ĐHCĐ và HĐQT giao, trong đó các chỉ tiêu cơ bản bao gồm sản lượng kinh doanh xăng dầu (113%), doanh thu (151%) và lợi nhuận trước thuế (106%).
- ✓ Các nhiệm vụ trọng tâm khác đều được hoàn thành theo kế hoạch như: Tái cấu trúc - đổi mới doanh nghiệp; Đầu tư phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu và sắp xếp quy hoạch hệ thống kho cảng; Ứng dụng công nghệ 4.0 và chuyển đổi số; Quản trị hệ thống: kiểm soát chi phí, quản lý tài chính an toàn và hiệu quả, nâng cao chất lượng dịch vụ tại các kho và cửa hàng xăng dầu thông qua việc triển khai Đề án 1114, Đề án 808, triển khai thí điểm các dịch vụ non-oil tại một số CHXD trong hệ thống, an ninh - an toàn, PCCN; Các hoạt động đoàn thể, an sinh xã hội, từ thiện, được quan tâm và triển khai tích cực trong toàn hệ thống với nhiều hoạt động ý nghĩa.

Đánh giá chung: Trong quá trình điều hành hoạt động SXKD năm 2024 của PVOIL, Tổng giám đốc và Ban Điều hành đã nghiêm túc tuân thủ quy định của pháp luật, phân cấp quản lý tại Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của PVOIL cũng như các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT; Đã có nhiều giải pháp điều hành các mặt hoạt động của Tổng công ty và các ĐVTV linh hoạt, kịp thời và đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ; Hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ trọng tâm đã được ĐHCĐ và HĐQT giao phó; Tiếp tục cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống của người lao động; Tạo nền tảng ổn định và động lực phát triển mới trong toàn hệ thống.

3. Các kế hoạch và định hướng hoạt động năm 2025

Ngày 13/01/2025, căn cứ định hướng chiến lược phát triển trung - dài hạn, kế hoạch tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2020 - 2025 và kế hoạch SXKD năm 2025 của Tổng công ty, HĐQT Tổng công ty đã ban hành Chương trình công tác năm 2025 của HĐQT, cụ thể hóa các nhóm nhiệm vụ/công việc cần thực hiện và những mục tiêu đặt ra trong năm 2025 với những nội dung cụ thể:

- ✓ **Về công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông và quan hệ cổ đông:** Chỉ đạo việc tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2025 của Công ty mẹ - PVOIL; Phê duyệt kế hoạch tổ chức, nội dung chương trình ĐHCĐ thường niên năm 2025 của các ĐVTV và các công ty liên kết/công ty có vốn góp khác.
- ✓ **Về hoạt động sản xuất kinh doanh:** Chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025 trên cơ sở đảm bảo nguồn cung cấp xăng dầu đầy đủ cho hệ thống, ổn định thị trường; Phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh, nắm bắt các cơ hội phát triển, tận dụng hiệu quả các lợi ích từ chuỗi liên kết sản xuất - vận chuyển - phân phối trong Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam; Nâng cao sản lượng kinh doanh, mở rộng thị phần; Khai thác hiệu quả hệ thống kho xăng dầu; Thường xuyên giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD thông qua kết quả hoạt động SXKD hàng tháng/quý và cả năm của Tổng công ty và các ĐVTV trong toàn hệ thống; Chỉ đạo các giải pháp cần thiết nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch hoạt động SXKD năm 2025.
- ✓ **Công tác quản trị tài chính và công nợ:** Tập trung công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động tại các ĐVTV; đảm bảo việc quản lý, huy động và sử dụng vốn đúng mục đích, chặt chẽ, an toàn và hiệu quả; Tăng cường hiệu quả công tác cân đối

vốn, quản trị dòng tiền và quản lý công nợ chặt chẽ để giảm thiểu nợ xấu phát sinh mới, tích cực thu hồi công nợ, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh và thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro theo quy định; Chỉ đạo công tác giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp; Xem xét chủ trương tăng vốn điều lệ cho một số ĐVTV nhằm đáp ứng nhu cầu vốn phát triển doanh nghiệp (nếu có); Chỉ đạo rà soát, đánh giá hình hình hoạt động của một số đơn vị thuộc diện giám sát đặc biệt để quyết định bổ sung vào/đưa ra khỏi diện bị kiểm soát đặc biệt.

- ✔ **Công tác đầu tư:** Đẩy mạnh công tác đầu tư theo kế hoạch năm đã được phê duyệt; Tập trung triển khai các dự án chuyển tiếp từ năm 2024, đảm bảo tiến độ và hiệu quả; Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển CHXD, kết hợp các dịch vụ non-oil nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, ưu tiên tìm kiếm cơ hội/triển khai đầu tư các Trạm dịch vụ xe tải đường dài; Tập trung chỉ đạo dự án đầu tư cơ sở vật chất và hoàn thiện các điều kiện pháp lý để triển khai kinh doanh nhiên liệu hàng không Jet-A1 và xăng dầu tiêu chuẩn cao (Euro 5); Tiếp tục nhiệm vụ rà soát, sắp xếp quy hoạch hệ thống kho, cảng trong toàn hệ thống PVOIL nhằm tiết giảm chi phí vận hành, tăng cường hiệu quả sử dụng kho cảng; Tiếp tục chỉ đạo việc triển khai nghiên cứu, xây dựng đề án phát triển kinh doanh nhiên liệu bay Jet A1.
- ✔ **Công tác quản trị hệ thống:** Chỉ đạo việc rà soát và cải tiến hệ thống văn bản nội bộ của Tổng công ty theo tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp hiện đại; Chỉ đạo triển khai công tác quản trị rủi ro doanh nghiệp (khung COSO-ERM).
- ✔ **Công tác tái cơ cấu, quyết toán cổ phần hóa:** Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu PVOIL giai đoạn 2020 – 2025; Tiếp tục chỉ đạo triển khai các phương án xử lý đối với các dự án Nhiên liệu sinh học OBF, PVB và BSR-BF; Chỉ đạo bám sát và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để thúc đẩy việc quyết toán cổ phần hóa PVOIL và PETEC; Tiếp tục chỉ đạo tập trung việc thoái vốn tại các công ty không thuộc ngành nghề kinh doanh chính.
- ✔ **Công tác chuyển đổi số, áp dụng công nghệ 4.0:** Tiếp tục giám sát và chỉ đạo đẩy mạnh công tác chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ 4.0 trong hệ thống PVOIL với trọng tâm: Phê duyệt chiến lược và lộ trình triển khai chuyển đổi số giai đoạn 2024-2030; Tiếp tục triển khai các phần hành ERP; Hoàn thành Dự án hiện đại hóa trụ bơm tại CHXD; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0, chuyển đổi số và các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; Đầu tư, nâng cấp công nghệ, phần mềm quản lý và thiết bị hạ tầng CNTT phục vụ SXKD.
- ✔ **Công tác kiểm tra, giám sát:** Tổ chức giám sát thường xuyên và chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của các ĐVTV; Giám sát thường xuyên việc thực hiện quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Người đại diện tại các ĐVTV; Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nhằm đảm bảo các đơn vị trong hệ thống vận hành đúng định hướng, mục tiêu đã đặt ra.
- ✔ **Công tác xây dựng và triển khai chiến lược:** Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch SXKD, đầu tư phát triển giai đoạn 2026-2030, chiến lược phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với xu hướng phát triển ngành xăng dầu và bối cảnh chuyển dịch năng lượng trên thế giới và trong nước. Chỉ đạo việc triển khai các đề án phát triển kinh doanh dài hạn để thích ứng với xu thế chuyển dịch năng lượng, nhằm linh hoạt và gia tăng hiệu quả cho hoạt động SXKD.
- ✔ **Công tác xây dựng các chuỗi liên kết giá trị; xây dựng và phát triển thương hiệu:** Tiếp tục chỉ đạo công tác hợp tác kinh doanh, xây dựng các chuỗi liên kết giá trị với các đơn vị trong Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam; Chỉ đạo công tác phát triển thương hiệu PVOIL về độ phủ và giá trị thương hiệu; Đẩy mạnh hoạt động tái tạo Văn hóa doanh nghiệp; Tiếp tục chỉ đạo các công tác truyền thông, các hoạt động an sinh xã hội và các sự kiện văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.

PHẦN VI

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Thông điệp phát triển bền vững

Phát triển bền vững (Sustainable Development) là một khái niệm quan trọng định nghĩa về quá trình phát triển đáp ứng nhu cầu mọi mặt của xã hội hiện tại mà vẫn đảm bảo sự tiếp tục phát triển của thế hệ tương lai. Nói cách khác, phát triển bền vững nhằm mục tiêu tạo ra một sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và công bằng xã hội.

Trong hai thập kỷ qua, trên bình diện quốc tế, vấn đề phát triển bền vững ngày càng được đặc biệt quan tâm và trở thành yêu cầu phát triển của toàn cầu, là xu thế chung mà toàn nhân loại đang nỗ lực hướng tới.

Với tầm nhìn và sứ mệnh của mình, PVOIL cam kết không chỉ cung cấp nguồn năng lượng an toàn, chất lượng cao, giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường mà còn đóng góp tích cực vào việc thúc đẩy sự phát triển của xã hội và cộng đồng. Điều này đòi hỏi sự đầu tư nghiêm túc vào công nghệ, quy trình vận hành và các sản phẩm năng lượng thay thế, đồng thời thể hiện cam kết minh bạch và rõ ràng trong các hoạt động hàng ngày.

Trong bối cảnh Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu đạt được carbon net zero vào năm 2050, PVOIL cam kết sẽ đồng hành cùng Chính phủ và xã hội trong việc giảm thiểu tác động của ngành xăng dầu đối với môi trường. Chúng tôi sẽ đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ xanh, đổi mới sáng tạo và nghiên cứu, áp dụng các giải pháp năng lượng tái tạo nhằm giảm lượng khí thải CO2 trong toàn bộ chuỗi cung ứng và hoạt động của mình.

Bên cạnh đó, PVOIL cam kết tiếp tục xây dựng và triển khai các sáng kiến bảo vệ môi trường, cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng và phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường. Chúng tôi cũng sẽ thúc đẩy các chương trình cộng đồng, nâng cao nhận thức và hành động bảo vệ môi trường trong toàn xã hội.

Chúng tôi tin rằng, với sự nỗ lực không ngừng, PVOIL sẽ góp phần tạo nên một tương lai bền vững, không chỉ vì lợi ích của doanh nghiệp mà còn vì lợi ích của cộng đồng và thế hệ mai sau.

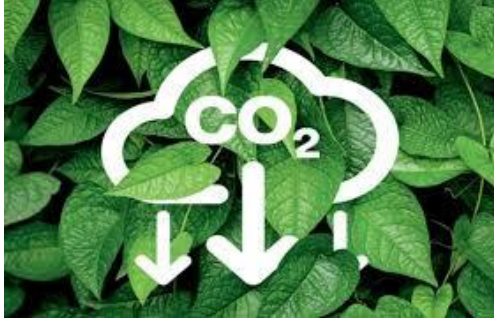
Trách nhiệm trong sản xuất và kinh doanh sản phẩm xăng dầu hướng đến mục tiêu phát triển bền vững của PVOIL được thể hiện qua các hành động cụ thể như sau:



Phát triển sản phẩm năng lượng xanh, năng lượng tái tạo:

PVOIL là đơn vị tiên phong cả nước giúp Chính phủ từng bước triển khai lộ trình đưa xăng sinh học E5 ra thị trường để thay thế xăng truyền thống. Xăng sinh học E5 đã được PVOIL đưa vào kinh doanh từ 01/8/2010 và từng bước mở rộng tiêu thụ trong hệ thống phân phối của mình. Sau nhiều năm kiên trì đeo đuổi, nỗ lực tuyên truyền sử dụng sản phẩm năng lượng “xanh” và thuyết phục người tiêu dùng bằng chính sản phẩm chất lượng của mình, xăng sinh học E5 đã được Chính phủ quyết định đưa vào kinh doanh thay thế hoàn toàn A92 kể từ ngày 01/01/2018 đến nay.

Bên cạnh đó, PVOIL cũng đang nghiên cứu triển khai lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời cung cấp nguồn năng lượng sạch cho trạm sạc pin xe điện, góp phần giảm thiểu khí thải carbon từ việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch.



Giảm thiểu tác động đến môi trường: PVOIL đặc biệt chú trọng công tác đầu tư, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải tại các kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu trong toàn hệ thống. Đồng thời, tăng cường kiểm soát ô nhiễm tại tất cả các khâu pha chế - tồn chứa - vận chuyển và phân phối xăng dầu.

Bên cạnh đó, Tổng công ty khuyến khích người lao động nghiên cứu và ứng dụng các sáng kiến cải tiến quy trình sản xuất và vận hành, cải thiện thiết bị và công nghệ để giảm thiểu lãng phí năng lượng và sử dụng năng lượng một cách hiệu quả nhất.



Bảo vệ và phát triển cộng đồng: PVOIL xác định sự công nhận của cộng đồng chính là thước đo chuẩn xác cho sự phát triển bền vững của Tổng công ty. Vì vậy, PVOIL luôn đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, đồng thời thực thi trách nhiệm với xã hội, cộng đồng thông qua nhiều hoạt động thiết thực và bằng cả tấm lòng.





PVOIL cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời chủ động tham gia vào các sáng kiến, dự án về phát triển bền vững do Chính phủ và các tổ chức quốc tế phát động.



Đảm bảo tính minh bạch và báo cáo hiệu quả: PVOIL tuân thủ quy định về báo cáo môi trường định kỳ và công khai các chỉ số liên quan đến tác động môi trường từ các hoạt động sản xuất và phân phối xăng dầu, dầu mỡ nhờn. PVOIL cũng duy trì hiệu quả hệ thống đánh giá về an toàn sức khỏe và môi trường để đảm bảo rằng các mục tiêu phát triển bền vững đang được thực hiện đúng hướng và đạt được kết quả như mong đợi.

2. Nguyên tắc hoạt động của PVOIL đối với các bên liên quan

	<p>Đối với nhân viên</p> <ul style="list-style-type: none"> ☑ Đảm bảo việc làm; Xây dựng chính sách đãi ngộ tương xứng với sự cống hiến, đóng góp của Người lao động. ☑ Đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn; Tổ chức giao và đánh giá công việc bằng KPIs, khuyến khích nâng cao năng suất, chất lượng/hiệu quả công việc. ☑ Môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và thân thiện.
--	--

	<p>Đối với khách hàng</p> <p>PVOIL đảm bảo cung cấp sản phẩm chất lượng và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. PVOIL là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực phát triển kinh doanh xăng sinh học E5 thay thế nhiên liệu hóa thạch, góp phần giảm phát thải, bảo vệ môi trường. Sản phẩm xăng dầu, dầu mỡ nhờn và nhiên liệu sinh học mà PVOIL cung ứng ra thị trường luôn đảm bảo tuyệt đối về chất lượng và đầy đủ về số lượng. Bên cạnh đó, Tổng công ty đã và sẽ tiếp tục duy trì trong toàn hệ thống các chương trình hành động thiết thực như 1114 và 808 nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu.</p>
	<p>Đối với cổ đông và nhà đầu tư</p> <p>PVOIL luôn hướng tới mục tiêu tối đa hóa giá trị doanh nghiệp với các nỗ lực hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Đồng thời, cung cấp đầy đủ, kịp thời, công khai minh bạch thông tin về tình hình hoạt động của Tổng công ty thông qua các buổi hội thảo, các kênh truyền thông, website và các phương tiện công bố thông tin theo quy định.</p>
	<p>Đối với đối tác kinh doanh</p> <p>Tổng công ty giữ nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh, hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng</p>
	<p>Đối với cộng đồng và xã hội</p> <p>Tổng công ty cam kết thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội bằng các hoạt động thiết thực.</p>

3. Báo cáo về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường (ATSKMT)

3.1. Duy trì hiệu quả Hệ thống ATSKMT

3.1.1. Bộ máy quản lý công tác ATSKMT

- ✔ Bộ máy quản lý công tác ATSKMT tại PVOIL đã được thiết lập, thường xuyên kiện toàn và tổ chức hoạt động đồng bộ, nhịp nhàng, chặt chẽ từ Tổng công ty đến các Đơn vị trực thuộc và các Đơn vị thành viên trong toàn hệ thống, từ các cấp lãnh đạo cao nhất đến chuyên viên chuyên trách/bán chuyên trách.
- ✔ Xây dựng đội ngũ An toàn vệ sinh viên trong toàn Tổng công ty nhằm hỗ trợ trong công tác đảm bảo ATSKMT trong các hoạt động SXKD.
- ✔ Xây dựng chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá định lượng rủi ro và Kế hoạch ứng phó tình huống khẩn cấp đáp ứng theo quy định của pháp luật.

3.1.2. Duy trì, cải tiến hệ thống quản lý ATSKMT

- ✔ Hệ thống quản lý chất lượng tích hợp (HTQLTH) của PVOIL đã triển khai xây dựng, duy trì và tuân thủ từ năm 2012 trong toàn hệ thống và đã được Viện tiêu chuẩn Anh BSI đánh giá và cấp chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn - Môi trường - Chất lượng theo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế về Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề

nghiệp ISO 45001:2018, Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015 và Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Hệ thống được tái đánh giá chứng nhận định kỳ, đánh giá giám sát hằng năm và lần đánh giá gần nhất là tháng 10/2024.

- ✔ Việc triển khai các đề án 1114 “Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD” và đề án 808 “Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng tại Kho xăng dầu” đã đóng góp tích cực trong việc đảm bảo tuân thủ quy trình nghiệp vụ, thành thạo các quy tắc về an toàn PCCC, an toàn vận hành, sử dụng thành thạo trang thiết bị PCCC và xử lý sự cố tại CHXD và các kho trong toàn hệ thống.



Hình ảnh kho xăng dầu và CHXD xanh – sạch đẹp – an toàn của PVOIL

- ✔ Việc duy trì tuân thủ và cải tiến HTQLTH được PVOIL thực hiện nghiêm túc, thông qua:
 - ✔ Công tác kiểm tra, đánh giá nội bộ của Tổng công ty về ATSKMT được duy trì thực hiện hàng năm.
 - ✔ Công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng tháng đối với Đề án 1114 “Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD” và Đề án 808 “Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng tại Kho xăng dầu” với 04 lượt cho tất cả các kho và CHXD trong hệ thống.
 - ✔ Hoạt động đánh giá giám sát định kỳ HTQLTH của Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI): Các phát hiện sự không phù hợp và khuyến nghị cải tiến của BSI đều được theo dõi, lập kế hoạch và triển khai khắc phục, phòng ngừa, cải tiến theo Quy trình khắc phục sự không phù hợp.
 - ✔ Đào tạo cho CBCNV về các nội dung liên quan. Trong năm 2024, PVOIL đã đào tạo cho các CBNV làm việc tại các kho xăng dầu trong hệ thống về “Công tác chỉ huy trong hoạt động Ứng phó sự cố tràn dầu tại các kho xăng dầu”; Tổ chức hướng dẫn sử dụng trang thiết bị ƯPSCTD tại CHXD đã trang bị và các khóa đào tạo An toàn vệ sinh lao động theo Nghị định 44/2016/NĐ-CP.

3.2. Công tác An toàn - An ninh, PCCC, ứng cứu tình huống khẩn cấp

Trong năm 2024, PVOIL tiếp tục duy trì triển khai các biện pháp từ phòng ngừa đến sẵn sàng ứng cứu sự cố để đảm bảo an toàn, PCCN trong toàn hệ thống với các hoạt động tiêu biểu sau:

- ✔ Tất cả các kho, CHXD trong hệ thống PVOIL định kỳ tổ chức diễn tập phương án PCCC, ứng phó sự cố môi trường và cứu nạn thoát hiểm với sự tham gia của lực lượng chức năng địa phương nhằm nâng cao tính sẵn sàng ứng cứu của lực lượng ứng cứu tại chỗ và ý thức an toàn của CBNV.
- ✔ Tổng công ty đã kết hợp tổ chức các khóa đào tạo trực tiếp về ATSKMT theo quy định pháp luật; triển khai “Đánh giá an toàn kho cảng” theo thông lệ quốc tế, đào tạo “Công tác chỉ huy trong hoạt động Ứng phó sự cố tràn dầu tại các kho xăng dầu”, an toàn vệ sinh lao động, diễn tập, thực tập PCCC định kỳ.
- ✔ Đối với công tác Phòng chống lụt bão, thiên tai, PVOIL thường xuyên theo dõi và cảnh báo kịp thời về các tình huống thiên tai, bão lụt nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động làm việc tại các Kho/cảng và giảm thiệt hại về tài sản; Ban chỉ đạo Văn phòng tình huống khẩn cấp thực hiện trực điện thoại 24/24 trong các dịp Lễ, Tết hoặc các thời điểm có bão, lũ... nhằm kịp thời chỉ đạo, xử lý các tình huống khẩn cấp; Tổ chức lực lượng trực ứng cứu tràn dầu trong quá trình xuất nhập hàng hóa tại tất cả các kho trong hệ thống.
- ✔ PVOIL luôn duy trì chế độ báo cáo hàng tháng, kiểm tra định kỳ và đột xuất công tác an toàn, an ninh và PCCC tại các đơn vị trong toàn hệ thống PVOIL.
- ✔ Tổ chức hội thi tay nghề khối kho xăng dầu “Đội vận hành giỏi” lần thứ 4 năm 2024.



Hội thi tay nghề khối kho xăng dầu “Đội vận hành giỏi” lần thứ 4 năm 2024

3.3. Chăm sóc sức khỏe người lao động

- ✔ Định kỳ, Tổng công ty đã tổ chức triển khai đo kiểm tra môi trường lao động định kỳ và công tác bảo hộ lao động hiệu quả, nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp.
- ✔ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CBCNV; thực hiện khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động trực tiếp, và khám chuyên sâu đối với một số trường hợp có nghi ngờ về mắc bệnh nghề nghiệp.

- ✔ Tổng công ty cũng thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc tại Kho cảng/CHXD.
- ✔ Đối với các Đơn vị có bếp ăn tập thể, luôn kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm cho người lao động.
- ✔ Ngoài ra, để giúp người lao động được đảm bảo về tài chính trong trường hợp phải khám chữa bệnh và nằm viện, PVOIL nhiều năm qua đã áp dụng chính sách mua bảo hiểm sức khỏe /Bảo hiểm tai nạn cho CBCNV của mình.

3.4. Công tác bảo vệ môi trường và kiểm soát chất thải

- ✔ PVOIL thường xuyên theo dõi, cập nhật triển khai các văn bản pháp luật mới ban hành. Năm 2024, Tổng công ty tiếp tục theo dõi, hướng dẫn các đơn vị trong toàn hệ thống triển khai Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản dưới Luật cho các Đơn vị, ghi nhận các vướng mắc khó khăn của Đơn vị trong quá trình triển khai để báo cáo các cấp thẩm quyền nhằm tháo gỡ vướng mắc cho Đơn vị. Tổng công ty đã kiến nghị với PVN và thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình sửa đổi Nghị định 08/2022/NĐ-CP với nội dung vướng mắc liên quan đến đăng ký Giấy phép môi trường của các CHXD. Ngày 06/01/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định 05/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 08/2022/NĐ-CP, trong đó có nội dung tháo gỡ vướng mắc về đăng ký Giấy phép môi trường của CHXD.
- ✔ Định kỳ giám sát chất lượng môi trường, diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu, quản lý chất thải nguy hại, vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải.
- ✔ Áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro trong hoạt động bảo vệ môi trường và kiểm soát chất thải thông qua việc nhận diện, đánh giá các khía cạnh môi trường có ý nghĩa từ các hoạt động tồn trữ, pha chế, kinh doanh và vận chuyển xăng dầu để từ đó đưa ra giải pháp nhằm ngăn ngừa các sự cố ô nhiễm môi trường.



Một số hình ảnh diễn tập PCCC và ứng cứu sự cố tràn dầu tại kho xăng dầu năm 2024

3.5. Xây dựng văn hóa an toàn sức khỏe, môi trường

Cùng với việc sử dụng công nghệ, PVOIL còn quan tâm đến việc tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CBCNV thông qua việc tổ chức các hoạt động thiết thực như:

- ✓ Duy trì việc tuyên truyền định kỳ tháng hành động vì an toàn vệ sinh lao động, ngày môi trường thế giới, giờ trái đất, ngày toàn dân phòng cháy chữa cháy... Giúp nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên về tuân thủ yêu cầu Pháp luật về an toàn – phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và sức khỏe người lao động.
- ✓ Trong năm 2024, PVOIL đã tổ chức thành công Hội nghị An toàn Sức khỏe Môi trường nhằm sơ kết công tác ATSKMT của Tổng công ty trong 6 tháng đầu năm, đánh giá công tác quản lý ATSKMT tại các Đơn vị thành viên, đồng thời tạo điều kiện chia sẻ kinh nghiệm/bài học trong việc triển khai hiệu quả hoặc xử lý các vướng mắc/khó khăn trong quá trình thực hiện công tác ATSKMT giữa các Đơn vị.

3.6. Các chỉ số an toàn sức khỏe và nghề nghiệp

Tỷ lệ chấn thương, bệnh nghề nghiệp, ngày nghỉ ốm, sự vắng mặt và số trường hợp tử vong có liên quan đến làm việc theo từng khu vực của Tổng công ty trong năm 2024 được thống kê như sau:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu
1	Tai nạn lao động		0
	- Tổng số vụ tai nạn lao động	Vụ	0
	- Tổng số người bị tai nạn lao động	Người	0
	- Tổng chi phí cho tai nạn lao động (cấp cứu, điều trị, trả lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp ...)	Triệu đồng	0
	- Thiệt hại về tài sản (tính bằng tiền)	Triệu đồng	0
	- Số ngày công nghỉ vì tai nạn lao động	Ngày	0
2	Bệnh nghề nghiệp		0
	- Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn tại thời điểm báo cáo	Người	0
	- Số ngày công nghỉ vì bệnh nghề nghiệp	Ngày	0
	- Số người phải nghỉ trước tuổi hưu vì bệnh nghề nghiệp	Người	
	- Tổng chi phí cho người bị bệnh nghề nghiệp phát sinh trong năm (Các khoản chi không tính trong kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động như: điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp,...)	Triệu đồng	0
3	Kết quả phân loại sức khỏe của người lao động		
	+ Loại I	Người	1.361
	+ Loại II	Người	2.814
	+ Loại III	Người	1.957
	+ Loại IV	Người	53
	+ Loại V	Người	6
4	Số ngày nghỉ ốm	Ngày	0

3.7. Nhiệm vụ chính công tác ATSKMT 2025

Những thành tích đạt được trong năm 2024 đã khẳng định những nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty trong công tác đảm bảo ATSKMT, củng cố thương hiệu và hình ảnh của PVOIL vì một tương lai an toàn và phát triển bền vững. Để tiếp tục phát huy thành tích đó PVOIL đã xây dựng một số nhiệm vụ chính trong năm 2025 như sau:

- ✓ Đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của PVOIL an toàn, chất lượng và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về Chất lượng - ATSKMT.
- ✓ Duy trì cập nhật và đánh giá chứng nhận thành công Hệ thống quản lý theo phiên bản mới ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018.
- ✓ Tăng cường đào tạo và tập huấn để bổ sung kiến thức về ATSKMT nhằm đáp ứng yêu cầu Pháp luật và nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động.
- ✓ Không để xảy ra tai nạn lao động nặng trở lên tại các Đơn vị trong toàn Hệ thống.
- ✓ Không để xảy ra sự cố môi trường bị cơ quan chức năng xử phạt và đảm bảo tuân thủ đầy đủ yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường.
- ✓ Tiếp tục cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho CBCNV trong toàn Tổng công ty.
- ✓ Củng cố lực lượng Ứng cứu khẩn cấp, nâng cao tính sẵn sàng ứng phó sự cố bão lũ nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản trong các cơn bão.

4. Tuân thủ về môi trường

Ý thức được hoạt động kinh doanh xăng dầu tiềm ẩn nhiều rủi ro cho môi trường, Tổng công ty đã tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp để phòng ngừa và hạn chế rủi ro như:

- ✓ Trang bị đầy đủ thiết bị, bố trí nhân lực đủ năng lực, các hệ thống xử lý môi trường được vận hành, bảo trì, bảo dưỡng theo đúng quy định.
- ✓ Tổ chức lực lượng quản lý công tác an toàn, sức khỏe, môi trường và ứng cứu sự cố khẩn cấp tại tất cả các đơn vị trong hệ thống.
- ✓ Xây dựng phương án ứng cứu sự cố tràn dầu và thuê lực lượng ứng cứu chuyên nghiệp tại các kho cảng xăng dầu.
- ✓ Các kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu đều đảm bảo được cơ quan chuyên ngành cấp/cấp lại các giấy phép về an toàn, bảo vệ môi trường (Giấy chứng nhận đủ điều kiện An toàn PCCC, Báo cáo Đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường,...) trước khi đi vào hoạt động và trong quá trình hoạt động.
- ✓ Duy trì hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp về ATSKMT theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018.

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường

5.1. Tác động lên môi trường

Khí thải

- Tổng lượng khí thải phát sinh từ các nhà máy của PVOIL năm 2024 khoảng 1,621 tấn, trong đó Khí thải NOx là 1,204 tấn, CO là 0,168 tấn, VOC là 0,114 tấn và bụi là 0,136 tấn.
- Khí thải phát sinh từ các nhà máy đều được thu gom và xử lý tuân thủ theo quy định về bảo vệ môi trường của Việt Nam trước khi thải ra môi trường. Năm 2024, PVOIL không có sự cố do khí thải gây ra.
- Các nguồn khí thải đều được các quan trắc định kỳ và giám sát chặt chẽ, đảm bảo hàm lượng chất ô nhiễm phát thải ra môi trường đáp ứng tiêu chuẩn thải hiện hành.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính của PVOIL:

- ✓ Lắp đặt mái phao tại các bồn kho xăng dầu.
- ✓ Thực hiện nhập kín tại các CHXD.
- ✓ Cải tiến công nghệ thu hồi sản phẩm khí trong quá trình chưng cất làm nhiên liệu cho lò gia nhiệt.

Nước thải

- Nước thải tại các kho xăng dầu, CHXD và nhà máy của Tổng công ty phần lớn là nước thải nguy hại (nhiễm dầu), đều đã được xử lý để đảm bảo tiêu chuẩn xả thải ra môi trường. Hệ thống xử lý nước thải tại các kho, nhà máy của PVOIL được đầu tư, và nâng cấp và thường xuyên được bảo trì, bảo dưỡng.
- Định kỳ thực hiện quan trắc chất lượng nước thải theo cam kết trong các Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường và Cam kết bảo vệ môi trường. Kết quả giám sát môi trường tại các đơn vị trong năm 2024 chưa có ghi nhận bất kỳ trường hợp thải nước không tuân theo quy định.

Chất thải rắn

- Hoạt động của PVOIL phát sinh chủ yếu các loại chất thải như chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại. Năm 2024, lượng chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 3,05 nghìn tấn, chất thải công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 11,2 tấn, chất thải nguy hại khoảng 424,7 tấn.
- Các loại chất thải được phân loại, thu gom, lưu giữ an toàn và chuyển giao xử lý theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

5.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm, dịch vụ chính của PVOIL trong năm:
 - ✓ Condensate (Naptha): 155,970 m³
 - ✓ Dầu gốc sản xuất dầu nhớt: 3.961 tấn
 - ✓ Phụ gia sản xuất dầu nhớt: 475,15 tấn
 - ✓ Nước khoáng: 7.225 m³
 - ✓ Bao bì đóng gói sản phẩm dầu nhớt:

Stt	Tên bao bì	Đơn vị tính	Số lượng
1	Vỏ lon/can	Cái	389.657
2	Vỏ xô	Cái	49.142
3	Vỏ phuy	Cái	15.116
4	Hộp carton	Cái	20.076

- Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không áp dụng

5.3. Tiêu thụ năng lượng

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 15.635.197 kw, tăng 6% so với năm 2023.
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng và thống kê năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: chưa thực hiện

5.4. Tiêu thụ nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nguồn cung cấp từ nước thủy cục hoặc giếng khoan.
- Lượng nước sử dụng trong năm 2024 là 310.378 m³, giảm 5% so với năm 2023.
- Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: nước thải tại các kho xăng dầu và CHXD của Tổng công ty phần lớn là nước thải nguy hại (nhiễm dầu), đều đã được xử lý để đảm bảo tiêu chuẩn xả thải ra môi trường. Tuy nhiên, Tổng công ty chưa thực hiện tái chế và tái sử dụng lượng nước thải nêu trên.

5.5. Thích ứng với biến đổi khí hậu và chuyển dịch năng lượng

Với sứ mệnh góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, dưới sự hướng dẫn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP đã có những hoạt động tham gia nhằm góp phần giảm thiểu ảnh hưởng của Biến đổi khí hậu trong quá trình tồn trữ và kinh doanh xăng dầu:

- Hợp tác với Công ty Vinfast lắp đặt hệ thống trạm sạc xe điện tại các CHXD, nhằm từng bước thực hiện các hoạt động chuyển dịch năng lượng.
- Thực hiện kiểm kê phát thải khí nhà kính và khí ô nhiễm trong hoạt động lọc hóa dầu tại Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Mỹ.
- Phổ biến và triển khai đến các đơn vị thành viên các văn bản quy định pháp luật, văn bản hướng dẫn của Tập đoàn về thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Triển khai một số biện pháp tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh như: thay thế dần các bóng đèn điện lắp đặt ngoài trời bằng bóng đèn sử dụng điện mặt trời, thay thế dần các vòi nước tự động nhằm tiết kiệm nước, ...
- Tổ chức hội thảo khoa học nội bộ để trình bày các nội dung: i) Nhiên liệu hàng không bền vững SAF, ii) Phát triển bền vững, iii) Xe điện và xu hướng công nghệ.

5.6. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6. Chính sách Lao động

Việc tuyển dụng, đào tạo, trả lương, trả thưởng, giải quyết chế độ chính sách đối với người lao động được đảm bảo công bằng, kịp thời. Bên cạnh đó, Tổng công ty xây dựng các chế độ phúc lợi, lợi ích tốt nhất có thể cho Người lao động.

6.1. Thực hiện Luật lao động

- ✔ Tổng công ty luôn tuân thủ theo các quy định của pháp luật lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành; cam kết không để xảy ra vi phạm trong quá trình thực hiện.
- ✔ Năm 2024, Công ty mẹ - PVOIL không xảy ra tranh chấp lao động, không có khiếu kiện liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

6.2. Tình hình thực hiện Thỏa ước lao động tập thể và quy chế, quy định nội bộ

- ✓ Việc ký kết và tổ chức thực hiện Thỏa ước lao động tập thể được thực hiện đầy đủ theo đúng trình tự, quy định của pháp luật hiện hành. Người lao động Tổng công ty luôn nêu cao ý thức, thực hiện tốt nội quy lao động, các quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty và từng đơn vị, các quy định về hợp đồng lao động, đào tạo, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, tiền lương, khen thưởng, phúc lợi, an toàn và vệ sinh lao động, kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, chế độ thai sản, hưu trí,... được cụ thể hóa tại thỏa ước lao động tập thể và các văn bản nội bộ liên quan khác.
- ✓ Tổng công ty và các đơn vị thành viên tổ chức hội nghị người lao động năm 2024 theo đúng trình tự và quy định của pháp luật, kết hợp với việc tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động SXKD, Hội nghị tổng kết công tác Đảng, Công đoàn để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

6.3. Lao động nữ

- ✓ Tỷ lệ lao động nữ chiếm gần 29% tổng số lao động của toàn Tổng công ty. Lao động nữ được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia quản lý, điều hành trong bộ máy của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.
- ✓ Ngoài các chế độ đối với Người lao động nói chung, Tổng công ty và các đơn vị còn áp dụng đầy đủ các chế độ riêng cho người lao động nữ (ví dụ: khám sức khỏe chuyên khoa, chế độ nghỉ thai sản, nghỉ khác của lao động nữ, ...) phù hợp theo quy định của pháp luật lao động, thỏa ước lao động tập thể và các văn bản nội bộ.

7. Báo cáo các vấn đề về xã hội

7.1. Việc làm và thu nhập



Tổng số CBNV PVOIL tính đến ngày 31/12/2024
6.987 người



Tiền lương bình quân tháng của Người lao động
19,37 triệu đồng



Các khoản phúc lợi

- ✓ Sức khỏe, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn
- ✓ Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm hưu trí tự nguyện
- ✓ Thăm quan, nghỉ mát
- ✓ Tổ chức ăn ca, sinh nhật
- ✓ Văn hóa, văn nghệ, thể thao...



Không phân biệt đối xử

PVOIL cam kết không phân biệt đối xử trên cơ sở chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, quan điểm chính trị, nguồn gốc quốc gia hoặc xuất thân xã hội. Trong năm 2024 không có vụ việc phân biệt đối xử xảy ra tại PVOIL.



Không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức

PVOIL cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức, sử dụng lao động đúng theo độ tuổi pháp luật quy định.


7.2. Trách nhiệm với sản phẩm, dịch vụ


PVOIL cung cấp đầy đủ thông tin về sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, người tiêu dùng biết thông qua các kênh thông tin như: Website, Facebook, pano quảng cáo, PVOIL cũng thực hiện giới thiệu dịch vụ mới qua báo chí và các cuộc hội thảo.

Bên cạnh đó PVOIL cũng duy trì các đường dây nóng để tiếp nhận thông tin phản hồi của khách hàng tại tất cả các CHXD và Kho xăng dầu trong toàn hệ thống.


Khách hàng có thể góp ý, khiếu nại thông qua các hình thức sau:


 Gửi thư tới địa chỉ: **Tổng công ty Dầu Việt Nam - Tầng 14-18 Toà nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**

 Gửi email tới địa chỉ: **contact@pvoil.com.vn**

 Gọi điện tới số: **(84.28) 39119333**

 Phản ánh, khiếu nại của khách hàng đối với các kho xăng dầu:

 **0988.43.17.17**: tiếp nhận thông tin phản ánh/ khiếu nại của khách hàng tại các kho xăng dầu từ khu vực Thừa Thiên Huế (kho Chân Mây) trở ra phía Bắc.

 **0988.21.17.17**: tiếp nhận thông tin phản ánh/ khiếu nại của khách hàng tại các kho xăng dầu từ khu vực Đà Nẵng (kho Liên Chiểu) trở vào phía Nam.

 **08.96618800** Hỗ trợ PVOIL Easy trên toàn quốc.

 Phản ánh, khiếu nại của khách hàng đối với CHXD: theo số hotline niêm yết tại cửa hàng.

7.3. Trách nhiệm đối với cộng đồng

Nhận thức đầy đủ trách nhiệm đối với cộng đồng và mong muốn góp phần xây dựng xã hội ngày một tốt đẹp, nhân ái hơn, trong năm 2024 bên cạnh các chương trình xã hội từ thiện mang tính truyền thống từ nhiều năm qua, PVOIL đã đẩy mạnh các hoạt động ý nghĩa thiết thực nhằm chung tay chia sẻ với cộng đồng. Tổng chi phí ủng hộ cho công tác thiện nguyện trong năm đạt gần **31 tỷ đồng** với các hoạt động cụ thể sau:

- ❖ Tham gia các hoạt động tài trợ xây dựng trường học, các trung tâm y tế và các nhà Đại đoàn kết tại các địa phương trong cả nước: **14,3 tỷ đồng**
- ❖ Các hoạt động từ thiện, hỗ trợ khác: **16,8 tỷ đồng**
 - ✔ Phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh Hùng và Mẹ của Liệt sỹ tại huyện Củ Chi.
 - ✔ Chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu mồ côi do ảnh hưởng của dịch Covid-19 tại huyện Nhà Bè.

- ✓ Thăm hỏi và tặng quà cho Mẹ Việt Nam Anh Hùng và Mẹ, vợ của các Liệt sỹ tại huyện Củ Chi, Trung tâm Điều dưỡng Thương binh và Người có công Huyện Long Đất, Bà Rịa – Vũng Tàu nhân dịp ngày 27/7.
- ✓ Thăm hỏi tặng quà Tết Mẹ Việt Nam Anh Hùng và Mẹ, Vợ của các Liệt sỹ tại huyện Củ Chi, các cháu mồ côi do ảnh hưởng Covid-19 tại huyện Nhà Bè, Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi Thiên Phước, tặng quà cho người nghèo, người có công, nạn nhân chất độc màu da cam trên địa bàn tỉnh Thái Bình, Hà Tĩnh, Hưng Yên và Cần Thơ.
- ✓ Hỗ trợ xây dựng phòng ở cho học sinh nội trú Trường PTDTBT THCS Na Sang, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.
- ✓ Hỗ trợ khắc phục hậu quả do thiên tai, bão lụt do cơn bão số 3 – bão Yagi.
- ✓ Tổ chức chương trình từ thiện xã hội “Cùng PVOIL tiếp sức giấc mơ đến trường” năm 2024, PVOIL trao tặng 300 chiếc xe đạp cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại 03 trường thuộc huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.
- ✓ Chương trình “Cùng PVOIL về quê đón Tết” Xuân Ất Tỵ 2025 do Đoàn Thanh niên PVOIL phối hợp với Trung tâm hỗ trợ học sinh, sinh viên TP. Hồ Chí Minh và Đoàn trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh... tổ chức. Đây là năm thứ 7 PVOIL thực hiện chương trình rất ý nghĩa này, mỗi năm hỗ trợ trên 1.000 lượt sinh viên về quê đón Tết.



Một số hình ảnh về công tác xã hội từ thiện của PVOIL trong năm 2024

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐĂNG TRÌNH

PHẦN VII - BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2024

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	63 - 64
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	65 - 66
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	67 - 69
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	70
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	71 - 72
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	73 - 114

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cao Hoài Dương	Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Thành viên
Ông Nguyễn Mậu Dũng	Thành viên
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Đăng Trình	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Quyền	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đăng Trình	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2024)
	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2024)
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2024)
Ông Võ Khánh Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Tú	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 21 tháng 8 năm 2024)
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Đình Tùng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2023)
Ông Trương Đại Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 10 năm 2024)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- ✓ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ✓ Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ✓ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

- ✓ Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- ✓ Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Nguyễn Đăng Trình
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các Công ty con (Công ty mẹ và các Công ty con được gọi chung là “Tổng Công ty”), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2025, từ trang 5 đến trang 51 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu

khí ("PVB"), công ty liên kết của Tổng Công ty, được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 271.593.756.068 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 271.593.756.068 đồng) dựa theo số liệu báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của PVB cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày báo cáo hợp nhất này, dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ do PVB làm chủ đầu tư đã dừng triển khai và Tổng Công ty đang làm việc với các cổ đông của PVB và các bên liên quan về việc triển khai phương án phá sản cho PVB theo quy định của pháp luật. Chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào PVB theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, dẫn đến việc chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về vấn đề này trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Dựa trên các thông tin hiện tại, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào PVB theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 1, Thuyết minh số 2 và Thuyết minh số 7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (“PETEC” - Công ty con của Tổng Công ty) và Công ty mẹ - Tổng Công ty do PETEC và Công ty mẹ - Tổng Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày PETEC và Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



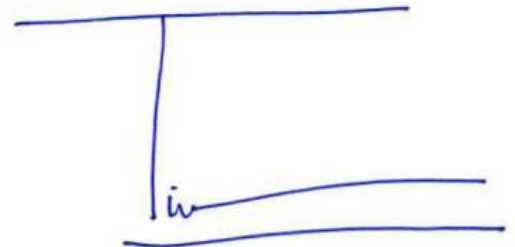
Bùi Văn Trịnh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1808-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Tôn Thất Tiến
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4326-2023-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.543.078.564.691	32.976.531.658.391
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.123.668.695.965	5.377.029.776.926
1. Tiền	111		2.757.928.959.997	4.278.603.473.270
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.365.739.735.968	1.098.426.303.656
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.852.966.805.960	9.892.564.301.584
1. Chứng khoán kinh doanh	121		168.047	168.047
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(148.247)	(121.967)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	10.852.966.786.160	9.892.564.255.504
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.488.183.407.266	13.109.781.737.877
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	10.257.657.924.743	9.223.889.798.131
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		210.200.439.931	156.256.022.626
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	6.851.993.590.990	4.551.330.075.728
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(838.062.610.461)	(828.053.403.809)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		6.394.062.063	6.359.245.201
IV. Hàng tồn kho	140	9	3.540.185.208.884	4.171.177.245.517
1. Hàng tồn kho	141		3.540.400.938.532	4.189.636.962.749
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(215.729.648)	(18.459.717.232)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		538.074.446.616	425.978.596.487
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	48.244.067.966	41.568.261.946
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	11	194.344.974.493	155.822.147.611
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	295.485.404.157	228.588.186.930

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.191.390.944.213	5.862.640.909.323
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		31.977.085.054	37.094.740.084
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	20.449.094.473	20.449.094.473
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	89.100.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	7	31.611.665.054	36.705.252.084
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	8	(20.083.674.473)	(20.148.706.473)
II. Tài sản cố định	220		3.529.417.403.320	3.432.809.427.312
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.058.039.983.209	1.970.445.660.393
- Nguyên giá	222		7.068.968.725.573	6.740.111.646.579
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.010.928.742.364)	(4.769.665.986.186)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	6.571.060.687	7.106.939.951
- Nguyên giá	225		8.551.263.997	8.530.631.135
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.980.203.310)	(1.423.691.184)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	1.464.806.359.424	1.455.256.826.968
- Nguyên giá	228		1.832.391.653.985	1.783.460.878.632
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(367.585.294.561)	(328.204.051.664)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	98.067.904.587	101.487.699.255
- Nguyên giá	231		139.193.437.163	139.193.437.163
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(41.125.532.576)	(37.705.737.908)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		208.531.485.428	186.957.586.512
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	208.531.485.428	186.957.586.512
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		707.543.604.915	709.602.391.419
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18	640.875.493.556	642.590.776.373
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19	108.911.654.132	108.911.654.132
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	19	(42.243.542.773)	(41.900.039.086)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.615.853.460.909	1.394.689.064.741
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.615.832.097.273	1.394.007.466.235
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		21.363.636	21.363.636
3. Lợi thế thương mại	269	20	-	660.234.870
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		41.734.469.508.904	38.839.172.567.714

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		30.286.081.721.273	27.446.112.930.499
I. Nợ ngắn hạn	310		29.952.500.030.911	27.144.353.193.886
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	13.532.386.670.554	13.630.705.436.026
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		74.715.783.727	51.257.265.531
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	831.226.700.666	747.765.561.352
4. Phải trả người lao động	314		307.706.829.468	319.832.549.640
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	94.877.481.392	196.260.844.651
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		13.431.228.603	10.941.235.534
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	7.624.488.086.822	5.153.463.733.043
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	7.423.447.631.211	6.966.663.180.400
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		188.634.784.675	211.791.788.198
10. Quỹ bình ổn giá	323	25	(138.415.166.207)	(144.328.400.489)
II. Nợ dài hạn	330		333.581.690.362	301.759.736.613
1. Phải trả người bán dài hạn	331		618.584.000	-
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		7.734.338.843	17.018.030.278
3. Phải trả dài hạn khác	337		24.700.583.741	25.256.656.416
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	110.600.366.921	87.810.540.210
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	26	182.828.528.032	170.277.647.967
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		7.099.288.825	1.396.861.742
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.448.387.787.631	11.393.059.637.215
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	11.448.387.787.631	11.393.059.637.215
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.342.295.000.000	10.342.295.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		23.612.446.327	23.612.446.327
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(163.981.446.150)	(163.981.446.150)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(112.620.670.583)	(90.503.579.945)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		248.191.611.116	237.911.815.985
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		25.872.097.529	20.536.409.008
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		69.573.192.438	(6.190.291.640)
- Lợi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(257.014.772.452)	(463.375.937.854)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		326.587.964.890	457.185.646.214
8. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	28	1.015.445.556.954	1.029.379.283.630
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		41.734.469.508.904	38.839.172.567.714



Phùng Tố Vân
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Ninh
Kế toán trưởng



Nguyễn Đăng Trình
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	124.468.577.433.501	102.672.062.635.968
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	8.938.566.744	9.163.466.544
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	31	124.459.638.866.757	102.662.899.169.424
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	120.320.303.001.607	98.809.408.624.268
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4.139.335.865.150	3.853.490.545.156
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	674.301.503.214	864.619.513.234
7. Chi phí tài chính	22	35	357.145.880.617	403.179.889.468
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		188.029.415.891	261.163.524.272
8. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	24	18	14.247.712.497	10.470.110.673
9. Chi phí bán hàng	25	36	2.774.265.069.214	2.482.580.855.823
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	1.077.540.899.929	1.144.547.307.630
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		618.933.231.101	698.272.116.142
12. Thu nhập khác	31	37	58.673.745.327	111.645.213.227
13. Chi phí khác	32	37	44.461.820.069	12.048.110.761
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	37	14.211.925.258	99.597.102.466
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		633.145.156.359	797.869.218.608
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	38	146.891.912.999	176.873.163.608
17. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	26	11.821.159.043	(351.242.539)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		474.432.084.317	621.347.297.539
Trong đó:				
18.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		411.034.698.303	562.630.233.292
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		63.397.386.014	58.717.064.247
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	316	435

Phùng Tố Vân
Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Ninh
Kế toán trưởng



Nguyễn Đăng Trình
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	633.145.156.359	797.869.218.608
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	02	307.066.321.875	303.622.705.334
Các khoản dự phòng	03	(7.956.282.965)	(56.502.267.412)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	46.415.942.466	45.420.732.635
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(563.081.493.118)	(718.218.114.434)
Chi phí lãi vay	06	188.029.415.891	261.163.524.272
Các khoản điều chỉnh khác (i)	07	5.913.234.282	369.070.542.210
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	609.532.294.790	1.002.426.341.213
Tăng các khoản phải thu	09	(3.696.556.697.572)	(4.905.723.196.502)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	649.236.024.217	(1.228.097.545.504)
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.248.841.692.917	5.506.909.012.148
Tăng chi phí trả trước	12	(228.500.437.058)	(478.666.650.529)
Tiền lãi vay đã trả	14	(186.749.153.172)	(263.319.142.887)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(104.185.926.756)	(150.374.220.480)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(107.603.736.936)	(120.655.042.255)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(815.985.939.570)	(637.500.444.796)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(399.194.445.239)	(418.981.814.129)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.138.329.212	12.836.755.454
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.412.725.027.532)	(10.404.456.792.459)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	11.449.322.496.876	8.178.423.764.697
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	33.139.404.640
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	751.059.775.118	553.227.443.825
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(607.398.871.565)	(2.045.811.237.972)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	32.804.965.995.935	27.751.766.732.944
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(32.325.320.093.339)	(23.462.907.365.897)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.353.779.754)	(1.970.051.401)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(229.693.261.285)	(221.231.579.160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	248.598.861.557	4.065.657.736.486
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(1.174.785.949.578)	1.382.346.053.718
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.377.029.776.926	4.081.852.242.021
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(39.319.025.940)	(45.680.498.673)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	62	(39.256.105.443)	(41.488.020.140)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61+62)	70	4.123.668.695.965	5.377.029.776.926

(i) Bao gồm khoản điều chỉnh giảm tiền lãi phát sinh trên số dư Quỹ bình ổn giá xăng dầu âm như trình bày tại Thuyết minh 25 với số tiền là 5.913.234.282 đồng (năm trước: không phát sinh).



Phùng Tố Vân
 Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Ninh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Đăng Trình
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các Công ty con (Công ty mẹ và các Công ty con được gọi chung là “Tổng Công ty”), trước đây là Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên, là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên được thành lập trên cơ sở hợp nhất Tổng Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí và Công ty TNHH Một thành viên Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ.

Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104005189 ngày 26 tháng 6 năm 2008 và thay đổi lần 16 ngày 16 tháng 01 năm 2016. Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2008 với vốn điều lệ là 7.220.000.000.000 đồng.

Từ ngày 01 tháng 8 năm 2018, Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần với tên gọi là Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 19 ngày 13 tháng 12 năm 2022. Vốn điều lệ của Công ty mẹ sau khi chuyển thành công ty cổ phần là 10.342.295.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được chấp thuận giao dịch trên Thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) vào ngày 07 tháng 3 năm 2018 với mã chứng khoán là OIL.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số nhân viên của Tổng Công ty (không bao gồm các công ty con) là 685 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 683 người).

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Kinh doanh sản phẩm dầu: Kinh doanh và xuất nhập khẩu sản phẩm Ethanol; Kinh doanh và xuất nhập khẩu dầu và dầu thô trong và ngoài nước; Phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu; Sản xuất sản phẩm Ethanol, sản phẩm dầu; Kinh doanh nhiên liệu máy bay; Xuất nhập khẩu sản phẩm dầu và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, hóa chất; Kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư thiết bị trong chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu; Mua bán phân bón; Kinh doanh hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu.
- Dịch vụ: Cho thuê kho bãi; Cho thuê xe ô tô, xe có động cơ khác, kho xăng dầu, cửa hàng xăng dầu, hệ thống thiết bị pha chế xăng dầu; Đại lý tàu biển; Môi giới và cung ứng tàu biển, vận tải dầu khô và sản phẩm dầu; Hoạt động điều hành cảng biển, cảng đường thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ven biển và viễn dương, vận tải đường thủy nội địa; Hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe ô tô; Kinh doanh khách sạn, du lịch; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, mô tô, xe máy; Tư vấn đầu thầu; Xây dựng các hệ thống bồn, bể chứa sản phẩm dầu; Dịch vụ lấy mẫu, phân tích và thử nghiệm mẫu xăng dầu; Quảng cáo tại các kho xăng dầu, cửa hàng xăng dầu và trên các phương tiện vận tải xăng dầu.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty gồm Công ty mẹ và 27 công ty con. Danh sách các công ty con như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa (iii)	Thanh Hoá	100,00%	100,00%	Kinh doanh xăng, dầu các loại; kinh doanh thương mại, dịch vụ thương mại; kinh doanh xuất nhập khẩu; khai thác, chế biến khoáng sản; bất động sản...
Công ty TNHH MTV Kinh doanh dầu nội địa PVOIL Lào	Lào	100,00%	100,00%	Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan.
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Lào	Lào	100,00%	100,00%	Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan.
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	Bạc Liêu	100,00%	100,00%	Bán buôn thực phẩm. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan.
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Vận tải hàng hoá đường bộ. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí. Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	Trà Vinh	100,00%	100,00%	Kinh doanh xăng dầu. Kinh doanh hàng tiêu dùng.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận (ii)	Bình Thuận	95,26%	95,26%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Vận tải hàng hoá bằng đường bộ.
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (i)	Tp. Hồ Chí Minh	94,78%	95,09%	Xuất nhập khẩu, tổ chức kênh bán buôn xăng dầu; chi tiết xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ; xuất nhập khẩu phân bón; cung cấp dịch vụ hàng hải.
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	Cần Thơ	89,37%	89,37%	Xây dựng tổng kho xăng dầu. Chế biến và kinh doanh các sản phẩm dầu khí, xuất nhập khẩu các sản phẩm dầu mỏ.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	Quảng Ninh	80,19%	80,19%	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Vận tải hàng hoá và đường bộ và thuỷ.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh (iv)	Tây Ninh	78,62%	78,62%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung	Quảng Ngãi	72,29%	72,29%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Hải Phòng	Hải Phòng	72,00%	72,00%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Hà Nội	71,84%	71,84%	Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm có liên quan. Dịch vụ kho cảng. Vận tải hàng hoá.

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	Phú Thọ	71,68%	71,68%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Vận chuyển các sản phẩm dầu khí.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	68,00%	68,00%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Xây dựng các loại nhà.
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Vũng Tàu	67,64%	67,64%	Bán buôn, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan. Sản xuất chế biến nhiên liệu và dung môi. Kinh doanh nhiên liệu sinh học.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	Phú Yên	67,13%	67,13%	Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan; mua bán khí đốt; vận tải hàng hoá.
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV OIL	Tp. Hồ Chí Minh	62,66%	62,66%	Khai thác, sản xuất, vận chuyển, bán buôn và bán lẻ các sản phẩm liên quan đến xăng, dầu và khí đốt.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (iv)	Tp. Hồ Chí Minh	65,18%	66,93%	Kinh doanh xăng dầu. Khai thác dầu thô. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên. Sản xuất hoá chất cơ bản.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Vũng Tàu	57,18%	57,18%	Bán buôn, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan. Sản xuất chế biến nhiên liệu và dung môi. Kinh doanh nhiên liệu sinh học.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Nam Định	56,75%	56,75%	Mua bán, kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ. Đại lý bán buôn, bán lẻ xăng dầu. Kinh doanh nhiên liệu sinh học.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Hà Tĩnh	56,50%	56,50%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Vận tải hàng hoá bằng đường thuỷ nội địa.
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	Tp. Hồ Chí Minh	51,01%	51,01%	Kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt. Kinh doanh vận tải xăng dầu. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Sắt thép, vật liệu xây dựng.
Công ty TNHH MTV Kinh doanh dầu Quốc tế Singapore	Singapore	51,00%	51,00%	Mua bán, kinh doanh các loại dầu thô và các sản phẩm dầu trên thị trường quốc tế. Tham gia mua bán và cung cấp dầu thô tại Việt Nam.
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	51,00%	51,00%	Bán buôn và kinh doanh nước khoáng.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Campuchia	Campuchia	51,00%	51,00%	Đang trong quá trình thành lập

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty ghi nhận và phản ánh trên báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty khoản góp vốn cổ phần vào PETEC lớn hơn giá trị PETEC đang theo dõi và hạch toán với số tiền 111.225.298.544 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản chênh lệch này sẽ được xử lý khi PETEC thực hiện xong công tác quyết toán cổ phần hóa. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ tại công ty con để loại trừ khoản chênh lệch này trước khi thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 1474/NQ-DKVN thông qua chủ trương về việc Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP (“PVGAS”) nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Tổng Công ty tại Công ty Thương mại và Kỹ thuật Đầu tư – CTCP (“PETEC”). Ngày 31 tháng 3 năm 2021, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có công văn số 1574/DKVN-KTĐT đề nghị Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại PVGAS và Tổng Công ty báo cáo Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo tổ chức triển khai các bước tiếp theo đảm bảo lợi ích của Tổng Công ty và PVGAS. Ngày 12 tháng 02 năm 2025, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 1004/NQ-DKVN chấp thuận chủ trương dừng chuyển nhượng cổ phần của Tổng Công ty tại PETEC cho Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (“PV GAS”).

- (ii) Ngày 01 tháng 7 năm 2024, Tổng Công ty đã hoàn tất mua thêm 963.493 cổ phần tại Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận, theo đó nâng tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty con này lên 95,26%.
- (iii) Ngày 25 tháng 12 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 93/NQ-DVN về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh 5 năm từ năm 2025 đến năm 2029 và Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa (“PVOIL Thanh Hóa”). Theo đó, vốn điều lệ của PVOIL Thanh Hóa sau khi tăng là 200.000.000.000 đồng (vốn điều lệ hiện tại là 97.205.000.000 đồng).
- (iv) Ngày 10 tháng 6 năm 2024, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-DVN về việc phê duyệt phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh và Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, hai đơn vị này đang thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành để hoàn thiện công tác sáp nhập nói trên.

Danh sách các công ty liên kết sở hữu trực tiếp:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	Phú Yên	47,79%	47,79%	Sản xuất, chế biến hàng nông sản xuất khẩu,...
Công ty Cổ phần Thương mại Thạch Hãn	Quảng Trị	44,99%	44,99%	Kinh doanh xăng dầu, công nghệ phẩm, nông sản, thực phẩm,...
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	Tp. Hồ Chí Minh	44,87%	44,94%	Xuất nhập khẩu xăng dầu, vận chuyển hàng hóa
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí	Hà Nội	39,76%	39,76%	Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (i)	Quảng Ngãi	34,28%	34,28%	Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	Tp. Hồ Chí Minh	29,00%	29,00%	Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình (ii)	Ninh Bình	20,26%	33,30%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chuẩn bị mặt bằng. Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương.

- (i) Ngày 27 tháng 5 năm 2024, Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành quyết định 01/2024/QĐ-MTTPS mở thủ tục phá sản đối với Công ty Cổ phần nhiên liệu Sinh học Dầu Khí Miền Trung.
- (ii) Trong năm, để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư phát triển, Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình đã thực hiện tăng vốn điều lệ thêm 30.000.000.000 đồng thông qua hình thức chia một phần cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu với số tiền là 10.750.176.212 đồng, đồng thời phát hành thêm cổ phiếu từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 19.249.823.788 đồng.

Danh sách các công ty liên doanh sở hữu trực tiếp:

Tên công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Bình Phước	30,20%	Sản xuất kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Bà Rịa - Vũng Tàu	19,00%	Đầu tư xây dựng kho ngầm chứa xăng dầu
Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA	Đồng Nai	15,00%	Sản xuất và kinh doanh dầu hoá dẻo DOP

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Quyết toán cổ phần hóa

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty do Tổng Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu

biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập (có pháp nhân hoặc không có pháp nhân) trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát và bên tham gia được hưởng lợi nhuận được chia phát sinh từ hoạt động của hợp tác kinh doanh.

Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên doanh được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên doanh sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên doanh vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên doanh đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên doanh đó) không được ghi nhận.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư góp vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư khi có bằng chứng cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	4 - 7

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

	Số năm
Phương tiện vận tải	4 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo thời hạn quy định trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Các tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà xưởng, vật kiến trúc và cơ sở hạ tầng do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm giá trị tiền thuê đất, thuê văn phòng, thuê tài sản, giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý, và các chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất, thuê văn phòng, thuê tài sản thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý thể hiện giá trị thương hiệu và giá trị lợi thế vị trí địa lý đối với đất thuê không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất còn lại hoặc theo thời gian sử dụng của tài sản cố định trên đất.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm chi phí san lấp mặt bằng, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng chờ phân bổ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức của các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và các quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quỹ bình ổn giá xăng dầu

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập và sử dụng theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 (“Nghị định 83”) của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 (“Nghị định 95”) của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 83 về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2023 (“Nghị định 80”) của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 95 và Nghị định 83 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Thông tư 103/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2021 (“Thông tư 103”) do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn phương thức trích lập, chi sử dụng, quản lý Quỹ bình ổn giá xăng dầu.

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập bằng một khoản tiền cụ thể, cố định trong giá cơ sở của lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ và được xác định là một khoản mục chi phí trong cơ cấu giá cơ sở theo các quy định hiện hành.

Quý bình ổn giá xăng dầu được sử dụng theo công văn chỉ đạo của Bộ Công thương từng thời kỳ. Việc sử dụng Quý bình ổn giá xăng dầu dựa trên sản lượng thực tế tiêu thụ nhân với mức sử dụng trên một lít xăng dầu theo quy định của Bộ Công thương.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều niên độ kế toán cho hàng hóa hay dịch vụ chưa được cung cấp hoặc chuyển giao. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, Tổng Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển

đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ. Tỷ giá này có sự khác biệt so với tỷ giá quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, sự khác biệt này không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm báo cáo trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tổng Công ty.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh khi Tổng Công ty thực hiện hoạt động tại nước ngoài được kế toán như tài sản và nợ phải trả liên quan đến hoạt động tại nước ngoài và được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc hoạt động này.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí chịu thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo

cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	31.588.650.367	72.621.067.792
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	2.724.883.847.192	4.201.143.839.926
Tiền đang chuyển	1.456.462.438	4.838.565.552
Các khoản tương đương tiền (i)	1.365.739.735.968	1.098.426.303.656
	4.123.668.695.965	5.377.029.776.926

- (i) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 0,5% đến 4,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 0,5% đến 3,95%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số tiền 2.903.500.663 đồng và 3.776.074 Đô la Mỹ là tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.603.571.374 đồng, 3.776.074 Đô la Mỹ) và 1.099.909.463 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.014.000.000 đồng) là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng (“tương đương tiền”); đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 275.066.236.997 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 275.033.236.997 đồng) là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 06 tháng đến 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 5) tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (nay là Ngân hàng TNHH Một thành viên Việt Nam Hiện Đại - “Modern Bank”) bị hạn chế chi trả theo Chỉ thị số 600/2015/CT-TGD ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Ngân hàng TMCP Đại Dương về việc tạm dừng cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để tiến hành rà soát, thẩm định hồ sơ thanh toán của khách hàng. Hiện nay, Ngân hàng TNHH Một thành viên Việt Nam Hiện Đại đã được Ngân hàng TMCP Quân đội (“MB”) nhận chuyển giao bắt buộc, sở hữu 100% vốn của Modern Bank theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, theo đó Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá và tin tưởng rằng các khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong thời gian tới.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam có thời gian đáo hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất từ 2,9% đến 9,0%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 3,5% đến 9,0%/năm).

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (i)	6.255.007.763.231	4.242.042.358.563
PNX Petroleum Singapore Pte Ltd	599.684.494.293	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	591.470.835.986	460.013.128.406
PTT (Lao) Co., Ltd	201.371.658.500	245.629.689.398
Vitol Asia Pte Ltd	-	630.008.252.994
BCP Trading Pte Ltd	-	609.579.724.449
Các khách hàng khác	2.610.123.172.733	3.036.616.644.321
	10.257.657.924.743	9.223.889.798.131
b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại		
Xuất nhập khẩu Tân Định Phong	12.839.699.605	12.839.699.605
Công ty TNHH Hương Giang	6.315.000.000	6.315.000.000
Các khách hàng khác	1.294.394.868	1.294.394.868
	20.449.094.473	20.449.094.473
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 41)</i>	6.988.558.288.447	4.809.534.311.544
(i) Phản ánh khoản phải thu về phí ủy thác và tiền dầu thô liên quan đến việc thực hiện các hoạt động mua, nhập khẩu ủy thác và bán hàng cho Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.		

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Thu hộ, trả hộ tiền đầu thô xuất nhập khẩu ủy thác	5.916.277.104.445	3.434.328.909.160
Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	172.131.795.269	172.131.795.269
- Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	169.785.513.359	169.785.513.359
- Lợi nhuận tạm phân phối Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.346.281.910	2.346.281.910
Thuế tiêu thụ đặc biệt chờ khấu trừ, thuế bảo vệ môi trường và thuế nhập khẩu ưu đãi chờ hoàn (ii)	157.004.568.727	110.692.217.362
Phải thu về cổ phần hóa (iii)	6.253.479.545	6.253.479.545
Hợp đồng BCC số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 (iv)	90.764.719.853	305.514.166.317
Phải thu khác	509.561.923.151	522.409.508.075
	6.851.993.590.990	4.551.330.075.728
b. Phải thu dài hạn khác		
Phải thu về chuyển nhượng dự án Petroland	7.729.035.600	14.335.482.200
Ký quỹ, ký cược dài hạn	19.529.429.090	17.885.233.800
Cảng cá Ba Tri - Bến Tre	3.999.829.019	4.098.839.219
Phải thu khác dài hạn	353.371.345	385.696.865
	31.611.665.054	36.705.252.084

*Trong đó: Phải thu khác từ các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 41)*

2.998.894.316.710 3.056.532.564.106

- (i) Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm khoản lỗ lũy kế từ ngày 30 tháng 6 năm 2010 đến ngày 18 tháng 5 năm 2011 - là thời điểm Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư ("PETEC") (Công ty con của Tổng Công ty) chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần với số tiền là 169.785.513.359 đồng. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn nhà nước tại PETEC tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.
- (ii) Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên vật liệu condensate và hàng pha chế chờ được khấu trừ, thuế bảo vệ môi trường và thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt chờ hoàn từ Ngân sách Nhà nước.
- (iii) Phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình cổ phần hóa. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.
- (iv) Phản ánh khoản phải thu liên quan đến Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 ("Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh" hoặc "BCC") ngày 21 tháng 01 năm 2021 giữa Tổng Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần ("PVGAS") để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên theo thỏa thuận của Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh dưới hình thức chia lợi nhuận sau thuế. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty được ủy quyền quản lý và điều hành dự án cũng như thực hiện hạch toán kết quả kinh doanh của Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh và phân chia lợi nhuận sau thuế cho Tổng Công ty và PVGAS theo tỷ lệ lần lượt là 65% và 35%. Chi tiết khoản phải thu ngắn hạn khác liên quan đến Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu khác liên quan đến việc thực hiện BCC	90.300.570.048	298.128.407.135
Phần lợi nhuận sau thuế được chia từ kết quả kinh doanh của BCC (*)	464.149.805	7.385.759.182
	90.764.719.853	305.514.166.317

(*) Trong năm, phần lợi nhuận sau thuế tương ứng với tỷ lệ mà PVOIL được hưởng từ BCC là 464.149.805 đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023: 35.778.036.715 đồng), trong đó, phần lợi nhuận sau thuế còn phải thu từ kết quả kinh doanh của BCC tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 464.149.805 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 7.385.759.182 đồng).

8. NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu khó đòi theo đối tượng				
Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc	124.164.578.894	-	124.164.578.894	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xăng dầu Tiền Phong	118.524.357.430	-	118.524.357.430	-
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	-	87.946.610.123	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm	77.865.356.829	-	77.865.356.829	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	69.438.325.811	-	69.438.325.811	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Vũ Anh	43.257.741.001	-	43.257.741.001	-
Công ty Cổ phần Song Phát	26.371.285.621	-	26.371.285.621	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	20.056.024.362	4.118.432.035	20.056.024.362	8.765.142.821
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cẩm Giàng	20.010.740.366	-	20.010.740.366	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Cái Lân	19.576.761.700	-	19.576.761.700	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đình Phong	12.839.699.605	-	12.839.699.605	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí Anh Thúy	12.047.043.901	-	12.047.043.901	-
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	9.996.785.688	-	9.996.785.688	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Ninh Bình	8.906.024.795	-	8.906.024.795	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	7.799.179.244	-	7.799.179.244	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ 1932	6.875.172.043	-	6.875.172.043	-
Công ty TNHH Hương Giang	6.315.000.000	-	6.315.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Thành Phát	4.270.513.122	-	4.270.513.122	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Kiên Giang	3.312.890.390	-	3.312.890.390	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	3.681.404.379	3.681.404.379	3.681.404.379	3.681.404.379
Công ty Cổ phần Thương mại Phương Hoàng	3.287.903.374	-	3.287.903.374	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Hồng Việt	3.145.082.500	-	3.145.082.500	-
Công ty TNHH Công nghiệp Ngôi sao xanh	2.700.000.000	-	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Trung Kiên	6.101.538.587	-	6.101.538.587	-
Công ty TNHH TM Thanh Trang	5.341.563.413	-	5.341.563.413	-
Công ty TNHH Ngọc Tâm	3.895.619.604	-	3.895.619.604	-
Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp Hưng Yên	3.305.302.689	-	3.305.302.689	-
Khách hàng khác	161.237.609.738	11.713.252.748	160.257.389.803	17.683.560.257
	872.270.115.209	19.513.089.162	871.289.895.274	32.830.107.457

Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thận trọng và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu như sau:

- Dựa trên giá trị sổ sách trừ giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập đối với những khoản phải thu không có tài sản đảm bảo.
- Đối với các khoản công nợ phải thu có giá trị tài sản đảm bảo lớn hơn giá trị phải thu, giá trị có thể thu hồi xác định bằng giá gốc của khoản phải thu. Đối với các khoản công nợ có tài sản đảm bảo nhỏ hơn giá trị phải thu, giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá trị sổ sách trừ giá trị của tài sản đảm bảo và trừ dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	624.121.171.486	-	645.153.007.290	-
Nguyên liệu, vật liệu	286.399.032.483	-	420.816.460.295	-
Công cụ, dụng cụ	13.472.832.540	-	13.421.993.904	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	75.615.847	-
Thành phẩm tồn kho	211.316.364.199	-	110.478.034.254	-
Hàng hóa	2.405.091.537.824	(215.729.648)	2.999.691.851.159	(18.459.717.232)
	3.540.400.938.532	(215.729.648)	4.189.636.962.749	(18.459.717.232)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 215.729.648 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 18.459.717.232 đồng) đối với các mặt hàng có giá trị thuần thấp hơn giá gốc tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 18.243.987.584 đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023: hoàn nhập 20.083.032.446 đồng).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	9.568.341.853	15.369.350.647
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	12.533.415.048	6.522.478.246
Chi phí bảo hiểm	7.588.462.217	7.360.988.821
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	18.553.848.848	12.315.444.232
	48.244.067.966	41.568.261.946
b. Dài hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	762.857.109.159	653.328.157.789
Giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý (i)	481.015.011.288	434.343.655.420
Chi phí san lấp mặt bằng	16.112.061.706	16.720.064.038
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	30.402.697.463	48.413.163.942
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng chờ phân bổ	86.737.619.564	51.974.389.091
Chi phí trả trước dài hạn khác	238.707.598.093	189.228.035.955
	1.615.832.097.273	1.394.007.466.235

- (i) Bao gồm phần giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý đối với đất thuê trả tiền hàng năm ghi nhận vào giá trị Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP ("PETEC" - một công ty con của Tổng Công ty) khi cổ phần hóa ngày 18 tháng 5 năm 2011 với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 136.404.825.769 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 142.558.494.871 đồng).

11. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là phần thuế giá trị gia tăng đầu vào mà Tổng Công ty chưa thực hiện khấu trừ. Việc khấu trừ khoản thuế này trong năm tiếp theo sẽ phụ thuộc vào việc kê khai của Tổng Công ty và sự kiểm tra, phê duyệt của cơ quan thuế địa phương.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số được khấu trừ/ đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Các khoản thuế phải thu Nhà nước				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	225.414.490	224.614.490	-	800.000
Thuế tiêu thụ đặc biệt	199.847.125.642	-	77.386.766.023	277.233.891.665
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.510.259.664	11.932.233.568	2.483.441.932	16.061.468.028
Thuế thu nhập cá nhân	590.926.190	2.748.311.344	3.605.646.091	1.448.260.937
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.759.156.629	5.772.190.481	4.717.319.300	704.285.448
Các loại thuế khác	655.304.315	655.304.315	36.698.079	36.698.079
	228.588.186.930	21.332.654.198	88.229.871.425	295.485.404.157
Các khoản thuế phải trả, phải nộp Nhà nước	747.100.061.477	11.254.125.500.972	11.170.664.790.658	830.560.771.791
Thuế GTGT hàng bán nội địa	80.010.154.541	1.322.179.138.420	1.342.770.046.888	59.419.246.073
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.647.122.217.321	1.647.122.217.321	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	342.890.966.513	342.890.966.513	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	132.282.432.179	132.282.432.179	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.602.069.930	134.727.573.485	101.702.484.824	60.627.158.591
Thuế thu nhập cá nhân	10.530.101.707	65.533.765.436	67.020.400.725	9.043.466.418
Thuế tài nguyên	32.010.000	519.127.500	517.502.500	33.635.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	67.520.198.057	67.520.198.057	-
Thuế bảo vệ môi trường	628.444.293.608	7.523.804.744.862	7.454.060.110.649	698.188.927.821
Thuế môn bài	-	744.031.466	744.031.466	-
Các loại thuế khác	481.431.691	16.801.305.733	14.034.399.536	3.248.337.888
Các khoản phải nộp khác	665.499.875	394.594.152.896	394.593.723.896	665.928.875
Các khoản phí, lệ phí	665.499.875	394.594.152.896	394.593.723.896	665.928.875
	747.765.561.352	11.648.719.653.868	11.565.258.514.554	831.226.700.666
Trong đó: chi tiết các khoản phải thu/phải trả với cơ quan thuế tại nước ngoài như sau:				
Các khoản thuế phải thu	-	-	-	-
Các khoản thuế phải trả	19.338.143.365	1.360.348.385.573	1.347.389.096.126	32.297.432.812

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	4.586.955.350.004	1.446.525.777.948	537.394.987.281	128.294.214.908	40.941.316.438	6.740.111.646.579
Tăng trong năm	34.207.580.425	45.425.239.205	136.014.994.245	17.182.646.620	816.977.940	233.647.438.435
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	83.191.353.164	18.668.319.037	16.048.905.567	4.992.577.045	-	122.901.154.813
Phân loại lại	(2.104.631.859)	-	-	-	-	(2.104.631.859)
Thanh lý, nhượng bán	(5.218.165.418)	(4.461.812.719)	(8.319.280.393)	(260.176.182)	-	(18.259.434.712)
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	(197.681.976)	(173.288.104)	(36.909.219)	153.062.143	(12.347.536)	(267.164.692)
Tăng/(giảm) khác	(1.722.842.504)	(5.725.330.713)	1.606.787.925	(858.890.910)	(360.006.789)	(7.060.282.991)
Số dư cuối năm	4.695.110.961.836	1.500.258.904.654	682.709.485.406	149.503.433.624	41.385.940.053	7.068.968.725.573
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	3.120.706.382.336	1.129.884.396.428	387.196.420.211	93.132.703.589	38.746.083.622	4.769.665.986.186
Khấu hao trong năm	159.460.503.372	54.765.400.900	32.341.974.917	13.066.537.292	1.629.012.140	261.263.428.621
Thanh lý, nhượng bán	(3.818.155.883)	(4.411.187.574)	(8.291.271.134)	(260.176.182)	-	(16.780.790.773)
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	(172.004.857)	(147.018.006)	(36.909.190)	95.571.847	(11.910.625)	(272.270.831)
Tăng/(giảm) khác	(5.428.636.550)	(2.298.746.686)	5.383.339.466	(603.567.069)	-	(2.947.610.839)
Số dư cuối năm	3.270.748.088.418	1.177.792.845.062	416.593.554.270	105.431.069.477	40.363.185.137	5.010.928.742.364
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	1.466.248.967.668	316.641.381.520	150.198.567.070	35.161.511.319	2.195.232.816	1.970.445.660.393
Tại ngày cuối năm	1.424.362.873.418	322.466.059.592	266.115.931.136	44.072.364.147	1.022.754.916	2.058.039.983.209

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.572.424.430.610 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.452.608.385.514 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, các tài sản cố định hữu hình được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 234.386.779.433 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 222.467.919.350 đồng)

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	8.530.631.135
Thuê tài chính trong năm	1.282.154.680
Giảm do mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(1.261.521.818)
Số dư cuối năm	8.551.263.997
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	1.423.691.184
Khấu hao trong năm	949.889.904
Giảm do mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(393.377.778)
Số dư cuối năm	1.980.203.310
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	7.106.939.951
Tại ngày cuối năm	6.571.060.687

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	1.661.323.055.691	120.164.151.473	1.973.671.468	1.783.460.878.632
Tăng trong năm	-	13.376.150.000	-	13.376.150.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	13.620.500.000	6.949.951.581	20.570.451.581
Phân loại lại sang chi phí trả trước	15.448.786.571	-	-	15.448.786.571
Thanh lý, nhượng bán	(1.074.131.844)	-	-	(1.074.131.844)
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	(68.026.636)	-	-	(68.026.636)
Tăng/(giảm) khác	1.150.992.784	(473.447.103)	-	677.545.681
Số dư cuối năm	1.676.780.676.566	146.687.354.370	8.923.623.049	1.832.391.653.985
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	245.229.697.298	81.745.547.645	1.228.806.721	328.204.051.664
Khấu hao trong năm	28.930.267.047	11.615.495.314	227.211.451	40.772.973.812
Giảm khác	(1.353.690.078)	(38.040.837)	-	(1.391.730.915)
Số dư cuối năm	272.806.274.267	93.323.002.122	1.456.018.172	367.585.294.561
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	1.416.093.358.393	38.418.603.828	744.864.747	1.455.256.826.968
Tại ngày cuối năm	1.403.974.402.299	53.364.352.248	7.467.604.877	1.464.806.359.424

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 19.718.901.571 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 19.327.502.663 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, giá trị quyền sử dụng đất của Tổng Công ty và các công ty con với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 213.785.484.305 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 246.860.787.146 đồng) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

16. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Khác	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm và cuối năm	138.543.596.361	649.840.802	139.193.437.163
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	37.055.897.106	649.840.802	37.705.737.908
Khấu hao trong năm	3.419.794.668	-	3.419.794.668
Số dư cuối năm	40.475.691.774	649.840.802	41.125.532.576
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	101.487.699.255	-	101.487.699.255
Tại ngày cuối năm	98.067.904.587	-	98.067.904.587

Trong năm, Tổng Công ty thu được từ việc cho thuê bất động sản đầu tư (toàn bộ bất động sản đầu tư được cho thuê theo hình thức thuê hoạt động) là 36.674.704.496 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023: 37.133.970.116 đồng). Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong năm là 16.075.506.418 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023: 13.816.571.310 đồng).

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 8.687.202.336 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 8.687.202.336 đồng).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

17. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kho cảng Xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (i)	56.164.171.321	56.164.171.321
Đầu tư xây dựng các cửa hàng xăng dầu	42.912.719.228	33.547.865.730
Dự án duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và cải tạo kho xăng dầu Nghi Sơn	56.190.181.117	5.647.026.944
Dự án kho dữ liệu tập trung DW và Báo cáo phân tích thông minh BI	6.631.800.000	-
Dự án mở rộng kho An Hải	6.694.650.763	-
Kho Trung chuyển xăng dầu Hợp Thịnh - Kỳ Sơn, Hòa Bình (ii)	5.683.769.124	5.683.769.124
Mở rộng Kho Xăng dầu Vũng Rô	-	37.930.989.339
Công trình khác	34.254.193.875	47.983.764.054
	208.531.485.428	186.957.586.512

- (i) Thể hiện giá trị san lấp mặt bằng giai đoạn 02 của Kho cảng Xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ("Kho Cái Mép"). Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP ("PETEC" - một công ty con của Tổng Công ty) đã dừng thực hiện dự án từ năm 2012. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, PETEC đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục cần thiết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để có thể chuyển đổi công năng sử dụng, hợp tác khai thác khu đất dự phòng của kho Cái Mép nói trên.
- (ii) Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ ("PVOIL Phú Thọ" - một công ty con của Tổng Công ty) đã chấm dứt việc tiếp tục triển khai dự án này theo Quyết định số 46/QĐ-SKHĐT ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, PVOIL Phú Thọ đang hoàn thiện các thủ tục bàn giao đất trên thực địa và xin chứng nhận đầu tư dự án mới cho Công ty TNHH Petro Bình Minh, đồng thời đã nhận khoản tiền hỗ trợ theo tiến độ tương ứng.

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

a. Đầu tư vào công ty liên kết

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	592.706.664.087	608.440.531.993
Phần lãi phát sinh trong năm	22.212.252.355	20.873.454.375
Cổ tức được chia trong năm	(13.542.660.857)	(11.289.832.860)
Các khoản trích quỹ và điều chỉnh khác trong năm	(4.665.893.589)	(4.418.919.162)
Thanh lý công ty liên kết trong năm	-	(20.898.570.259)
Số dư cuối năm (i)	596.710.361.996	592.706.664.087

- (i) Bao gồm giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí ("PVB"), công ty liên kết của Tổng Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất với giá trị là 271.593.756.068 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 271.593.756.068 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, do Tổng Công ty không thu thập được thông tin tài chính và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của PVB, giá trị khoản đầu tư nói trên được tính toán theo số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được kiểm toán của PVB được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Theo Thông báo số 385/TB-VPCP ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ, dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ do PVB làm chủ đầu tư được đề nghị xem xét phương án giải thể, phá sản theo quy định pháp luật. Ngày 24 tháng 10 năm 2018, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã gửi văn bản trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc triển khai phương án phá sản PVB. Ngày 10 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã gửi Công văn số 211/DVN-TCKT cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để đề xuất được xác định lại khoản đầu tư này về mức không đồng (0 đồng) khi thực hiện quyết toán cổ phần hóa và trong quá trình thực hiện thủ tục phá sản dự án, nếu có phát sinh thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ, Tổng Công ty sẽ nộp toàn bộ về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Vấn đề này đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xin ý kiến xử lý của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại Công văn số 3540/DKVN-HĐTĐV ngày 01 tháng 7 năm 2019 về sắp xếp lại, xử lý nhà đất và khó khăn vướng mắc trong quyết toán cổ phần hóa PVOIL. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang làm việc với các cổ đông của PVB và các bên liên quan về việc triển khai phương án phá sản cho PVB theo quy định của pháp luật.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng tài sản	4.826.153.359.030	5.422.770.813.871
Tổng công nợ	4.349.266.664.148	4.710.957.006.572
Tài sản thuần	476.886.694.882	711.813.807.299
Phần tài sản thuần của Tổng Công ty trong công ty liên kết	596.710.361.996	592.706.664.087

b. Góp vốn liên doanh

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	49.884.112.286	81.273.531.538
Phần lỗ phát sinh trong năm	(7.964.539.859)	(10.403.343.702)
Cổ tức được chia trong năm	-	(24.254.640.000)
Các khoản trích quỹ và điều chỉnh khác trong năm	2.245.559.133	3.268.564.450
Số dư cuối năm	44.165.131.560	49.884.112.286

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên doanh của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng tài sản	1.923.529.645.768	2.203.753.936.938
Tổng công nợ	3.247.973.737.425	3.263.318.770.257
Tài sản thuần	(1.324.444.091.657)	(1.059.564.833.319)
Phần tài sản thuần của Tổng Công ty trong công ty liên doanh	44.165.131.560	49.884.112.286

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu	3.276.350.129.707	3.029.526.123.505
Lỗ thuần	(197.420.670.320)	(150.172.711.101)
Phần lỗ thuần của Tổng Công ty trong công ty liên doanh	(7.964.539.859)	(10.403.343.702)

19. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	47.241.749.605	47.241.749.605
Công ty Cổ phần Âu Lạc	26.482.144.914	26.482.144.914
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	10.549.395.047	10.549.395.047
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	7.263.016.037	7.263.016.037
Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tín	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	4.736.610.000	4.736.610.000
Đầu tư dài hạn khác	5.638.738.529	5.638.738.529
	108.911.654.132	108.911.654.132
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(42.243.542.773)	(41.900.039.086)
	66.668.111.359	67.011.615.046

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chưa thu thập được thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>Giá trị</u> <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm và cuối năm	223.644.147.290
HAO MÒN	
Số dư đầu năm	222.983.912.420
Phân bổ lợi thế thương mại trong năm	660.234.870
Số dư cuối năm	223.644.147.290
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	660.234.870
Số dư cuối năm	-

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u> Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u> Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	2.563.466.081.355	3.821.535.268.385
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.189.310.381.931	3.239.269.501.635
Socar Trading Singapore	2.141.272.982.594	-
Glencore Singapore Pte Ltd	2.117.034.405.366	-
PNX Petroleum Singapore Pte. Ltd	1.992.649.708.999	-
Soleum Energy Pte Ltd	568.850.909.027	-
Sahara Energy International Pte Ltd	300.496.930.272	-
PTT Company Co.,Ltd	203.649.488.865	-
BCP Trading Pte. Ltd.	-	2.802.809.507.566
PetroChina Inetrnational - HongKong	-	2.096.936.003.428
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	40.274.464.803	617.447.033.590
Hợp đồng BCC số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 (i)	13.561.897.425	387.412.090.473
Các đối tượng khác	401.819.419.917	665.296.030.949
	13.532.386.670.554	13.630.705.436.026

Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 41)

5.858.979.408.477

7.741.675.818.717

- (i) Phản ánh khoản phải trả tiền mua xăng nền RON91 và DO sản phẩm đáy theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 13/2021/ PVGAS/TT-PVOIL/D4 giữa Tổng Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần (“PVGAS”).

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Chi phí mua hàng, tài sản trích trước	33.664.097.932	160.205.180.825
Chi phí vận chuyển	3.796.989.583	10.785.758.825
Chi phí lãi vay	3.944.716.106	3.537.519.425
Chi phí trích trước sản phẩm dầu	4.560.335.964	3.061.044.455

Các khoản chi phí phải trả khác	48.911.341.807	18.671.341.121
	94.877.481.392	196.260.844.651
<i>Trong đó: Chi phí phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 41)</i>	8.795.126.991	67.660.207.768

23. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thu hộ, trả hộ tiền dầu thô xuất nhập khẩu ủy thác	7.361.501.206.654	4.892.049.815.864
Thuế xuất khẩu dầu thô thu hộ, trả hộ	876.918.468	70.828.163.731
Phải trả tiền thu từ bán cổ phần (i)	5.078.241.760	6.508.956.732
Hợp đồng BCC số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 (ii)	6.352.023.086	6.390.597.832
Phải trả về cổ phần hóa (iii)	6.508.956.732	5.078.241.760
Phải trả, phải nộp khác	244.170.740.122	172.607.957.124
	7.624.488.086.822	5.153.463.733.043
<i>Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 41)</i>	1.960.839.076.779	2.035.448.576.197
(i)	Phản ánh số tiền Tổng Công ty thu được khi thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng và phải trả cho chủ sở hữu số tiền thu từ việc chào bán cổ phần này. Khoản tiền thu về cổ phần hóa này sẽ được quyết toán và có thể được điều chỉnh khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.	
(ii)	Phản ánh số tiền phải trả liên quan đến chi phí điều chuyển và khoản phân chia lợi nhuận sau thuế của Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 giữa Tổng Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần.	
(iii)	Phản ánh khoản phải trả về cổ phần hóa sau khi ghi nhận đủ số vốn điều lệ của Tổng Công ty sau cổ phần hóa là 10.342.295.000.000 đồng theo Quyết định số 1979/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.	

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	6.942.643.210.204	6.942.643.210.204	32.719.230.358.098	32.267.446.813.239	7.394.426.755.063	7.394.426.755.063
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24b)	22.859.636.376	22.859.636.376	62.697.302.161	57.873.280.100	27.683.658.437	27.683.658.437
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24b)	1.160.333.820	1.160.333.820	1.530.663.645	1.353.779.754	1.337.217.711	1.337.217.711
	6.966.663.180.400	6.966.663.180.400	32.783.458.323.904	32.326.673.873.093	7.423.447.631.211	7.423.447.631.211

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng và các cá nhân để bổ sung vốn lưu động của Tổng Công ty và Công ty con. Các khoản vay từ các ngân hàng có thể rút bằng Đô la Mỹ, Kíp Lào hoặc Đồng Việt Nam theo từng hạn mức tín dụng ký kết với các ngân hàng. Các khoản vay từ các ngân hàng chịu lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, dao động 6%/năm đối với Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 3,2% đến 6,1%/năm), dao động 8% đến 10%/năm đối với Kíp Lào (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 7,9% đến 8,5%/năm) và dao động từ 2,75% đến 10%/năm đối với Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 1,7% đến 7,7%/năm)..

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty theo đồng tiền giải ngân như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay bằng VND	7.064.826.089.006	5.682.894.069.612
Vay bằng LAK	233.519.553.074	135.866.424.993
Vay bằng USD	96.081.112.983	1.123.882.715.599
	7.394.426.755.063	6.942.643.210.204

Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay tín chấp	7.064.826.089.006	5.178.637.393.090
Vay có tài sản đảm bảo	329.600.666.057	1.764.005.817.114
	<u>7.394.426.755.063</u>	<u>6.942.643.210.204</u>

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>VND</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Giá trị</u>	<u>VND</u>
		Số có khả năng trả nợ			Số có khả năng trả nợ	
Các khoản vay dài hạn (i)	107.547.840.422	107.547.840.422	148.432.939.998	120.570.582.261	135.410.198.159	135.410.198.159
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	4.282.669.984	4.282.669.984	2.812.818.325	2.884.443.399	4.211.044.910	4.211.044.910
	<u>111.830.510.406</u>	<u>111.830.510.406</u>	<u>151.245.758.323</u>	<u>123.455.025.660</u>	<u>139.621.243.069</u>	<u>139.621.243.069</u>
Trong đó:						
- Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 24a)	24.019.970.196	24.019.970.196	64.227.965.806	59.227.059.854	29.020.876.148	29.020.876.148
- Số phải trả sau 12 tháng	87.810.540.210	87.810.540.210	87.017.792.517	64.227.965.806	110.600.366.921	110.600.366.921

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

- (i) Các khoản vay dài hạn cho mục đích tài trợ các dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu tại Tổng Công ty và các Công ty con. Các khoản vay chịu lãi suất từ 5,0% đến 12,1%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 từ 7% đến 12,75%/năm) đối với các khoản vay bằng Đồng Việt Nam. Các khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại các cửa hàng xăng dầu và các tài sản cố định khác của Tổng Công ty và các công ty con.
- (ii) Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn phản ánh khoản vay có thời hạn 48 tháng của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và khoản vay có thời hạn 61 tháng của Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam tại Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam, lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng thuê tài chính.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay tín chấp	5.100.242.056	3.500.000.000
Vay có tài sản đảm bảo	134.521.001.013	108.330.510.406
	139.621.243.069	111.830.510.406

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	29.020.876.148	24.019.970.196
Trong năm thứ hai	29.220.531.797	17.773.628.775
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	51.355.036.978	34.047.559.027
Sau năm năm	30.024.798.146	35.989.352.408
	139.621.243.069	111.830.510.406
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả)	(29.020.876.148)	(24.019.970.196)
Số phải trả sau 12 tháng	110.600.366.921	87.810.540.210

25. QUỸ BÌNH ỔN GIÁ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	(144.328.400.489)	(513.398.942.699)
Trích quỹ trong năm	-	611.253.108.416
Sử dụng quỹ trong năm	-	(238.373.781.530)
Lãi tính trên số dư Quỹ bình ổn giá âm (*)	5.913.234.282	(3.808.784.676)
Số dư cuối năm	(138.415.166.207)	(144.328.400.489)

Trong đó:

Số dư tài khoản Quỹ Bình ổn chưa được kết chuyển	(138.415.166.207)	(144.328.400.489)
--	-------------------	-------------------

(*) Thể hiện khoản điều chỉnh giảm tiền lãi phát sinh trên số dư Quỹ Bình ổn giá xăng dầu âm với tổng số tiền 5.913.234.282 đồng. Trong đó, (i) số tiền 1.324.486.187 đồng được điều chỉnh dựa theo Biên bản kiểm tra ngày 22 tháng 5 năm 2024 của đoàn thanh tra Bộ Tài chính tại Tổng Công ty cho giai đoạn phát sinh Quỹ Bình ổn xăng dầu âm từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được bù đắp bằng nguồn tài chính hợp pháp và (ii) số tiền còn lại tương ứng 4.588.748.095 đồng được Tổng Công ty điều chỉnh cho giai đoạn trước năm 2023 dựa trên cơ sở tính toán và các nguyên tắc đề cập tại Biên bản kiểm tra ngày 22 tháng 5 năm 2024 của đoàn thanh tra Bộ Tài chính nói trên. Số tiền nói trên đã được hạch toán tăng tương ứng số dư Quỹ Bình ổn giá xăng dầu trong năm đối ứng với phần điều chỉnh giảm tương ứng của khoản mục doanh thu hoạt động tài chính khác của Tổng Công ty.

Việc trích lập và sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu được thực hiện theo các quy định của Bộ Tài chính và Bộ Công thương tại từng thời điểm (như trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3 – Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, mục “Quỹ bình ổn giá xăng dầu”). Trong năm, Tổng Công ty thực hiện trích lập và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu theo các quy định hiện hành. Phần chênh lệch trích và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu phát sinh sẽ được thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương trong thời gian tiếp theo.

26. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày kết thúc năm tài chính và thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	182.828.528.032	170.277.647.967
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>182.828.528.032</u>	<u>170.277.647.967</u>
Kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong năm	<u>11.821.159.043</u>	<u>(351.242.539)</u>

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (i)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lỗi lũy kế	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>									
Số dư đầu năm	10.342.295.000.000	(163.981.446.150)	228.667.036.228	20.494.008.664	(55.282.039.140)	(185.534.886.956)	23.612.446.327	1.116.938.262.058	11.327.208.381.031
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	621.347.297.539	-	-	621.347.297.539
Trích các quỹ ngoài biểu vốn	-	-	-	-	-	(132.761.307.987)	-	(11.640.899.046)	(144.402.207.033)
Trích các quỹ trong biểu vốn	-	-	5.051.356.057	42.400.344	-	(5.093.756.401)	-	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đồng không kiểm soát	-	-	-	-	-	(58.717.064.247)	-	58.717.064.247	-
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	(35.221.540.805)	-	-	(29.077.962.891)	(64.299.503.696)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con	-	-	4.193.423.700	-	-	(31.977.683.629)	-	(61.613.080.200)	(89.397.340.129)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(206.845.900.000)	-	(41.599.891.783)	(248.445.791.783)
Khác	-	-	-	-	-	(6.606.989.959)	-	(2.344.208.755)	(8.951.198.714)
Số dư cuối năm	10.342.295.000.000	(163.981.446.150)	237.911.815.985	20.536.409.008	(90.503.579.945)	(6.190.291.640)	23.612.446.327	1.029.379.283.630	11.393.059.637.215
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>									
Số dư đầu năm	10.342.295.000.000	(163.981.446.150)	237.911.815.985	20.536.409.008	(90.503.579.945)	(6.190.291.640)	23.612.446.327	1.029.379.283.630	11.393.059.637.215
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	474.432.084.317	-	-	474.432.084.317
Trích các quỹ ngoài biểu vốn	-	-	-	-	-	(112.441.232.411)	-	(13.206.015.932)	(125.647.248.343)
Trích các quỹ trong biểu vốn	-	-	10.238.379.985	5.335.685.823	-	(15.574.065.808)	-	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đồng không kiểm soát	-	-	-	-	-	(63.397.386.014)	-	63.397.386.014	-
Điều chỉnh cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	19.896.529.273	-	-	(19.896.529.273)	-
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	(42.013.619.911)	-	-	-	(42.013.619.911)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(21.197.447.257)	(21.197.447.257)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(206.845.900.000)	-	(23.765.665.075)	(230.611.565.075)
Khác	-	-	41.415.146	2.698	-	(410.016.006)	-	734.544.847	365.946.685
Số dư cuối năm	10.342.295.000.000	(163.981.446.150)	248.191.611.116	25.872.097.529	(112.620.670.583)	69.573.192.438	23.612.446.327	1.015.445.556.954	11.448.387.787.631

- (i) Chênh lệch đánh giá lại tài sản thể hiện khoản điều chỉnh hợp nhất cho khoản chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết phát sinh từ việc điều chỉnh giá trị doanh nghiệp theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước và đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với giá trị vốn chủ sở hữu tại các công ty nhận đầu tư.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	200.445.036	200.445.036
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>200.445.036</i>	<i>200.445.036</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.034.229.500	1.034.229.500
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.034.229.500</i>	<i>1.034.229.500</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 13 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ của Tổng Công ty sau khi chuyển thành công ty cổ phần là 10.342.295.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Số lượng	Tỷ lệ %	Số vốn góp VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	832.803.564	80,52%	8.328.035.640.000
Các cổ đông khác	201.425.936	19,48%	2.014.259.360.000
	1.034.229.500	100,00%	10.342.295.000.000

Phân phối lợi nhuận

(*) Theo Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty mẹ - Tổng Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 như sau:

- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý với số tiền 97.574.220.000 đồng. Trong năm 2023, Công ty mẹ - Tổng Công ty đã tạm trích 105.444.587.078 đồng, theo đó, Tổng Công ty đã hoàn trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm với số tiền 7.870.367.078 đồng.
- Chia cổ tức năm 2023 theo tỷ lệ 2% vốn điều lệ, tương đương với số tiền 206.845.900.000 đồng. Trong năm, Công ty mẹ - Tổng Công ty đã hoàn thành việc chi trả khoản cổ tức nói trên.

Ngoài ra, căn cứ mức độ hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch năm 2024, Công ty mẹ - Tổng Công ty đã thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động và Quỹ thưởng Ban Điều hành Công ty mẹ - Tổng Công ty từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo quy định hiện hành với số tiền là 84.446.733.413 đồng. Số liệu sau cùng liên quan đến trích Quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động và Quỹ thưởng Ban Điều hành sẽ được trình Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết thông qua.

28. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn góp của chủ sở hữu	1.001.569.508.972	1.011.204.442.336
Thặng dư vốn cổ phần	22.444.505.197	22.444.504.530
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(53.581.685.767)	(33.685.156.494)

Quỹ đầu tư phát triển	132.896.749.225	132.423.197.690
Lỗ lũy kế	(87.883.520.673)	(103.007.704.432)
	1.015.445.556.954	1.029.379.283.630

29. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cho tổng diện tích thuê 3.890,04 m² tại số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó:

- (i) Diện tích thuê 3.459,11 m² với giá thuê là 70.622.316 đồng/m²/50 năm (Thuyết minh số 10). Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn là 50 năm từ ngày 10 tháng 01 năm 2010 cho phần diện tích 2.952,67 m²; 48 năm từ ngày 24 tháng 7 năm 2012 cho phần diện tích 506,44 m². Toàn bộ số tiền thuê văn phòng không gồm thuế GTGT đã được thanh toán với giá trị 244.290.357.799 đồng.
- (ii) Diện tích thuê 430,93 m² với giá thuê 464.220 đồng/m²/năm, trả tiền thuê hàng năm, thời hạn 10 năm từ ngày 01 tháng 12 năm 2023.

Hàng hóa nhận giữ hộ

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
- Xăng Ron 95	Lít	21.258.763	2.716.690
- Xăng Ron 92	Lít	17.418.531	22.769.414
- Xăng E5	Lít	6.995.067	2.173.841
- Dầu DO 0,05%	Lít	104.522.680	70.308.109
- Dầu DO 0,001%	Lít	2.853.836	-
- Dầu FO	Kg	2.892	534.749
- Xăng E100	Lít	-	595
- Naptha	Lít	6.935.340	1.795.533
- Condensate	Lít	717.113	-
- Phụ gia CN120	Lít	529.775	-
- DO đáy	Lít	305.804	-
- Hàng hóa khác	Lít	20.691	173.003

Ngoại tệ

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ (USD)	USD	22.013.925	34.756.458
- Đồng Euro (EUR)	EUR	151	310
- Đô la Singapore (SGD)	SGD	51.723	103.270
- KIP Lào (KIP)	KIP	153.633.025.712	173.065.601.836
- Bath Thái (THB)	THB	36.791.251	42.366.027

30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do hoạt động của Tổng Công ty chủ yếu là hoạt động xuất nhập khẩu và kinh doanh dầu thô, xăng dầu.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty hoạt động tại khu vực nội địa và nước ngoài. Dưới đây là phân tích doanh thu của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nội địa	89.455.992.816.171	87.817.398.242.246
Quốc tế	35.003.646.050.586	14.845.500.927.178
	124.459.638.866.757	102.662.899.169.424

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó (Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 15).

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Nội địa	3.478.397.196.841	3.391.383.054.294	375.609.433.366	310.862.063.354
Quốc tế	44.449.145.792	34.319.433.067	14.885.761.463	4.016.140.886
	3.522.846.342.633	3.425.702.487.361	390.495.194.829	314.878.204.240

31. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	124.468.577.433.501	102.672.062.635.968
- Doanh thu bán hàng	123.860.051.591.585	101.995.109.738.647
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và hoạt động khác	418.750.176.243	498.780.928.141
- Doanh thu từ ủy thác xuất nhập khẩu dầu thô	189.775.665.673	178.171.969.180
Các khoản giảm trừ doanh thu	(8.938.566.744)	(9.163.466.544)
- Chiết khấu thương mại	(8.938.566.744)	(9.163.466.544)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	124.459.638.866.757	102.662.899.169.424

*Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 41)*

26.915.925.852.835	14.711.926.620.359
--------------------	--------------------

32. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán	120.078.086.255.609	98.628.484.608.858
Giá vốn dịch vụ cung cấp	260.460.733.582	182.547.330.624
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(18.243.987.584)	(1.623.315.214)
	120.320.303.001.607	98.809.408.624.268

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.698.321.560.114	9.958.533.503.609
Chi phí nhân công	1.580.908.400.114	1.550.575.728.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	307.066.321.875	302.899.388.213

Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.398.718.128.149	1.137.517.905.256
Chi phí khác bằng tiền	743.432.586.103	794.112.000.350
	13.728.446.996.355	13.743.638.526.028

34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	546.657.631.717	695.108.829.866
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	125.968.531.843	141.796.904.504
Cổ tức được chia	2.678.820.751	4.654.051.100
Lãi bán hàng trả chậm	1.129.448.467	1.797.196.408
Lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	12.240.834.381
Lãi trên Quỹ bình ổn giá âm (Thuyết minh số 25)	(5.913.234.282)	3.808.784.676
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.780.304.718	5.212.912.299
	674.301.503.214	864.619.513.234

35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	188.029.415.891	261.163.524.272
Lỗ chênh lệch tỷ giá	157.335.690.147	117.317.537.765
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	343.529.967	6.077.793.608
Chi phí tài chính khác	11.437.244.612	18.621.033.823
	357.145.880.617	403.179.889.468

36. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng	2.774.265.069.214	2.482.580.855.823
Chi phí nhân viên bán hàng	1.018.755.523.938	955.717.279.769
Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng	173.907.256.115	181.277.973.093
Chi phí vận chuyển	264.129.737.088	167.955.381.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	791.149.858.913	711.053.566.028
Chi phí khấu hao tài sản cố định	209.259.749.477	215.917.734.592
Các khoản chi phí bán hàng khác	317.062.943.683	250.658.920.485
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.077.540.899.929	1.144.547.307.630
Chi phí nhân viên quản lý	429.341.382.575	463.776.300.039
Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng	46.166.615.866	51.007.619.063
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.783.159.727	37.133.428.486
Trích lập các khoản dự phòng	10.339.827.837	5.163.538.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.512.703.750	149.864.812.502
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	419.397.210.174	437.601.608.968
	3.851.805.969.143	3.627.128.163.453

37. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	58.673.745.327	111.645.213.227
Hoàn nhập quỹ dự phòng rủi ro môi trường	-	66.120.284.378

Tiền bồi thường nhận được	7.074.363.870	12.489.134.202
Thu nhập từ kiểm kê thừa hàng tồn kho	17.666.558.448	12.377.569.388
Thu từ thanh lý tài sản cố định	2.050.103.936	4.025.170.105
Vận chuyển nhân sự các lô dầu	14.529.136.572	-
Các khoản thu nhập khác	17.353.582.501	16.633.055.154
Chi phí khác	44.461.820.069	12.048.110.761
Hao hụt vận chuyển	263.745.673	772.125.170
Chi phí hủy bỏ, thu hồi dự án	350.000.000	-
Phí lưu tàu	14.857.931.628	-
Các khoản chi phí khác	28.990.142.768	11.275.985.591
Lợi nhuận khác	14.211.925.258	99.597.102.466

38. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	146.891.912.999	176.873.163.608
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	146.891.912.999	176.873.163.608

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là số liệu tạm tính. Số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức phải nộp sẽ phụ thuộc vào kết quả quyết toán thuế với cơ quan thuế.

39. LỖ/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	411.034.698.303	562.630.233.292
- Trích các quỹ ngoài biểu vốn từ nguồn lợi nhuận (VND) (*)	(84.446.733.413)	(112.551.235.932)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	326.587.964.890	450.078.997.360
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	1.034.229.500	1.034.229.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	316	435

(*) Cho mục đích trình bày chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, số liệu liên quan đến việc trích các quỹ ngoài biểu vốn từ nguồn lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được ước tính dựa trên mức độ hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch năm 2024 và các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông/Nghị quyết của Hội đồng thành viên của các công ty con.

Tổng Công ty thực hiện tính toán lại lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước để phản ánh khoản thực trích các quỹ ngoài biểu vốn từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 theo Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông/Nghị quyết của Hội đồng thành viên của các công ty con, chi tiết như sau:

	Năm trước	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	562.630.233.292	562.630.233.292
- Trích các quỹ ngoài biểu vốn từ nguồn lợi nhuận (VND)	(129.652.932.885)	(112.551.235.932)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	432.977.300.407	450.078.997.360
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	1.034.229.500	1.034.229.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	419	435

Trong năm, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

40. CAM KẾT VỐN

Theo Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ (“Nghị quyết 11”) ngày 26 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, trong đó, giá trị đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản trong năm 2024 với số tiền 1.070 tỷ đồng. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty đã thực hiện giải ngân đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản với tổng giá trị là khoảng 455 tỷ đồng và đang triển khai các công việc cần thiết để hoàn thành đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản theo đúng Nghị quyết 11 nói trên.

41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Các công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Các công ty liên kết	Công ty cùng Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng cán bộ quản lý chủ chốt

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	26.915.925.852.835	14.711.926.620.359
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	7.570.020.682.751	6.997.359.866.113
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	16.824.080.348.192	4.285.802.412.002
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	1.697.482.282.109	1.918.571.853.951
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	1.473.198.162	667.830.222.141
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	232.719.426.290	282.080.053.409
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	121.230.958.041	118.851.959.732
Công ty Cổ phần Thương mại Thạch Hãn	106.104.466.178	101.659.939.923
Các đối tượng khác	362.814.491.112	339.770.313.088
Mua hàng, sử dụng dịch vụ	70.765.558.455.685	62.682.992.988.304
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	42.198.095.472.451	32.054.519.406.772
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	26.588.735.140.295	28.955.420.113.284
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	1.366.956.918.164	622.593.963.335
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	422.476.523.062	522.260.104.060
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	-	358.056.098.418
Các đối tượng khác	189.294.401.713	170.143.302.435

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi trong năm		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	29.401.891.079	64.445.156.607
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	21.717.673.352	23.563.805.149
Lãi tiền vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	687.240.984	906.656.294
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	221.221.061	1.378.974.403

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.988.558.288.447	4.809.534.311.544
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	6.255.007.763.231	4.242.042.358.563
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	591.470.835.986	460.013.128.406
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	61.982.815.152	27.923.549.334
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	13.863.827.642	21.473.789.127
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	18.053.221.994	14.275.423.888
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	13.941.073.250
Các đối tượng khác	18.426.058.425	12.008.006.130
	29.753.766.017	17.856.982.846
Phải thu ngắn hạn khác	2.998.894.316.710	3.056.532.564.106
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	2.777.086.674.859	2.346.895.416.008
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	9.119.367.500	455.507.382.262
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	172.629.795.269	172.629.795.269
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	21.435.336.111	22.987.935.799
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	394.640.571	43.434.218.463
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	3.135.890.409	12.583.561.645
Các đối tượng khác	15.092.611.991	2.494.254.660
Trả trước cho người bán ngắn hạn	20.491.971.655	20.644.897.673
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	11.907.299.076	12.460.724.934
Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông (OBF) - NLSH Bình Phước	7.453.015.602	7.453.015.602
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechem JSC)	621.675.959	621.675.959
Tổng công ty Bảo hiểm PVI	330.604.637	109.481.178
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	179.376.381	-
Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn	5.858.979.408.477	7.741.675.818.717
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	2.563.466.081.355	3.821.535.268.385
Chi nhánh Phân phối sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.189.310.381.931	3.239.269.501.635
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	40.274.464.803	617.447.033.590
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	29.588.102.524	44.943.337.114
Các đối tượng khác	36.340.377.864	18.480.677.993

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả ngắn hạn khác	1.960.839.076.779	2.035.448.576.197
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	1.891.442.305.803	1.745.537.815.133
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	57.540.629.822	286.811.871.118
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	6.602.711.496	2.123.115.499
Các đối tượng khác	5.253.429.658	975.774.447
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	541.961.033	541.961.033
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	541.961.033	541.961.033
Tiền và tương đương tiền	605.168.476.737	1.355.363.446.517
Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển TP HCM	76.193.737.143	767.522.521.928
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	528.974.739.594	587.840.924.589
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	748.000.000.000	927.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển TP HCM	408.000.000.000	600.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	340.000.000.000	327.000.000.000
Vay	4.999.998.400	16.442.605.982
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	9.463.440.282
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM (HD Bank)	4.999.998.400	6.979.165.700
Chi phí phải trả ngắn hạn	8.795.126.991	67.660.207.768
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	-	45.344.487.340
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	7.544.179.440
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	-	6.860.240.358
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	3.058.292.646	6.658.558.180
Tổng Công ty bảo hiểm PVI	5.517.397.469	1.016.787.339
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	219.436.876	-
Các đối tượng khác	-	235.955.111

Tiền lương, phụ cấp và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm Tổng Giám đốc; tiền lương của Ban Kiểm soát, của các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương, phụ cấp và thù lao của Hội đồng Quản trị (bao gồm Tổng Giám đốc)	6.948.455.331	8.110.914.250
Ông Cao Hoài Dương	1.405.862.185	1.571.622.735
Ông Đoàn Văn Nhuộm	1.468.707.003	1.571.622.735
Ông Nguyễn Đăng Trình	1.361.580.000	1.255.275.034
Ông Lê Văn Nghĩa	1.173.076.510	1.255.275.034
Ông Nguyễn Mậu Dũng	1.179.229.633	1.318.268.690
Ông Hạng Anh Minh	-	418.425.011
Ông Lê Ngọc Quang	-	418.425.011
Ông Trần Hoài Nam	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Xuân Quyền	180.000.000	122.000.000
Tiền lương của Ban Kiểm soát	3.168.759.167	3.321.679.769
Ông Nguyễn Đức Kện	1.173.076.510	1.255.275.034
Bà Trần Thị Phượng	-	371.831.164
Ông Phạm Thanh Sơn	997.841.329	1.115.493.492
Ông Lê Vinh Văn	997.841.329	579.080.079
Tiền lương của các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	5.486.053.937	6.140.739.314

42. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 241.126.036.076 đồng là giá trị phần lãi từ hoạt động đầu tư trong năm chưa thu được (năm trước: 399.868.061.708 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.



Phùng Tố Vân
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Ninh
Kế toán trưởng



Nguyễn Đăng Trình
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2025